

TẤT CẢ ÂM NGHĨA KINH

Đại đường phiên dịch kinh Sa Môn Huệ Lâm soạn.

QUYỂN 16

Kinh Âm Đại Phương Quảng Tam giới ba quyển. Huệ Lâm.

- Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác hai quyển- Huyền

Ứng.

- Kinh A Di Đà, hai quyển- Huyền Ứng.

- Kinh Vô Lượng Thọ hai quyển. Huyền Ứng một pho sắp lên.

- Kinh A các Phật Quốc, hai quyển-Huyền ứng.

- Kinh Đại Thừa Thập Pháp, một quyển Huệ Lâm.

- Kinh Phổ Môn phẩm, một quyển, Huyền ứng.

- Kinh Phật thuyết Bào thai, một quyển. Huệ Lâm.

- Kinh Văn Thù Sư Lợi Phật Độ Nghiêm tịnh, hai quyển- Huyền

ứng.

- Kinh Đại Thánh Văn Thù Phật sát công Đức, ba quyển. Huệ

Lâm. Một pho sắp lên.

- Kinh Pháp Cảnh, hai quyển. Huyền ứng.

- Kinh Úc Ca La Việt vấn, một quyển.

- Kinh Huyền Sĩ Nhân Hiền, một quyển. Huyền ứng.

- Kinh Quyết Định Tỳ Ni, một quyển. Huệ Lâm.

- Hậu Dịch ba mươi lăm Phật danh sám Hối, một quyển. Huệ lâm.

- Kinh Phát Giác Tịnh Tâm, hai quyển. Huệ Lâm.

- Kinh Tu Ma Đề Nữ, một quyển. Huệ Lâm.

- Kinh Tu Ma Đề Bồ-tát, một quyển.

- Kinh A Các quán nữ thuật Đạt, một quyển. Huệ Lâm.

- Kinh Đắc Vô Cấu nữ (Kinh Ly Cấu Thí nữ)một quyển. Huyền

ứng.

- Kinh Ưu Trán Vương, một quyển. Huyền ứng.

- Kinh Văn Thù Sở thuyết Phật cảnh giới, một quyển. Huệ Lâm

soạn.

Hai mươi ba kinh trên ba mươi bốn quyển đồng âm quyển này.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI

Huệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

雜穀. Tạp cốc Ngược lại âm trên là tài hợp 才合. Âm nghĩa quyển thứ tám trước đã giải thích đầy đủ rồi. Đây nói âm dưới. Ngược lại âm dưới là công ốc 公屋. Theo chữ tóm tắt cho rằng: cốc 穀. là tích chứa nhiều loại, cốc là tên một trăm loại thực vật quy về “ngũ”, tức là năm loại: Tắc thử, đậu, mạch, ma. Thuộc về tắc 稷. đó gọi là lúa dẽo, tức là bông lúa nếp là Huệ cốc”. Thuộc về thử đó gọi là “Tán cốc”. Thuộc về đậu gọi là Giác cốc. Thuộc về mạch gọi là Mang cốc. Thuộc về va gọi là thọ cốc, cho nên gọi là ngũ cốc. Theo văn nói cho rằng: Cốc đó là một trăm vật gọi là cốc chữ viết từ bộ hòa 禾 thanh cốc 穀.

膜豹. Mạc Báo Âm trên là mạch 陌. Trong kinh sơn Hải nói rằng: con Mạc Báo. Quách Phác cho rằng: Mạc 膜. là loài động vật có vú, giống như con Gấu, mà nhỏ hơn, lông nó màu vàng, đen sáng và rất mịn bóng, đuôi ngắn, mũi lộ ra ngoài rất dài, có thể tự cho có đuôi da dày lông ít, chân trước bốn ngón, chân sau ba ngón, sinh sống ở vùng nhiệt đới, thường hay ăn măng tre trúc. Nhĩ Nhã cho rằng: Mạc là con báo trắng. Theo văn nói cho rằng: chữ viết từ bộ trĩ 豸. Trong kinh văn phần nhiều thoát đi. Chữ mạc 膜. đây. Nay bốn tiếng phạm sửa chữa lại, nên có cộng thêm văn chuẩn cho hợp thể văn. Ngược lại âm dưới là bao mạo 包貌. Theo văn nói cho rằng là loài thú, giống như con Hồ. Có đốm có vân đen, mà lại nhỏ hơn con hồ cũng viết từ bộ trĩ 豸. âm trĩ 豸. là âm trĩ 豸. Chữ báo báo 豹. đều là chữ hình thanh.

易馬. Dương Mã Ngược lại âm trên là tường dưỡng 祥養. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: Ở núi Đảo qua, có rất nhiều con tê dương. Quách Phác cho rằng: Là loại thú rất lớn, có màu sắc, hoặc là xanh, hoặc là trắng, mũi của nó dài giống như mũi heo mà lớn. Răng nó dài một trượng mà nhỏ, thân nó dài năm thước. Loại thú này tánh hay ghen ty. Theo văn nói cho rằng: Là loại thú có vú, tuổi thọ sống ba tuổi. Chữ tượng hình.

原獬 Nguyên Hổ: Ngược lại âm trên là ngô viên 虞袁, ngữ quan hai âm, đều thông dụng Nhĩ Nhã cho rằng: con Nguyên dương, giống như con Ngô dương. Quách Phác cho rằng: nó giống như con Ngô dương mà cái sừng lớn hơn cong Sơn dương. Trong kinh viết Nguyên 沅. Đây là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là đinh hê 丁奚. trong Mao Thi Truyện cho rằng: con đẽ dương can dê cái. Quảng phà cho rằng: con gà trống,

con Ngô dương khi được ba năm tuổi thì gọi là Hổ dương đều chữ tượng hình.

俱鶻 Cự dục: Ngược lại âm trên là cự ngu 具愚. hoặc viết câu 鶻. Âm dưới là dục 欲. theo chữ cự ? 鶻 Ngược lại âm dục tự 鶻似. cái lưỡi của chim và cái mỏ. Trước con mắt sừng có lông, có hai cánh có đốm trắng có tên gọi khác là hàn cao 寒皋.

鶻之羅 Câu chữ la. Âm trên là câu 俱. Ngược lại âm dưới là kinh 經以. câu chỉ la 俱 ? 羅 đó là tiếng Phạm. Ở tây vực gọi là tên của một loài chim. Loài chim này tiếng hót rất hay, khiến cho người ta nghe cảm thấy rất vui mừng, văn thường hay dùng gọi là loại chim hót hay.

鶻 雞. Hạt kê Ngược lại âm trên là át 曷. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: ở núi Huy chu có rất nhiều loại chim Hạt kê này. Quách Phác cho rằng: Giống chim trĩ, mà lớn hơn, trên đầu màu xanh, có màu trên đầu tính thích đá nhau cho đến chết, cũng gọi là con dẹo kê. Chữ hình thanh.

鶻 鷲. Điêu thú Âm trên là điêu 鶻. Âm dưới là tựu 就. Trong kinh âm nghĩa quyển thứ hai trước kinh đại Bát Nhã, đã giải thích đầy đủ.

這沙. Giá sa Tiếng phạm Ở tây vực gọi là tên của một loài chim. Nước này không có loại chim này.

茹食. Như thực Ngược lại âm Như hạ 如翫. theo sách Lễ Ký cho rằng: Loài chim ăn thịt thú. Cũng gọi là như ẩm, nghĩa là loài chim uống máu. Loài chim này lông nó mịn mà mềm.

Khẩu chúc ca 緊祝迦: Tiếng Phạm, tên của vật quý báu. Ngược lại âm trên là kinh dẫn 經引, âm dưới là chung lục 終 泉. Xưa dịch hoặc gọi là kiên thúc ca 堅叔迦.

毘醯勒: Tỳ ế lạc hình hê 馨奚. Ở tây vực gọi tên là cây Mạc. Nay gọi là tỳ lê lạc 毘梨勒.

豫樟. Dự chương Âm dưới là chương 章. Dự chương là cây lớn. Trong Nam Trung Di Vật Chú cho rằng: Sinh ra đến bảy tuổi mới biết. Nếu viết chữ chuyên 船 tức là cùng loại cây long não.

牛棘: Ngưu cước Ngược lại âm 矜力 căng lực. Ở Tây Trúc cho rằng: Tên của loài hoa lạ. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ hai bộ 束 thúc. Trong kinh văn viết từ bộ 來 lai là chẳng phải.

搆牛. Cấu ngư Ngược lại âm 古候 cổ hậu. Nghĩa dùng tay mà vắt sữa bò. Âm loát 搆 Ngược lại âm phồn quát 繁括. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Lấy tay gỡ lấy vật rất mỏng đem ra. Chữ cấu loát 搆搆. Hai chữ đều từ bộ thủ 手.

花鬢. Hoa mạn Ngược lại âm mã ban 馬班. Chữ giã tá. Ngược lại vốn là âm di nhiên 彌然. Nay mượn chữ là m Hoa mạn, chữ mạn đó là ở nước Tây Trúc dùng là m dụng cụ trang nghiêm thân. Lấy sợi chỉ xỏ qua loại thảo mộc đó là hoa đàm, dùng năm màu sắc, không cần phải hỏi người con trai, người con gái cùng nhau là m trang sức trên đầu, giống như sợi dây thao buộc con dấu vậy.

柔奕. Nhu nhuyễn Ngược lại âm nhi viên 而衰. Trong kinh viết nhuyễn ? này là chẳng phải, vẫn dưới theo đây đều chuẩn.

清冷. Thanh linh Âm dưới là lịch đình 歷丁. Thanh linh là nước trong sạch vậy. Theo văn nói chữ viết từ bộ thủy 水, thanh lịnh 令. Trong kinh viết từ bộ băng 冰 là chẳng phải, nếu âm chữ băng 冰 là lạc đả 勒打 là chẳng phải ý nghĩa trong kinh.

其鬚. Kỳ tu Ngược lại âm tương du 相與. Nghĩa là loại hoa Sen, chữ viết đúng là từ bộ sam 彡 viết thành chữ tu 須.

巢窟. Sào quật Ngược lại âm trên là sài hào 柴爻. Theo văn nói cho rằng: Con chim đậu trên cành cây. Chữ tượng hình. Trong kinh viết từ bộ quả là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là khốn cốt 困骨. Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Quật là đào đất là m nhà. Theo văn nói chữ viết từ bộ huyết 穴 thanh khuất 屈, cũng có từ bộ mịch là chẳng phải.

傢靜. Gia tịnh Ngược lại âm trên là tình diệc 情亦. Chữ cổ. Theo văn nói chữ viết gia ?.

馳騁. Trì sính Ngược lại âm dưới là sỉ dĩnh 恥郢. Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Sính là chạy nhanh. Theo văn nói giải thích rằng: Là chạy thẳng. Chữ viết từ bộ mã 馬 thanh sính ?, âm sính ngược lại âm thất binh 匹筭.

戲弄. Hý lộng Ngược lại âm trên là hư ký 虛記. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ qua 戈 thanh hý ?, âm hý ngược lại âm hứa nghi 許宜. Trong kinh viết từ bộ hư 虛 là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là lộc đồng 祿慟. Theo văn nói cho rằng: Giỡn cợt vui đùa. Chữ viết từ bộ củng 卍 đến bộ ngọc 玉, âm củng 卍 là âm củng 拱.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI QUYỂN TRUNG

搗打. Qua đả Ngược lại âm trên là trúc qua 竹瓜. Theo văn nói cho rằng: Qua là đánh nện. Chữ viết từ bộ mộc 木 quá 過. Ngược lại âm dưới là đắc lĩnh 得冷. Theo văn nói cho rằng: Là đánh gỗ, đánh phá.

伽鎖. Già tỏa Âm trên là da 加, âm dưới là tảng quả 桑果. Ngọc Thiên cho rằng: Liên kết với nhau. Theo văn nói cho rằng: Tỏa 鎖錮 là cái khóa móc xích. Chữ viết từ bộ kim 金 thanh tỏa ?, âm tỏa đồng với âm trên. Trong kinh văn viết chữ da tỏa 加瓊, hai chữ đều là trong sách viết sai.

生釋地獄. Sinh Thích Địa Ngục Ngược lại âm trên là thư hoi 雌潰. Theo Vận Anh Tập cho rằng: Là đầu nhọn của cây, văn thường hay dùng, chữ chánh thể viết là thúc 束. Quảng Nhã cho rằng: Răn cưa nhọn, cũng viết là chữ thích 刺 này, đều đúng, hoặc là viết sách 策, cũng viết giáp ?, những chữ này đều sai, chẳng phải chánh thể. Chữ viết từ bộ đao 刀 thanh sách ?.

老耄. Lão mạo Ngược lại âm mao bao 毛抱. Theo Vận Anh Tập cho rằng: Mạo 耄 là già. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Tám mươi, chín mươi tuổi gọi là mạo 旄. Âm mạo đồng với âm trên. Trịnh Huyền chú giải rằng: Mạo đó là mê muội hay quên. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ lão 老 thanh mao 毛.

貸財. Thải tài Ngược lại âm trên là thang lặc 湯勒. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Người vay mượn gọi là thải 貸. Theo văn nói cho rằng: Người cầu xin vật. Chữ viết từ bộ bối 貝 thanh vực 弋, âm vực là âm dục 翼 này.

頰蹙. Tần xúc Ngược lại âm trên là tỳ dân 毘寅, âm dưới là tửu dục 酒育. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Cau mày, mà xúc là bức bách sân giận, nổi giận khiến nét nhăn trên trán. Theo Khảo Thanh cho rằng: Nét nhăn trên mày, nghĩa là đôi mày trâu lại, dúm lại, xúc là nổi giận khiến mũi co rút lại, mắt trợn ra. Theo văn nói cho rằng: Chữ xúc 蹙, viết từ bộ thích 戚, ngược lại âm thanh diệp 青亦. Thanh túc 足, âm trứu 皺, ngược lại âm tắc cứu 則救. Âm ngạch 額 ngược lại âm an khác 安葛.

販賣. Phiến mại Ngược lại âm trên là phát vạn 發万. Chữ thống nhất cho rằng: Dùng tiền mua bán vật quý, gọi là sớm mua tối bán.

嫉妒. Tật đồ Âm trên là tật 疾. Ngược lại âm dưới là đô cố 都固. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: Hại người hiền gọi là tật 嫉, hại

sắc gọi là đố妒. Theo văn nói cho rằng: Người phụ nữ ghen chồng. Chữ viết đều từ bộ Nữ 女 thanh tậ hộ 疾 戶. Trong kinh văn viết đố 后 viết thành chữ đố 妒 này là chẳng phải.

貯聚. Trữ tụ Ngược lại âm chư lữ 豬 呂. Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trữ 貯 là chứa, là tàng trữ, cất giấu. Theo văn nói cho rằng: Là chứa nhiều. Chữ viết từ bộ bối 貝 thanh trữ 宁. Ngược lại âm dưới là tùng dụ 從 裕. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Tụ ? là gom lại. Giả Quy chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Tập hợp lại. Theo văn nói cho rằng: Hội hợp. Chữ viết từ bộ chúng ? thanh thủ 取, âm chúng ? là âm ngâm 吟 từ ba bộ nhưn 人.

箱篋. Tương khiếp Ngược lại âm dưới là khiêm diệp 謙 葉. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: Khiếp 篋 là cái rương rất kín. Âm giam ? là âm hàm 咸. Theo văn nói cho rằng: Tương 箱 là loại rương lớn. Khấp 匱 cũng là loại rương nhỏ bằng tre. Văn cổ viết khiếp ? này, từ bộ phương 匚, âm phương 方 thanh giáp 夾.

矛刺. Mâu thích Ngược lại âm trên là mẫu hậu 母 候. Theo văn nói cho rằng: Mâu là cây thương, dài hai trượng. Nói theo đây là dùng loại thước cổ, tức là ngày nay nói thước đó là một trượng sáu tấc. Theo chữ mâu 矛 tức là chữ tượng hình. Ngày nay gọi là cây giáo dài, hoặc gọi là ngọn mâu. Âm dưới là thử tứ 此 恣. Quyển trước đã giải thích rồi.

阿練兒. A luyện nhi Tiếng Phạm. Xưa dịch là chất thô không mịn mềm, cũng gọi là A lan nhã 阿蘭若. Đời Đường gọi là chỗ vắng lặng tịch tịnh yên tĩnh.

滓穢. Tử ế Ngược lại âm trên là ty sử 緇 史. Bì Thương lại viết tử 滓 này. Theo văn nói cho rằng: Là cặn bã rượu. Ngược lại âm dưới là ư vệ 於 衛. Bác Nhã cho rằng: Loài cỏ dại mọc hoang. Chữ viết từ bộ禾 hòa. Theo văn nói cho rằng: Chữ viết từ bộ thảo 草.

財賄. Tài hối Ngược lại âm dưới là khôi ỏi 陸 猥. Nhĩ Nhã cho rằng: Hối là của cải tài vật.

罵詈. Mạ ly Ngược lại âm trên là ma giá 麻 嫁. Ngược lại âm dưới là ly trĩ 理 稚. Theo văn nói cho rằng: Hai chữ đều cùng nhau hỗ tương nghĩa là răn đại nhắc nhở, đều bộ võng 网, võng là giống là kẻ có tội.

椎鍾. Chùy chung Ngược lại âm trên là lương truy 良 追. Theo văn nói cho rằng: Là cái dùi đánh gõ. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh trĩ 佳.

啗唾:Diên thóa Ngược lại âm trên là tường diên 祥 延. Văn thường

hay dùng cũng thông dụng. Chữ chánh thể viết từ bộ thủy ? đến bộ khiếm 欠, viết thành chữ khiếm ?. Theo văn nói cho rằng: Nước dãi trong miệng, hoặc viết từ bộ Thủy 水, viết thành chữ diên 涎, cũng là văn thông dụng thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là thổ ngựa 土臥. Giải thích chuẩn âm trên từ bộ thủy 水 thành thóa 垂.

視 睇. Thị lai Ngược lại âm dưới là lai đại 來岱. Còn nghi ngờ chữ này, trong truyện viết sai, nghĩa đúng hợp trong kinh viết là 瞬, ngược lại âm thủy nhuận 水潤.

濃厚. Nùng hậu Ngược lại âm nặc long 匿龍. Theo văn nói cho rằng: Nước đầy tràn ra ngoài, hoặc viết từ bộ dậu 酉, viết thành chữ nùng 醜. Theo văn nói cho rằng: Rượu đậm đặc. Chữ tượng hình.

謫罰. Trích phạt Ngược lại âm trên là trắc cách 陟革. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Tương trách, chê trách. Đồ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Trích là chỉ trích, khiển trách. Phương Ngôn cho rằng: Phần 訖, giận dữ. Theo văn nói cho rằng: Là phạt, trị tội. Chữ viết từ bộ ngôn 言 đến bộ thương 商, thanh tỉnh 省, Ngược lại âm dưới là phiên miệt 煩 ?. Theo văn nói cho rằng: Phạt tội, tội nhỏ thì phạt, chưa có dùng đao mà giết, nhưng cầm đao mà mắng nhiếc dọa nên gọi là phạt. Chữ viết từ bộ đao 刀 đến phạt 罰. Chữ hội ý.

關邏. Quan la Ngược lại âm trên là cổ ngoan 古頑. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Quan đó là cửa ải. Theo văn nói cho rằng: Lấy cây gỗ ngang trấn giữ cửa nhà. Quảng Nhã cho rằng: Đóng cửa lại. Chữ viết từ bộ môn 門 thanh quan ?, âm quan đồng với âm trên. Trong kinh văn viết từ bộ khai 開 viết thành chữ khai 開 này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là la yểm 羅厭. Tự Thư cho rằng: La邏 là che lại. Theo Văn Tự Tập Lược cho rằng: Đạo chơi chỗ trấn giữ đường nguy hiểm có binh khí, chuẩn bị đánh với nhau.

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TAM GIỚI QUYỂN HẠ

阿耨利. A Kỳ Lợi Âm kỳ耨 là âm kỳ祈 này. Tiếng Phạm, gọi là chất thô cứng không mềm mại, hoặc gọi là A xà lợi阿闍梨. Đời Đường gọi là Giáo thọ sư.

胞想. Thúy tưởng Ngược lại âm thuyên tuế詮歲. Quảng Nhã cho rằng: Thúy胞 là yếu, mềm mại. Theo văn nói cho rằng: Thịt nhuyễn dễ đoạn, xắt. Chữ viết từ bộ nhục肉 đến tuyệt絕, thanh tỉnh省. Trong kinh văn viết từ bộ nguy危 viết thành chữ thúy胞 này là chẳng phải.

捫摸. Môn mạc Âm trên là môn門, âm dưới là mạc莫. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Chữ môn mạc đó cũng giống như lấy tay vỗ về an ủi. Chữ viết đều từ bộ thủ手. Chữ hình thanh.

我弄. Ngã lộng Âm trên là ngã我, viết từ bộ thủ手 đến bộ qua戈. Chữ hội ý. Viết từ bộ hòa禾 đó là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là lung đồng籠慟. Quyển Thượng trước đã giải thích đầy đủ rồi. Trong kinh viết từ bộ thủ手 viết thành chữ biện抃 là chẳng phải nghĩa trong kinh.

蝗蟲. Hoàng trùng Ngược lại âm trên là hồ quang胡光. Văn Nhĩ Nhã cho rằng: Loại châu chấu ăn mầm non, mạ non, cũng gọi là minh螟, tức là con ấu trùng, ăn lá non, gọi là đặng騰 ăn rễ cây, gọi là mâu蝥, tức là sâu đục gốc, gọi là thường hay ăn gốc lúa, gọi là loại côn trùng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Có bốn loại, tuy có khác nhau về tên gọi, nhưng cũng gọi là Hoàng trùng蝗蟲. Quảng Nhã cho rằng: Trùng hoàng蝥蝗 tức là con châu chấu, hình như con châu chấu này trên lưng cũng có khác biệt về màu sắc, lớn, nhỏ không đồng, cho nên có tên gọi là hoàng, minh, mao, ngã蝗螟蝥蛾. Hoàng蝗 là con châu chấu, minh螟 là con ấu trùng, mao蝥 là con sâu đục gốc lúa, ngã蛾 là con bướm ngài. Hoàng蝗 là âm nhất điển一殄, âm yển偃 là âm thị mao侍蝥, ngược lại âm mạc hậu莫候. Âm trung蝥 là âm chung終, âm minh螟 là âm minh螟, âm ?蝥 là âm tặc賊. Vực蝥 là âm quắc 號, ngược lại là âm lâu quặc 樓 蝥.

不懈, Bất giải âm giới戒. Các chữ trong sách đều không có âm giá嫁.

龔亞. Lung á Ngược lại âm trên là lộc đông祿東. Âm dưới là ô giá烏賈. Trong quyển kinh âm nghĩa trước đã giải thích đầy đủ rồi, không thuật lại nữa. Trong kinh viết từ bộ khẩu口 viết á啞 này là chẳng phải.

應擔. Ứng đảm Ngược lại âm đáp cam 答甘. Quảng Nhã cho rằng: Đảm là nhấc lên, đưa lên. Văn Tự Thư cho rằng: Đảm là gánh vác, hoặc là viết đảm ? từ bộ 人 đều thông dụng. Chữ viết từ bộ 手 thanh đảm ?, âm đảm là âm chiêm 占. Chữ viết từ bộ mộc 木 là chẳng phải.

離搏. Ly bác Ngược lại âm bổ các 補各. Sách Bác Nhã ghi rằng: bác 搏 là đánh gõ. Trịnh Huyền chú giải sách Khảo Công Ký rằng: Bác là vỗ nhịp theo âm nhạc. Ngọc Thiên cho rằng: Bác là vỗ về an ủi. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nắm lấy sợi dây. Chữ viết từ bộ Thủ 手 đến bộ bác ?, thanh tỉnh 省. Chữ bác ? từ bộ phủ 甫, đến bộ Thốn 寸, viết bác ? này là chẳng phải.

疽惡. Thử ác Ngược lại âm thanh dư 青余. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Nóng nhiệt nổi lên là m mụn nhọt, không thông là m mụn ung. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ viết từ bộ tật ?, thanh thử ?, âm thử ?. Ngược lại âm tử dư 子余. Chữ viết từ bộ nhật 日 dưới chữ nhất 一.

繚攏. Liêu lệ Ngược lại âm trên là lực ô 力烏, âm dưới là liên kiết 蓮 ?. Theo Kinh Văn ghi rằng: Quán vòng cái chân lại, cái chân của người bê cong lại, không được thẳng. (Theo phong tục của người Trung Hoa là con gái nhà khuê các phải bó chân lại). Cũng gọi là là m như vậy không đúng. Chữ viết đều từ bộ mịch 糸. Chữ tượng hình. Âm mịch 糸 là âm mịch 覓.

聾哀. Lung ai Ngược lại âm nhai giải 崖解. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Ai ? là ngu si. Theo Tập Huấn Truyện cho rằng: Si mê. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ viết từ bộ mã 馬, ai ?, thanh tỉnh 省.

勿觸. Vật xúc Ngược lại âm vệ chúc 衛燭. Quảng Nhã cho rằng: Va chạm, xung đột. Trong Kinh văn viết từ bộ ngư 牛, viết xúc ? cũng là văn thông dụng thường hay dùng.

輕躁. Kinh táo Ngược lại âm dưới là tao lao 遭勞. Theo Khảo Thanh cho rằng: Tính nóng nảy, dao động, quấy nhiễu, mau chóng, đi vội vàng, hoặc là viết táo ? cũng đồng. Chữ viết từ bộ túc 足, thanh táo ?.

沫拌. Muội bấn Ngược lại âm trên là mạn bát 漫 ?. Ngược lại âm dưới là bàn mãn 盤滿. Theo Khảo Thanh cho rằng: Lưu lại, giữ lại, dừng nghỉ. Lấy đây và kia hòa trộn lại gọi là bấn 拌. Chữ viết từ bộ thủ 手, thanh bán 半.

裨囊 Bài nang. Âm trên là bại 敗, ngược lại âm dưới là nặc lang

諾郎. Thiên Thương Hiệt và Ngọc Thiên cho rằng: Thác nang là cái

dụng cụ thổi lửa, hoặc viết từ bộ cách 革, viết bài ?, hoặc viết từ bộ khao 靠, viết thành chữ ? đều thông dụng. Trong Kinh văn viết bài 排 này là chẳng phải.

以 鍛. Dĩ đoạn Ngược lại âm đô loạn 都亂. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: Đoạn 鍛 là dùng chày để rèn thép, tôi luyện. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Là cái dùi để đánh nện. Sách Thuyết Văn cho rằng: Đúc kim loại, nhỏ, rèn luyện. Chữ viết từ bộ Kim 金, thanh đoạn 段. Chữ đoạn 段 từ bộ thù 殳, đến chữ lập ?, thanh tỉnh 省. Âm toát撮 ngược lại âm đinh 丁 ?.

Trùy toàn Ngược lại âm trên là trực truy 直追. Sách Khảo Thanh cho rằng: Quả trùy đập sắt, hoặc viết trùy ? này, cũng viết chữ trùy ? này đều thông dụng. Ngược lại âm dưới là liễm nghiêm ? 嚴. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Dùng vật kẹp lại lấy dùi khoan. Chữ viết từ bộ kim 金 đến bộ chiêm 占, thanh tỉnh 省. Trong Kinh Văn viết từ bộ cam 甘, viết thành chữ kiềm 鉗, tức là thiết già 鐵枷, là cái gông cùm xiềng xích, là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Xu đặc 姝特. Ngược lại âm xướng chu 昌朱. Mao Thi Truyện cho rằng: Xu 姝 là người con gái đẹp. Sách Thuyết Văn ghi chữ từ bộ nữ 女 thanh chu 朱. Ngược lại âm dưới là đằng đắc 騰得. Văn Dĩnh chú giải Hán Thư rằng: Đặc 特 là ngọn nến chiếu sáng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Đặc là con bò đực. Chữ viết từ bộ ngưu 牛 đến bộ tự 寺, thanh tỉnh 省.

痾 黠 Thông hiệt. Ngược lại âm trên là thương hồng 倉紅. Sách Thượng Thư cho rằng: Nghe gọi là thông ?, tất nhiên là nghe rất rõ ràng, rất kỹ gọi là thông. Tất nhiên là là m mươi tính, chỗ nghĩ một việc định một kế, xét rõ mới thành. Trong Kinh Văn viết từ bộ Thông ? viết thành chữ Thông ?, văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là nhân bát. Theo Khảo Thanh cho rằng: Hiệt là thông minh, lanh lợi. Phương Ngôn cho rằng: Là người đứng đầu, cũng gọi là người có trí tuệ, gọi là hiệt. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc 黑 đến bộ kiết ? thanh kiết ?.

KINH VÔ LƯƠNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC QUYỂN THƯỢNG

Ngưu tự 牛飼, âm tự 寺. Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: Tự 飼 là cho ăn cùng với sự nuôi dưỡng. Xưa nay chữ chánh viết từ bộ thực 食 thanh tự 司. Trong Kinh Văn viết từ bộ khẩu 口 viết thành chữ tự ? này, vẫn thường hay dùng là chẳng phải.

瘦短. Sáu đoản Ngược lại âm đoan quản 端管. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đoãn 短 là thúc giục, thôi thúc. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Đoãn là không dài. Chữ viết từ bộ thủ 矢 thanh đậu tỉnh 豆省. Kinh Văn viết từ bộ thủ 手, viết thành chữ đoản ? này là chẳng phải, không thành chữ.

寶珥. Bảo nhĩ Ngược lại âm như chí 如志. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Cái vòng hoa tai, bông tai, gọi là nhĩ 珥, tức là châu ngọc trang sức cho nơi tai. Sách Thuyết Văn ghi chữ viết từ bộ ngọc 玉 thanh nhĩ 耳. Âm đang ? là âm đương 當.

攬飛. Hoàn phi Ngược lại âm trên là huyết duyên 血緣, cũng viết chữ duyên ? này, đều là chữ chánh thể. Công Dương Truyện cho rằng: Duyên ?, tức là hoàn?, tức là con châu châu. Bắt đầu sinh ra gọi là duyên ?, là ấu trùng, đến dài lớn ra gọi là hoàn ?. Lưu Tán nói rằng: Con kiến con. Đồng Trọng Thư cho rằng: Con châu châu. Theo Thanh Loại cho rằng: Cũng là con châu châu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Loài côn trùng bò dưới đất. Chữ viết từ bộ trùng 虫 thanh hoàn ?. T 405

螟動. Nhuyễn động Ngược lại âm nhuận đoãn 閏尹. Cố Dã Vương cho rằng: Loài côn trùng nhỏ bò lút nhút. Nhuyễn 螟 cũng giống như chữ động 動. Sách Tự Thư cho rằng: Loài côn trùng không có chân, mà đi được gọi là nhuyễn động. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng 虫, thanh nhuyễn 奕.

錠光. Đĩnh quang Âm trên là định 定.

崖底. Nhai để Ngược lại âm nhã giai 雅皆. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Bên vách núi cao. Chữ viết từ bộ Sơn hán 山 厂. Ngược lại âm ngũ đảo 五到. Giai Thanh và Kinh Văn lại viết ngâm 峯, nghĩa là núi cao vút. Sách cho rằng sai chẳng phải.

焜煌. Hồn hoàng Ngược lại âm trên là hồ bản 胡本, âm dưới là hoàng 皇. Sách Thuyết Văn cho rằng: Hồn hoàng là ánh sáng mặt trời chiếu rực rỡ, chói lọi. Chữ tả hình, hữu thanh.

征銃 Chỉnh sung. Ngược lại âm trên là chi doanh 之盈. Ngược lại âm dưới là chi dung 之容. Sách Phương Ngôn cho rằng: Cuống lên

vì sợ, sợ hãi quá mức. Quảng Nhã cho rằng: Vội vàng chạy Đông chạy Tây, hấp tấp, cũng là chữ hình thanh.

項很. Hạng ngân Ngược lại âm trên là học giảng 學講, âm dưới là ngân khẩn 痕墾. Hai chữ đều là chữ Thượng thanh. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Ngang ngạnh, oán hận, nói là người rất là bướng bỉnh, ngang tàng khó mà quay lại gọi là hạng 項. Chữ ngân 很 từ bộ xước ? thanh căn 艮.

青廬. Thanh sư Ngược lại âm trên là sanh cảnh 生耿. Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thanh 青 là tai họa. Giả Quỳ cho rằng: Là bệnh. Giải Thích Tên gọi là Sư thanh ? 青, giống như là bệnh ốm gây tiêu tụy. Kinh Văn viết lược, mượn dùng chẳng phải bốn chữ.

糜盡. Mi tận Ngược lại âm vẫn bi ? 悲. Văn thường hay dùng. Cố Dã Vương chú giải Kinh Dịch rằng: Mi là tán nhỏ ra. Quảng Nhã cho rằng: Hư hoại. Sách Thuyết Văn cho rằng: Mi là vụn vặt. Chữ chánh thể viết từ bộ mễ 米, viết thành chữ mi ?. Chữ hình thanh.

天拘嗒 Thiên câu tầm . Âm trên là câu 俱, âm dưới là tàng hàm 藏含. Tiếng Phạm, tên của loài hoa Trời.

Kỳ bính 其柄. Ngược lại âm binh mạng 兵 ?. Cố Dã Vương cho rằng: Bính 柄 là cái gốc. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Nắm quyền. Sách Thuyết Văn cho rằng: Cành cây. Chữ viết từ bộ mộc 木 thanh bính 丙. Chữ chánh thể từ bộ binh 秉 viết thành chữ bính ? này. Chữ hình thanh.

合樓恒. Hạp lâu hằng Âm trên là hợp 合, dưới là vông khải 罔鎧. Tiếng Phạm. Chữ nghĩa không cầu, tên của vị Bồ Tát.

KINH VÔ LƯƠNG THANH TỊNH BÌNH ĐẰNG GIÁC QUYỂN HẠ

有鉉. Hữu huyền Ngược lại âm huyền khuyến 玄犬. Vương Cường chú giải Kinh Dịch rằng: Đồ vật ngày xưa bằng kim loại gồm có ba chân, hai tai, lớn nhỏ khác nhau. Giai Uyển Chu Tông cho rằng: Huyền 鉉 là cái đỉnh, cái đỉnh có tai (tức là có quai hai bên).

戾亮. Lệ lượng Ngược lại âm trên là lực kế 力計. Ngược lại âm dưới là lực trượng 力丈. Nghĩa là từ trên cao, lược xuống thấp, từ mấy, bao nhiêu, chữ của người xưa.

駛給. Sứ cấp Ngược lại âm trên là sư sử 師史. Thiên Thương Hiệt

cho rằng: Sữ 駛 là chạy nhanh, phóng nhanh, ngựa phi nhanh. Chữ hình thanh. Trong Kinh Văn viết từ bộ quyết 夬 là chẳng phải nghĩa đây dùng. Ngược dưới là chữ cấp 急. Sách Thuyết Văn cho rằng: Sấp xếp, thúc giục, gấp gáp, vội vã. Chữ viết từ bộ tâm 心 thanh cấp 及.

拷跌. Khảo trật Ngược lại âm trên là xí sư 廁師, lại là âm Thương Hà 倉何 hai âm đều thông dụng. Ngược lại âm dưới là điền hiệt 田頽. Theo Khảo Thanh cho rằng: Tham khảo, tra xét, thấy không đồng đều. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Vấp ngã không thể đứng dậy được, hết sức lực, cố gắng gượng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Thiếu kém, nghi ngờ, không thể thẳng thắng. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Vấp chơn té ngã ngựa. Sách Phương Ngôn cho rằng: Té ngã ngựa xuống đất gọi là trật 跌. Hai chữ đều là chữ tượng hình.

世事譊譊. Thế sự nao nao Ngược lại âm nữ giao 女交. Nghĩa là chất chứa lời nói lao xao, lao xao tiếng học bài. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ “nao nao” giống như tiếng la hét ồn ào. Sách Thuyết Văn cho rằng: sân giận gào thét to lên. Chữ viết từ bộ ngôn 言 thanh nao ?. Cũng cho rằng nói ấp úng không thành lời.

屏營. Bình dinh Ngược lại âm trên là tinh minh ??. Ngược lại âm dưới là duy huỳnh 唯熒. Theo chữ “bình dinh” cũng giống như là bồi hồi. Quảng Nhã cho rằng: Bình dinh là rối rắm không biết xoay sở, sợ hãi, cuống lên vì sợ hãi.

縮氣. Súc khí Ngược lại âm sửu lục 丑六. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Súc ? là tích chứa. Cố Dã Vương cho rằng: Súc là gom tụ lại. Chữ hình thanh. Trong Kinh Văn có viết từ bộ tâm 心, viết thành chữ Súc ? này là chẳng phải. Âm súc ngược lại âm hứa lục 許六.

各勵. Các lệ Ngược lại âm lực trệ 力滯. Quảng Nhã cho rằng: Lệ là khuyến khích. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Gắng sức, cố sức vượt qua bức tường ngăn chặn. Sách Thuyết Văn cho rằng: Nỗ lực, tận lực. Chữ viết từ bộ lực 力, đến chữ lệ 厲, thanh tỉnh 省. Chữ lệ 厲 từ chữ li ?, âm li ngược lại âm lạc giới ? 介.

抵突. Để đột Ngược lại âm trên là đình lễ 丁 ?. Theo sách Đại Đái Lễ ghi rằng: Chữ để 抵 cũng giống như chữ Thôi 推 vậy, nghĩa là đẩy ra. Theo Khảo Thanh cho rằng: Chống cự. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Va chạm. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh để 氏, âm để đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là đồ cô 徒骷. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Vượt qua, trải qua. Theo Vận Thuyên Tập cho rằng: Xung đột. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khuyến 犬, đến bộ huyệt 穴, ở trong bồng nhiên

chạy ra, con cho trong hang chạy ra ngoài. Chữ hội ý.

摠猥. Tổng ỏi Ngược lại âm Tông đồng 宗董. Theo Khảo Thanh cho rằng: Tổng là bao gồm, đều nhau, tổng nhiếp. Kinh Văn viết tổng ? này, văn thông dụng thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là Ô hối 烏賄. Âm hối ngược lại âm Khôi mỗi ? 每. Chữ Ổi nghĩa là nước đục. Chữ viết từ bộ Khuyển 犬, thanh ỏi ?.

洒除. Sái trừ Ngược lại âm tiên lễ 先禮. Quảng Nhã cho rằng: Chữ sái 洒 cũng giống như chữ tẩy 洗, nghĩa đồng nhau, là tẩy rửa cho sạch sẽ. Âm ẩm 飲 là không lấy.

尙狂. Ông cuồng Ngược lại âm uổng vương 枉王. Chữ chánh thể vốn viết Vương 尙, chữ tượng hình. Nay thông dụng cộng thêm bộ Vương 王, viết thành chữ Ông 尙, chữ hình thanh. Theo Vận Thuyên Tập cho rằng: Ông 尙 là yếu, gây yếu. Văn thông dụng gọi là : Ngẩn, nhỏ gọi là uông 尙. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Bấp đùi chân bị cong lại. Văn thường hay dùng âm là điều hoàng 烏黃. Âm này sai chẳng phải nghĩa đây dùng.

眇睠. Miến lai Ngược lại âm miên kiến 眠見. Sách Thuyết Văn cho rằng: Miến 眇 là nhìn nghiêng. Chữ viết từ bộ mục 目, âm miến 丐 đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là lai đại 來岱. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Đồng tử nhìn bên trong không đúng, nghĩa là liếc nhìn, trộm nhìn. Chữ viết từ bộ mục 目 thanh lai 來, hoặc là viết lai ? cũng đồng.

辜推. Cô xác Ngược lại âm trên là Cô hồ 辜胡. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ Cô 辜 từ bộ tân 辛 thanh cổ 古. Trong Kinh Văn viết từ bộ dương 羊, viết thành chữ Cô 辜 này là không thành chữ. Theo chữ Cô 辜 cũng giống như chữ Cố 固, nghĩa là chắc chắn. Âm dưới là giác 角, hoặc viết giao 較. Theo Khảo Thanh cho rằng: Chuyên quyền, nêu lên, dẫn ra, trị tội. Sách Hán Thư ghi rằng: Cao Hậu cho chặt đứt chân tay của Thích phu nhơn, đục khoét mắt để là m thành người lợn. Chữ viết từ bộ thủ 手 đến bộ Xác ?. Trong kinh văn viết giao 較 cũng đồng, thông dụng.

喫酒. Khiết tửu Ngược lại âm Khinh diệc 輕亦. Gọi là khiết cảm 喫 ?, nghĩa ăn uống. Chữ viết từ bộ Khẩu 口 thanh khiết 契.

魯扈. Lỗ Hồ Trên là chữ lỗ 魯. Chữ viết từ trên là chữ ngư 魚, dưới là chữ nhật 日. Ngược lại âm dưới là hồ cổ 胡古. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hồ 扈 là ngã ngựa, cũng gọi là kiêu ngạo, tự cao, tự đại, tiêu xài phung phí của cải, cũng gọi là tung hoành ngang dọc. Sách Hán Thư ghi rằng: Hồ tất 扈蹕. Là theo Xa giá của Thiên Tử gọi

là Hổ, là hống hác. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ấp 邑, Thanh hộ ?.

睚 睨 Tuy Hê. Ngược lại âm huyết bế 血 閉. Ngược lại âm dưới là húc câu 勗 俱. Theo Thanh Loại cho rằng: Tuy 睚 là nhìn nhón nhác. Cố

Dã Vương giải thích rằng: Tuy Hê là liết nhìn rất nhanh. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Ngược nhìn. Hai chữ đều từ bộ mục 目 Thanh giai hê 佳 ?, đều là chữ hình thanh.

鄞 渾. Cẩn hống Ngược lại âm mạc cẩn 莫 堇. Âm dưới là hồ khổng. Gọi là vô tri, không biết gì. Văn Thông dụng cho rằng: Lẩn lộn trong đất bùn gọi là “Cẩn Hống”. Kinh Văn viết là mông không 蒙 空 là chẳng phải vậy.

湏 洒. Tiên sái Ngược lại là âm tử tiên 子 仙. Ngược lại âm dưới là Sái lễ ? 禮. Chữ Thống nhất cho rằng: Tiên 湏 đó gọi Tẩy hoán, rột rữa. Chữ Sái 洒 là tưới nước rữa sạch sẽ, hai chữ đều từ bộ ? thủy. Chữ hình thanh.

滴 蹇. Tích kiến Ngược lại âm trên là tất diệc 必 亦. Theo Vận Lược Tập giải thích rằng: Què chân không đi được. Sách Thuyết Văn viết từ bộ chỉ 止, thanh tích 辟. Ngược lại âm dưới là Kiên yển ? 偃. Sách Thuyết Văn giải thích : Kiến 蹇 cũng là thọt chân, què chân. Chữ viết từ bộ túc 足 đến bộ khiển 騫 thanh tỉnh 省.

KINH A-DI-ĐÀ*Huyền Ứng soạn.***QUYỂN THƯỢNG**

阿彌陀. A Di Đà Tiếng Phạm. Là tên của vị Phật. Thời Đường nói là Vô lượng quang, là ánh sáng chiếu không có lường được, phổ khắp tất cả cõi nước.

Mạc để Ngược lại âm trên là bồ bát 蒲 ?, dưới là âm để ?. Ngược lại âm đình lễ 丁禮. Kinh Văn viết hổ 互 là chẳng phải, không đúng.

不適. Bất từ Ngược lại âm nãi diệc 乃亦. Tiếng Phạm.

揭質. Yết chất Ngược lại âm trên là cư nghiệt 居孽. Tiếng Phạm.

肩悲毘 Kiên bi để Âm trên là kiên 堅, âm kế là bi ? di 彌. Cũng là tiếng Phạm.

須瘋. Tu Phong Ngược lại âm trên là tương du 相俞, âm dưới là phong 風. Tiếng Phạm.

羅倪. La nghê Âm được diệc 藥亦. Tiếng Phạm, cũng gọi là nghê, nghĩa là cầu vòng.

鳩鯉. Cưu Lễ Âm lễ 禮 tiếng Phạm, âm dưới đồng.

友陀. Bạt Đà Ngược lại âm bàn muội 盤沫. Tiếng Phạm.

扈斯. Hồ tư Ngược lại âm hồ cổ 胡古. Đều tiếng Phạm.

滑淇 Hoạt kỳ Ngược lại âm trên là la kỹ 羅技, âm dưới là kỳ 祇. Tiếng Phạm.

賓侯. Tân hầu Âm hậu 候.

陀透. Đà thấu Ngược lại âm đồ mộc 途木.

篩邪. Sư Tà Âm là sử 史. Tiếng Phạm, chữ viết từ bộ trúc 竹.

薛荔. Bệ lệ Ngược lại âm trên là tỳ duệ 毘袂, âm dưới là Lê Đệ 黎第. Tiếng Phạm. Tên của loài Ngã quĩ.

雄傑. Hùng kiệt Ngược lại âm yết nghiệt 軋孽. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Đứng riêng biệt gọi là Kiệt. Sách Hoài Nam Tử ghi rằng: Trí vượt quá hơn ngàn người gọi là Kiệt. Kinh Văn viết chữ kiệt 桀 này hơi quái lạ, chẳng phải nghĩa của kinh.

乞隄. Khất cái Âm dưới là cái 蓋. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Cái ? là người ăn xin. Chữ viết từ bộ vong ?, đến bộ nhơn 人. Theo chữ nhơn vong 人 ? đó, nghĩa là của cải tài sản bị tiêu tan hết thì phải đi ăn xin. Kinh Văn viết cái 丐 này là chẳng phải.

食纒. Thực tài Ngược lại âm tại lai 在來. Theo Vận Thuyên Tập ghi rằng: Tài nghĩa là chẳng qua chỉ là nói suông mà thôi. Theo Khảo

Thanh cho rằng: Tài là vượt qua. Chữ viết từ bộ mịch 糸 đến sàm ?. Âm sàm ngược lại âm sĩ hà 仕咸.

掌住 Sanh Trụ. Ngược lại âm trên là sửu canh 丑耕. Theo

Khảo

Thanh giải thích rằng: Là cây cột trụ để buộc bò, heo, cũng gọi là trụ cột chống đỡ. Âm trĩ ? Ngược lại âm tịch sa 夕?. Âm phương ? là âm phương 方.

迢迢 Điều điều. Ngược lại âm đồ điêu 徒彫. Trong Kinh Văn viết điều 苕 này là chẳng phải. Theo Khảo Thanh cho rằng: Điều 迢 là xa

xôi, xa với vợ. Theo văn Tự Điển nói : Điều là con đường dài mà lại xa, rất xa. Chữ viết từ bộ xước (sước?) 辵, thanh triệu 召, âm xước 辵, ngược lại âm sửu lược 丑略.

貪饗 Tham thiết. Ngược lại âm thiên kiệt 天?. Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Tham ăn gọi là san 餐. Mà tham của cải tài vật sam ?.

Trong kinh văn viết hao ? cũng là thông dụng, văn thường hay dùng.

KINH A-DI-ĐÀ QUYỂN HẠ

所眩 Sở Huyễn. Ngược lại âm huyền quyên 玄絹. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: Huyễn hoặc, lại nhìn không thấy rõ, hoặc là viết huyễn 炫 này. Trong Kinh văn viết từ bộ huyền 玄 viết thành chữ huyễn 鉉 này là chẳng phải. Xưa âm nghĩa giải thích là nãy sinh ra quá nhiều, nên chữ huyễn 鉉 chẳng phải nghĩa kinh này vậy.

祝祝 Chúc chúc. Ngược lại âm chi dục 之育. Đây tức là sách Phương Ngôn ghi khác đi, chữ chúc 祝 là chuẩn đúng. Lại giải thích cùng với ý của kinh không đồng. Nay giải thích là cần cần thủ hộ, là đúng theo ý nghĩa của kinh.

Tổng đồng ??. Ngược lại âm trên là tổng lộng ? 弄, âm dưới là đồng lộng 同弄. Văn thông dụng ghi rằng: Nói nhiều quá gọi là Tổng Đồng. Sách Toán Văn giải thích rằng: Tổng Đồng là lười biếng.

* 蔬 Thái sơ. Âm trên là thái 采. Ngược lại âm dưới là thương sơ 蒼?. Câu này là tiếng Phạm. Xưa dịch không phân rõ, nên cũng không đúng.

KINH VÔ LƯỢNG THỌ*Huyền Ứng soạn.***QUYỂN THƯỢNG**

微瀾 Vi Lan. Ngược lại âm lạc hàn 洛寒. Văn Nhĩ Nhã ghi rằng: Sóng lớn gọi là Lan 瀾, sóng nhỏ gọi là du 渝. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy?.

享茲 Hưởng Tư. Ngược lại âm hương lưỡng 香兩. Hưởng là đương thời, cũng gọi là thọ nhận. Kinh văn viết thọ ? này là dùng vào nghĩa khác. Ngược lại âm dưới là tử tư 子思.

煜龠. Dục Dực Ngược lại âm do cúc 由鞠. Ngược lại âm dưới là dục tích ? ?. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Dục 煜 là ngọn lửa rực rỡ, Dực là ngọn lửa cháy sáng chói lọi. Trong kinh văn viết dục 昱 dực ? này là chẳng phải bốn chữ.

該羅 Cai la. Ngược lại âm cổ lai 古來. Giã Quỷ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Cai là chuẩn bị. Sách Phương Ngôn ghi rằng: Bao gồm, bao quát.

吞噬 Thôn Phệ. Ngược lại âm nhị ngân 貳痕. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Thôn 吞 là nuốt. Ngược lại âm dưới là thời chế 時制. Vương Bật chú giải sách Chu Dịch rằng: Phệ là cắn, cũng gọi là ăn, chữ viết từ bộ khẩu 口, thanh phệ 筮.

酣飮 酒. Ngược lại âm đô hàm 都含. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Đam là ham vui. Tự Thư cho rằng: Đam mê, nghiện, hoặc viết ba chữ đam ? 耽 ? đều đồng thể.

糾舉 Cử cử. Ngược lại âm kinh dậu 經酉. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Cử là đúng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Cử là xem xét xét thật. Đổ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Cử cũng là cử. T406 Chữ viết từ bộ mịch 糸, thanh cử ?. Ngược lại cư u 居幽. chữ cử ? viết từ bộ thủ 手.

漢漾 Hoàng Dương. Ngược lại âm hồ quảng 胡廣. Ngược lại âm dưới là dương dương 羊 ?. Sách Sở Từ cho rằng: Hoàng dương cũng giống như hạo đãng 浩蕩, nghĩa là to lớn rộng thênh thang. Trong Kinh văn viết thang dạng 湯漾, cũng là thông dụng.

- Quyển sau này (Quyển hạ) không có âm chữ để giải thích.

KINH A-CÁC PHẬT QUỐC QUYỂN THƯỢNG

羅閱 La duyệt. Ngược lại âm dưới là duyệt 悅. Tiếng Phạm. Xưa dịch là Thành Vương Xá, ở nước Ma Kiệt Đà.

賬 踞 Trương ky. Ngược lại âm trực lương 直良. Tự Thư cho rằng: Đông Quận gọi là quỳ lâu nên mỗi đầu gối té quỳ xuống đất gọi là Trương, quỳ lâu. Ngược lại âm dưới là kỳ ký 其記. Âm nghệ cho rằng: quỳ lạy mà sau đó quỳ lâu quá thành ra quỳ. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ viết từ bộ túc 足 thanh kỳ 忌.

蜎 飛 Quyên phi. Ngược lại âm Ế duyên ? 緣. Mao Thi Truyện ghi rằng: Quyên là loài côn trùng, bò lúc nhúc, giống như con bọ gậy, cung quăng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Là con châu châu mới sinh ra chưa có cánh ở trong giếng nhỏ, loài côn trùng màu đỏ.

Nhuyễn Động 蠕動. Ngược lại âm nhuận doãn 閏尹. Theo Khảo Thanh cho rằng: Có chân gọi là trùng 蟲, không chân gọi là nhuyễn 蠕. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Là loài ấu trùng nhỏ nhít. Chữ viết từ bộ trùng 虫 thanh nhuyễn 奕. Kinh văn viết nhuyễn 蠕 này là sai. Thiên Thương Hiệt viết ? nhuyễn này cũng đồng nghĩa.

央數 Ương số: Ngược lại âm ước khương 約姜 Văn kinh viết Ương 鞅 thượng thanh là chẳng phải.

謗 譏 Báng sàm: Ngược lại âm Bỏ lãng 補浪 Đổ Dự chú giải Tã Truyện rằng: Hủy báng, nói xấu, chê bai. Lại nói là nguyên rửa. Giã Quỷ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Chê mà nói toát ra gọi là báng, mà nói tử mỉ sâu sắc gọi là phỉ. Lại gọi là đối với người mà nói điều xấu ác. Ngược lại âm dưới là sĩ hàm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: Sàm là lấy lời nói hủy nhục người. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ viết từ bộ ngôn thanh sàm. Âm sàm ngược lại âm sĩ hàm.

上脛 Thượng cách. Ngược lại âm cổ hạch. Theo Văn Tự Tập Lược ghi rằng: Cách là ngực bên trong. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Chữ viết từ bộ nhục, thanh cách, âm cách là âm cách. Trong Kinh văn viết từ bộ phụ viết chữ cách. Chữ cách này chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

右脅 Hữu hiệp: Ngược lại âm hương nghiệp. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Hiệp là dưới nách. Chữ viết từ bộ nhục thanh hiệp, âm hiệp là âm hiệp, hoặc là viết hiệp này, từ ba bộ lực.

諛 Du siễm. Ngược lại âm du chu. Sách Trang Tử ghi rằng: Không chọn lựa phải quấy mà nói gọi là Du. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Chữ du cũng giống như chữ siễm. Kinh văn viết Du

này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là sĩ nhiễm . Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: Siễm là nịnh hót. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Nịnh hót tâng bốc. Chữ viết từ bộ ngôn thanh siễm, âm siễm ngược lại âm sĩ chiêm. Kinh văn viết chữ siễm này, chữ siễm này là văn thông dụng viết lược bớt bộ môn vậy, nghĩa cũng đồng vậy.

往嬈 Vãng nao: Ngược lại âm nô ô 奴烏. Sách Thuyết Văn ghi rằng: nao 嬈 đó là cùng nhau làm trò cười, vui đùa bốn cột, hoặc là viết chữ nao 𠄎 này.

薛荔多 Bê lệ đa: Ngược lại âm trên là bồ bế 菴閉. Ngược lại âm dưới là lễ đế 禮帝, tiếng Phạn. Tên của loài ngã quý.

礫石 Lịch thạch: Ngược lại âm lữ đích 呂的. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Lịch là đá vụn, sách Tự Thư viết liệu này.

統紼 Uyển diên: Ngược lại âm ư viễn 於遠, âm dưới là diên 延. Trong kinh văn dùng sai lầm chữ, chữ chánh thể tâm bộ thảo 草 viết thành chữ uyển diên 苑莚. Nghĩa là loại áo dài mặc vào để ca múa.

珠璣 Chu ky: Ngược lại âm cư cân 居沂. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: là loại hạt châu ngọc không được tròn, hạt châu méo. Sách Tự Thư cho rằng: hạt châu nhỏ. Sách Thuyết Văn cho rằng: hạt châu không được tròn. Chữ viết từ bộ ngọc 玉 thanh ky 幾.

之態 Chi thái: Ngược lại âm tha đại 他岱. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: tư thái phong cách. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là thường nắm giữ ý không sửa đổi, cũng biết chữ thái này.

梯榰 Thê bệ: Ngược lại âm thể đê 體堤. Tỳ Thương cho rằng: 梯 là nấc thang đi lên lầu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: bậc thêm bằng gỗ. Chữ viết từ bộ mộc 木, thanh đệ 弟. Ngược lại âm dưới là tỳ lễ 禮桂. Trịnh chú chú giải Chu Lễ rằng: là tám tấm trải dưới bậc thêm. Sách Thuyết Văn viết bệ này.

疲極 Bì cực: Ngược lại âm bị bì 被陂. Giã Quì chú giải sách Quốc ngữ rằng: bì 疲 là lao nhọc. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: “biếng nhác. Kinh văn viết bãi 罷 là thôi nghỉ là mượn dùng. Người xưa cho rằng là chất phác, quê kệch.

KINH A-CÁC PHẬT QUỐC QUYỂN HẠ

是這 Thị giá: Ngược lại âm ngôn kiện 言件. Thiên Thương Hiệt

ghi rằng: đón tiếp, nghinh giá. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ xước, thanh ngôn 言. Âm xước ngược lại âm sữu 丑 lược.

坻彌羅 Đễ-di-la: Ngược lại âm trên là đế hê 帝奚, tiếng Phạn. Tên của loài cây chiên đàn.

KINH ĐẠI THỪA THẬP PHÁP

Huệ Lâm soạn.

綺語 Ý ngữ : Ngược lại âm khi kỹ 欺紀. Theo chữ ý ngữ nghĩa là lời nói hoa mỹ thêu dệt ca ngợi tán thán quá mức, thật sự không có thật.

犁耨 Lê lâu: Ngược lại âm lực hê 力奚. Nghĩa là dụng cụ cày ruộng tức là lưỡi cày. Ngược lại âm dưới là Lỗ Hầu 魯候. Bì Thương cho rằng: lâu là duỗi thẳng ra. Người xưa cho rằng: kéo ra mà được thẳng, dưới là loại dụng cụ. Nay đều dùng trâu bò mà kếp. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ lồi 耨 thanh lâu 婁, âm lâu ngược lại âm lực đối 力對, âm văn 輓 là âm văn 晚.

貯積 Trữ tích : Ngược lại âm trắc lữ 陟呂. Sách Thuyết Văn cho rằng: trữ 貯 cũng giống như chữ tích 積, nghĩa là tích tụ, gom lại chứa nhóm, chữ viết từ bộ bối 貝 thanh trữ 宁.

床榻 Sàng tháp: Ngược lại âm trạng trang 狀 ?. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ tường đến bộ mộc, âm tường, ngược lại âm tương dương. Ngược lại âm dưới là tham đáp. Giải thích tên gọi là sàng, là cái giường hẹp mà dài. Gọi là tháp theo sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc thanh tháp.

枷壓 Gia áp : Ngược lại âm lưu giáp 甲. Sách Tự Thư cho rằng: Áp là tối tăm chật hẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: cũng viết chữ áp.

撻打 Qua đã : Ngược lại âm trắc qua 陟瓜. Nghĩa là trên vai, đầu gối, đánh qua đánh lại. Theo Khảo Thanh cho rằng: là đánh xưa nay chữ đúng viết tâm bộ mộc, thanh quá.

富伽羅 Phú-già-la: Tiếng Phạn. Đây dịch là số thủ thú. Số nghĩa là trong ba cõi qua lại, hoặc dịch là : Bồ-đặc-ca-la.

蚊邛 Văn manh : Ngược lại âm khuất phân, âm dưới là mạch canh. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết tâm bộ trùng thanh manh. Kinh văn viết manh này là chẳng phải âm trùng là âm côn.

蟒余 Mãng xà : Ngược lại âm trên là mạch thẳng. Sách Nhĩ Nhã

cho rằng: là vua rắn. Quách Phác chú giải rằng: Trong loài rắn lớn nhất gọi là mãng xà. Kinh văn viết võng xà là chẳng phải.

KINH PHỔ MÔN PHẨM

Huyền ứng

溥首 Phổ đầu: Âm trên phổ, chữ phổ trên từ bộ bổ đến bộ thủy, đến bộ thốn. Phổ đầu đó xưa dịch là chất phác không dịu dàng. Tức là tên của Bồ tát Văn Thù.

億垓 Ưc hài: Ngược lại âm cải hài 改孩. Danh pháp số.

Ngạnh quỷ : Ngược lại âm ngũ cánh 五更. Sách Tự Thư cho rằng: tiên là roi bằng da dùng để hình phạt trong nhà lao. Theo Khảo Thanh cho rằng: chắc chắn kiên cố. Lại có viết ngạnh 硬 là cứng rắn. Văn thông dụng thường hay dùng. Theo Văn Tự Tập Lược rằng: chữ viết noãn 卯 viết thành chữ noãn. Chữ dưới là quỷ chuẩn. Nghĩa kinh hợp là chữ cương 岡. Âm nghĩa xưa là hồ lãng 胡浪, e rằng không phải, không thành chữ, các chữ trong sách đều không có chữ này. Chưa rõ chữ này xuất phát nơi sách nào. Vả lại văn bản còn tồn tại về sau nên xét lại.

滿脬 Mãn phao: Âm trên là chữ mãn 滿, từ bộ cũng đến bộ lưỡng 兩, cũng là âm mãn 滿 đến bộ thủy khi dùng chữ. Ngược lại âm dưới là phổ bao 普包. Đây tức là bàng quang trong bụng là dụng cụ chứa nước, phao niêu, tức là bàng quang (bọng đái), nay gọi là túi chứa hơi là vậy. Sách Thuyết Văn ghi rằng: bàng quang (tức là niêu phao 脬) chữ viết từ bộ nhục 肉 phụ 孚 thanh tỉnh 省.

KINH PHẬT THUYẾT BÀO THAI

Huệ Lâm soạn.

Bào Thai: Âm trên là bao 包. Tư Mã Bưu chú giải sách Trang Tử rằng: Bào là cái áo bọc đực con trong bụng phệ xuống. Sách Hán Thư giải thích rằng: đồng bào nghĩa là cùng một bọc sinh ra, ruột thịt, gọi là bào, tức là thân thích anh em một nhà. Sách Thuyết Văn cho rằng: sinh đứa con ra ở bao gói lại. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh bao 包. Ngược lại âm dưới là tha lai 他來. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thai 胎 là cái bào thai.

Quảng Nhã cho rằng: người phụ nữ mang thai ba tháng. Chữ viết từ bộ nhục 肉 thanh đài 台.

懿沙 Ê sa: Ngược lại âm y ký 依寄. Tiếng Phạm. Đây dịch không đúng.

Nhãn đồng tử 眼瞳子: Ngược lại âm động đông 勤冬. Bì Thương cho rằng: hạt châu của con mắt gọi là đồng瞳. Quảng Nhã cho rằng: hạt châu của con mắt gọi là con người. Văn thường dùng gọi là mục đồng là con mắt của người. Sách Thuyết Văn cho rằng: giải thích còn thiếu.

成醅 Thành phơi: Ngược lại âm phối mai 配梅. Sách Thuyết Văn cho rằng: người phụ nữ mang thai một tháng gọi là phơi. Chữ viết từ bộ nhục, bộ bất 不 thanh tỉnh 省.

Táo ngư khí 燥牛? : Ngược lại âm trên là tang đáo 桑到. Sách Chu Dịch ghi rằng: lửa chính là từ nơi táo 燥. Sách Thuyết Văn ghi rằng: táo là là m cho khô ráo. Chữ viết tâm bộ hỏa 火 thanh táo 梟. Âm táo đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là phân gian 分間. Văn thường dùng viết từ bộ khí 棄. Sách Thuyết Văn viết phân khí? 棄 là trừ bỏ đi, quét bỏ đi phân dơ. Theo Vận Anh Tập cho rằng: phân cũng là uế dơ uế, hoặc là viết hai chữ khí tượng hình. Trong kinh văn viết từ bộ thổ 土 viết thành chữ này không thành chữ.

兩津 Lương tân: Ngược lại âm tần mân 頻泯, theo Vận Thuyên Tập cho rằng: tân 臄 là cẳng từ chân đến đầu gối. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là xương đầu gối. Chữ viết dùng là từ bộ cốt 骨 viết thành chữ tân 臄, chữ hình thanh.

樹菱 Thu cai: Ngược lại âm cổ lai 古來. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: cai là rễ cây. Quách Phác cho rằng: tục dùng là rễ cây họ gọi là cai 菱. Phương Ngôn cho rằng: Đông Tê gọi rễ cây là cai 菱. Sách Thuyết Văn ghi rằng: rễ cỏ. Chữ viết từ bộ thảo 草 thanh cai 亥.

樹觚投 Thọ cô đầu: Ngược lại âm cổ hồ 古胡. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ giác 角 đến bộ qua 瓜, âm qua là ngược lại âm quả hoa 寡華.

躁擾 Táo nhiễu: Ngược lại âm tảo đáo 早到. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: không an tĩnh. Sách Ích Pháp cho rằng: trong lòng người dân hay biến động gọi là táo躁. Ngọc Thiên cho rằng: táo là động. Theo sách Thuyết Văn viết chữ táo 趨 này cũng đồng nghĩa.

鍛師 Đoan sư: Ngược lại âm đoan loạn 端亂 Khổng An Quốc chú giải. Sách Thượng Thư rằng: đoan là rèn luyện loại binh khí như cây mâu, cây giáo. Trịnh Chú chú giải sách Lễ Ký rằng: là rèn, đập, nện. Thiên Thương Hiệt cho rằng: đẩy ra đánh. Sách Thuyết Văn cho rằng:

lò đúc kim loại nhỏ. Chữ viết từ bộ kim 金 thanh đoạn 暇.

髮囊 Bị nang: Ngược lại âm trên là bài bái 排拜. Sách Thuyết Văn ghi rằng: dụng cụ thổi lửa hoặc là viết từ bộ vi viết thành chữ bị. Cũng viết chữ nang đều đồng với âm trên, đồng cũng gọi là chữ nang. Sách Tự Thư giải thích rằng: là cái túi không có đáy chữ chuyển chú, âm nang là âm thác. Ngược lại âm dưới là nặc lang.

或縹 Hoặc phiêu: Ngược lại âm thất miểu 匹眇. Sách Thuyết Văn ghi rằng: tấm lụa màu trắng xanh. Chữ viết từ bộ mịch thanh phiêu.

如窰 Như diêu: Âm diêu 姚. Sách Thuyết Văn ghi rằng: diêu là lò gốm, lò nung ngói, gạch. Chữ viết từ bộ huyệt đến bộ diêu, hoặc là viết đảo cùng đồng nghĩa.

刮治 Quát trị: Ngược lại âm quan hoạt 關滑 văn thường hay dùng,

chuyên dùng đã lâu. Nên viết lược. Sách Triện Thư viết đúng là quát này. Từ bộ quát viết thành chữ quát; Trịnh Huyền chú giải Lễ Ký rằng: quát là mài. Quảng Nhã cho rằng: là mài giảm bớt, mài lưỡi kiếm, trừ bỏ đi vật xấu ác. Sách Thuyết Văn ghi rằng: gọt cạo bỏ đi, cắt bỏ đi vết thương phần thịt thối nát. Chữ viết từ bộ đao thanh quát chi, âm quát. Ngược lại âm hoàn quát, cùng với âm trì. Ngược lại âm tư đài. Theo Khảo Thanh cho rằng: trị lý nghĩa sửa đổi sắp xếp lại, tu sửa bồi đắp thêm vào. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh đài.

揩摩 Giai ma: Ngược lại âm khách giai 客皆. Theo Khảo Thanh cho rằng: ma là lau chùi, chữ viết tâm bộ thủ.

枉信 Uông tín: Ngược lại âm trên là uổng vương 枉王. Sách Thuyết Văn cho rằng: cái cẳng bị cong, tức là thọt chân. Chữ từ tượng là vưu yển. Hình là khúc chi. Văn cổ viết uông này. Nay các sách viết tỉnh lược. Ngược lại âm dưới là tẩy tế. Sách Thuyết Văn ghi rằng: tơ lụa mịn, chữ viết từ bộ mịch, thanh tín, âm mịch là âm mịch. Âm tín là âm tín.

跛蹇 Bá kiển: Ngược lại âm trên là ba ngã 波我. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bá là đi không có ngay ngắn, là bị thọt chân. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ túc, bì thanh tỉnh. Ngược lại âm dưới là tiệp yển. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ kiển cũng giống như chữ bá. Nghĩa là bị què chân, chữ viết từ bộ túc đến bộ kiển thanh tỉnh.

秃簍 Ngốc lâu: Âm lậu 陋. Theo Khảo Thanh cho rằng bệnh ung thư gọi là lậu, lâu ngày không giảm gọi là thư, ung thư. Chữ viết từ bộ tật thanh lâu.

舌舐 Thiệt thỉ: Ngược lại âm trên là thiện nhiệt 善熱. Sách Thuyết

Văn ghi rằng: lưởi trong miệng cho nên nói : chữ viết tâm bộ thiên đến bộ khẩu thanh thiên diệt, thành ra chữ thiệt. Ngược lại âm dưới là thực nhĩ, văn thường hay dùng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: thỉ đó là lấy lưởi mà liếm lấy vật: chữ viết từ bộ thiệt, thanh thị viết đúng là dị, kinh văn viết từ bộ khẩu, viết thành chữ thị này là chẳng phải. Theo Khảo Thanh cho rằng: hoặc viết thỉ năm thể chữ này đều là chữ cổ, rút ra theo các sử sách thư tịch.

欬逆 Khái nghịch: Ngược lại âm khai ái 開愛. Bát Nhã cho rằng: Khái là hắc hơi, ho, chữ viết từ bộ khiếm, thanh cai. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành khái cũng thông dụng thường hay dùng.

癡瘞 Si hạng: Ngược lại âm trên là sĩ trì 恥持. Văn thường hay dùng. Chữ viết từ bộ tâm viết thành chữ si. Theo Khảo Thanh cho rằng: thằng bé con ngu ngốc, hoặc viết từ bộ kiến viết hạng, lại cũng viết hạng. Tục dùng âm trách giáng e rằng chẳng phải.

疣癰 Vưu giáng: Âm trên là vưu 尤, âm dưới là giáng 隆. Cố Dã Vương cho rằng: bệnh trúng phong, cũng gọi là thịt thừa, tức là nốt ruồi. Chữ vưu cũng có nghĩa là khỏi bệnh, hay là nốt ruồi nổi to lên.

盧脹 Lô trương: Ngược lại âm trên là lữ trư 呂豬. Theo sách Khảo Thanh cho rằng: da ngoài trình bày, phô bày ra, người trên dùng lời truyền xuống kẻ dưới. Giải thích tên gọi là phúc là cái bụng trước gọi là lô. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ nhục thanh lô. Ngược lại âm dưới là trương lượng. Theo Tả Truyện ghi rằng: bụng đầy hơi nên trương lên, chữ viết từ bộ nhục, chữ hình thanh.

撻笞 Bàng si: Ngược lại âm bạch manh 白盲. Cố Dã Vương cho rằng: bàng là đánh bằng roi. Sách Tự Thư cho rằng: là đánh. Sách Thuyết Văn viết tâm bộ thủ thanh bàng. Ngược lại âm dưới là sĩ trì. Sách Thuyết Văn cho rằng: si cũng là đánh bằng roi chữ viết từ bộ trúc, thanh đài.

考掠 Khảo lược sách Tự Thư cho rằng: tra khảo đánh đập. Chữ viết từ bộ thủ thanh lược tĩnh. Sách Phương Ngôn cho rằng: âm lược cũng là thông dụng.

KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI PHẬT ĐỘ NGHIÊM TỊNH QUYỂN THƯỢNG

恪恭 Khác cung: Văn cổ viết khác cũng đồng. Ngược lại âm khổ các. Sách Thượng Thư cho rằng: khác là thành kính và cẩn thận nơi thiên mạng. Khổng An Quốc cho rằng: Khác là rất cung kính.

相崇 Tương đờng: Âm mượn. Ngược lại âm văn canh. Chữ viết đúng nghi là bốn chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm văn hoành. Gọi là va chạm với nhau, xúc chạm.

恬惔 Điền đạm: Ngược lại âm đồ bồn 徒兼. Sách Phương Ngôn cho rằng: điền là an tịnh, âm dưới viết đúng nghi tắc là đạm. Ngược lại âm đồ lam. Sách Hán Thư cho rằng: gọi là an tịnh. Kinh văn viết từ bộ tâm viết thành chữ đạm. Ngược lại âm đồ cam. Nghĩa là trong lòng lo buồn, giống như đạm ưu lo lắng, chữ đoạn này chẳng phải nghĩa đây dùng.

白著 Bạch trước: lại viết ba chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm bích mãnh. Quảng Nhã cho rằng: trắng sạch rõ ràng.

億妊 Ưc khái: văn cổ viết hai chữ khái tượng hình. Nay viết chữ khái này cũng đồng. Ngược lại âm cổ tài. Gọi là danh số, phong tục thông gọi là mười ức là triệu, mười triệu là kinh, mười kinh gọi là khái, giống như con số lớn.

拜謁 Bái yết: Ngược lại âm ư hiết 於歇. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: yết là thỉnh cầu, cũng gọi là cáo bạch.

俯張 Chu trương: Lại viết chữ lưu 壽 cũng đồng. Ngược lại âm trắc lưu. Ngược lại âm dưới là tri lương. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chu trương là lừa dối, đánh lừa. Quách Phác cho rằng: Chu trương là huyền hoặc, mê hoặc, khinh khi, lừa dối người. Kinh văn viết chu. Ngược lại âm chi nhu, chu nhu là người lùn thấp bé.

開士 Khai sĩ: Tiếng Phạn, là vị Bồ tát dùng pháp khai đạo cho kẻ học đạo cho nên gọi là khai sĩ.

潭然 Đàm nhiên: Ngược lại âm đồ đàm 徒耽. Đàm là đầm nước sâu. Người nước Sở gọi là vực sâu là đàm, chữ viết nghi là đấm, ngược lại âm đồ lăm, chữ đấm nghĩa là an tịnh vậy.

塵埃 Trần ai: Ngược lại âm ô lai 烏來. Thiên Thương Hiệt cho rằng: ai đó là gió cuống lốc bay bụi trần lên.

KINH VĂN-THÙ-SỰ-LỢI PHẬT ĐỘ NGHIÊM TĨNH QUYỂN HẠ

交趺 Giao phu: Lại viết phụ cũng đồng. Ngược lại âm phủ vu. Tam Thương cho rằng: là cái mu bàn chân, trên gọi là giao đó nghĩa là ngồi chéo chân. Trong kinh văn phần nhiều viết cộng thêm phu, Sơn đông gọi là giáp mu bàn chân. Trong kinh văn viết từ bộ viết giao này chẳng phải nghĩa đây dùng.

至湊 Chí thẩu: Ngược lại âm thả đậu 且豆. Quảng Nhã cho rằng: rất may đến kịp, cũng gọi là cạnh tranh tiến tới.

景則 Cảnh tắc: Ngược lại âm ky ảnh 羈影. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cảnh sắc màu xanh biếc, gọi là phúc cảnh. Theo truyện cho rằng: cảnh lớn, to lớn vĩ đại, pháp tắc.

KINH ĐẠI THÁNH VĂN THÙ PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC *Huệ Lâm soạn.* QUYỂN THƯỢNG

門闢 Môn khốn: Ngược lại âm khôn ổn 坤穩. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: cửa có giới hạn, chữ hình thanh.

嫉妒 Tật đố: Ngược lại âm đô cố 都故. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hại người hiền gọi là tật. Hại sắc gọi là đố. Sách Thuyết Văn viết đều từ bộ nữ thanh tật hộ, cũng có viết tâm chữ hậu viết thành chữ đố này là chẳng phải.

裸者 Khỏa giả: Ngược lại âm hoa ngõa 華瓦. Mượn âm để dùng, vốn là âm lỗ quả. Cố Dã Vương giải thích rằng: cởi áo để lộ thân trần truồng ra ngoài. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thanh quả, hoặc viết từ bộ nhơn viết thành chữ khỏa, hoặc viết tâm bộ thân viết thành chữ khỏa đều đồng nghĩa.

澄睟 Trừng túy: Ngược lại âm trường lăng 長陵. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trừng là lóng trong. Ngược lại âm dưới là tuy thúy. Theo Khảo Thanh cho rằng: nhìn thẳng đứng. Ngọc Thiên cho rằng: nhìn một cách trong sáng, hòa nhã dịu dàng. Xưa nay chữ đứng viết tâm bộ mục, túy, thanh tĩnh. Âm túy là âm y. Từ âm viết âm túy. Ngược lại âm thiên miệt.

斟酌 Châm chước: Ngược lại âm chấp nhận. Ngược lại âm dưới là

chương nhược, nghĩa là rót rượu.

披擻 Phi hoạn: Ngược lại âm hoàn mạn. Chí Đồ chú giải Tả Truyện rằng: hoạn là mặc áo giáp vào. Chữ hoạn sách Thuyết Văn viết tâm bộ thủ thanh hoàn.

透徹:Thấu triệt Ngược lại âm thâm hậu. Theo Khảo Thanh cho rằng: chữ viết từ bộ tẩu viết thành chữ thấu. Ngược lại âm dưới là sĩ liệt. Giã Quỳnh chú giải sách Quốc ngữ rằng: triệt là sáng suốt. Sách Thuyết Văn ghi rằng: triệt là thông suốt, chữ viết tâm bộ xước, ngược lại âm sữu lịch, từ bộ triệt âm triệt đồng với âm trên.

慶欸 Khánh khải: Ngược lại âm khinh đỉnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ khánh cũng giống chữ khải. Chữ viết từ bộ ngôn thanh khánh. Ngược lại âm khổ giác. Ngược lại âm dưới là khổ ái. Sách Bát Nhã cho rằng: bệnh ho, hắc hơi.

遍捫 Biến môn: Ngược lại âm bác kiến. Sách Tự Thư cho rằng: biến là quanh một vòng. Ngược lại âm dưới là mạc bôn. Theo Mao Thi truyện cho rằng: môn là nắm giữ. Theo Thanh Loại cho rằng: môn là sờ mó. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh môn.

險詖 Hiểm bị Ngược lại âm bỉ ký 彼寄. Thiên Thương Hiệt cho rằng: bỉ là nói lời nịnh hót, tăng bốc, lừa dối. Sách Thuyết Văn cho rằng: biện luận, nịnh hót, hùa theo.

KINH ĐẠI THÁNH VĂN THÙ PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC QUYỂN TRUNG

占吝 Chiêm lận: Ngược lại âm trên là chi diệm 之燄. Ngược lại âm dưới là lân chán. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: lận là tiếc. Sách Phương Ngôn ghi rằng: bọn các ông là sâu mọc loài cỏ dại trong nước thàm mà không tâm thí cho dân gọi là lận. Quách Phác chú giải rằng: keo kiệt phần nhiều là tiếc của. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khẩu thanh văn. Trong kinh viết từ bộ tâm viết thành lận cũng thông dụng. Văn cổ viết từ bộ văn viết thành chữ lận.

準繩 Chuẩn thẳng: Ngược lại âm trên là giai duẩn 佳尹. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: chuẩn cũng như là bình là cân bằng: Quảng Nhã cho rằng: quân đều. Sách Thuyết Văn cho rằng: bằng cân bằng. Chữ viết từ bộ thủy thanh chuẩn. Văn thông dụng viết từ bộ truy viết thành chữ chuẩn này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là thực

dăng. Ở đời vốn cho rằng: khi gần gũi thân cận nhưng cũng phải có sợi dây chuẩn mực là m cữ ly đo. Tống Trung cho rằng: là tội thân của vua Thuấn. Sách Thượng Thư cho rằng: sợi dây quấn lấy để ngăn ngừa sai lầm lừa dối, phong cách của người, chẳng phải tâm của người theo Sự sai lầm sao? Lại gọi là sợ dây theo cây mà chẳng thẳng chính là người quân tử, rèn luyện mà trở thành thánh như. Theo chữ thẳng đó là lấy sợi dây để đo cân bằng, thẳng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: sợi dây làm hàng rào ngăn chặn, cẩn thận. Sách Thuyết Văn ghi rằng: sợi dây to, chữ viết từ bộ mịch đến bộ mãnh thanh tĩn.

媿恥 Quý sĩ: Ngược lại âm trên là quý vị 軌位. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: tầm quý, là hổ thẹn. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: quý cũng giống như chữ sĩ, nghĩa là xấu hổ. Sách Thuyết Văn cũng đồng với Tả Truyện rằng: chữ viết tâm bộ nữ thanh quý, hoặc là viết từ bộ tâm, viết thành chữ quý cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là si lý. Sách Tự Thư cho rằng: sĩ mắc cỡ. Theo Khảo Thanh cho rằng: xấu hổ tâm hẹn. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhục nhã. Chữ viết từ bộ tâm thanh nhĩ, cũng có viết từ bộ chỉ, viết thành chữ sĩ vẫn thông dụng cho rằng không đúng thể.

捶打 Chùy đá: Ngược lại âm truy hoa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chùy là lấy cây gậy đánh, chữ viết từ bộ thủ thanh thụ.

輕蔑 Khinh miệt: Ngược lại âm miên kết 眠結 Theo Mao Thi Truyện cho rằng: chữ miệt cũng giống như chữ khinh. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: trừ bỏ đi. Lại gọi là diệt, sách Thuyết Văn cho rằng: khinh dễ, xem thường, coi nhẹ. Chữ viết từ bộ tâm, thanh miệt.

翠睹波 Tốt-đổ-ba: Ngược lại âm tôn cốt 孫骨 Phạn ngữ. Thời Đường nói rằng: chỗ hiển ra cao tốt, cũng gọi là phương phần, tức là nơi an trí Xá lợi. Hoặc gọi là tháp bà 塔婆, hoặc gọi là thâu bà 偷婆. Cũng gọi là tô thâu bà 蘇偷婆, đều sai, nói lược vậy.

補特伽羅 Bồ-đặc-già-la: tiếng Phạn. Đời Đường gọi là số thủ thú tức là pháp số.

僣遽 Tổng cứ: Ngược lại âm cứ ngự 渠御. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: cứ là gấp rút, vội vàng, mau chóng. Cũng gọi là khốn khổ, bức bách, là m khốn khổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xước, thanh cứ âm cứ là âm cứ, âm quẩn, ngược lại âm quân vẫn.

遷易 Thiên dịch: Ngược lại âm thất tiên 七仙. Mao Thi Truyện cho rằng: thiên là chuyển đổi, lại gọi là biến đổi, viết đúng là thiên. Ngược lại âm dưới là dương ích 羊益. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: dịch là đổi.

KINH ĐẠI THÁNH VĂN THÙ PHẬT SÁT CÔNG ĐỨC QUYỂN HẠ

纒發 Tài phát: Ngược lại âm tại lai 在來. Theo Khảo Thanh cho rằng: tài là tạm thời vừa mới. Ngược lại âm dưới là phiên mặt. Quảng Nhã cho rằng: phát ra phát đi.

頗虎迦 Pha-hổ-ca: Tiếng Phạn, tên của vật quý.

仰藥羅 Ngưỡng-nghiệt-la: Tiếng Phạn, danh số. Ngược lại âm ngư liệt.

泯末羅 Mẫn-mạt-la: Xưa dịch là tần-sa-la 頻婆羅, cũng là danh số. Ngược lại âm di nhẫn. Âm mạt ngược lại âm ma bát.

阿磕婆 A-khái-bà: Ngược lại âm sơ lục 初六, cũng gọi là danh số.

KINH PHÁP KÍNH

Huyền Ứng.

QUYỂN THƯỢNG

聞物國 Văn vật quốc: Gọi là Xá vệ quốc. Trong kinh Thập Nhị Du nói rằng: vô vật nghĩa là không có cõi nước quốc gia.

勝氏樹 Thắng thị thọ: gọi là rừng Kỳ đà, hoặc gọi là kỳ hoàn, đều sai. Nói cho đúng là tích đa.

僑薩羅國 Kiêu-tát-la Quốc: con của vua nước Ba Tư.

除謹 Trừ cẩn: Ngược lại âm cần cận 勤斬. Trong kinh xưa hoặc nói là trừ sĩ, trừ nữ. Cũng nói là cẩn sĩ, cẩn nữ. Nay gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni. Theo tiếng Phạn gọi Tỳ-kheo đây là người Khất sĩ, tức là cũng trừ bỏ sự đối khác, đồng nghĩa gọi là trừ có sáu: tình, cơ, đoạn, tham, dục, nhiễm. Lấy pháp là nh cần tu, tức là nói là Cẩn tu sĩ. Cẩn tu sĩ nữ vậy.

多惡 Đa ác: Ngược lại âm A-các 阿各. Gọi là quá ác. Kinh văn viết ác này, hoặc viết ác đều chẳng phải vậy.

除剔 Trừ thích: Ngược lại âm tha lịch 他歷. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cạo bỏ râu tóc, vất bỏ chữ đúng viết là thích. Văn cổ viết thích.

汝迺 Nhữ nãi: Ngược lại âm nô cải. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: nãi là nãi tức là của ông, anh, chữ nãi. Theo Thanh loại giải thích: là sinh ra

sách Thuyết Văn cho rằng: trở lại.

樂法 Lạc pháp: Ngược lại âm ngũ giáo 五教. Ái dục gọi là lạc vui. Trong kinh văn viết chữ lạc này là chẳng phải.

昆弟 Côn đệ: Ngược lại âm cô hồn 孤魂. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: côn là anh lớn. Sách Thuyết Văn giải thích rằng: người nước Chu gọi anh là côn.

磋切 Tha thiết: Ngược lại âm thất hà 七何. Chữ viết đúng là tha. Sách Luận ngữ gọi là cốt, là thiết trượng, là lão luyện. Nói cốt, thiết tượng tha. Tức là mài dũa cho sắt bén, tức là người đời lấy thành khí học văn, người tu sĩ lấy thành đạo là m sự nghiệp.

KINH PHÁP KÍNH QUYỂN HẠ

蠓子 Mạc tử : Âm trên là mạc 莫. Theo chữ mạc 蠓 là con muỗi. Ở Sơn nam phần nhiều gọi đây là loại côn trùng cắn đốt người để lại dấu vết, biết bay, chúng tụ hợp dưới bóng mát bóng tối, thường cắn nơi tay có nhiều vết sẹo lớn.

Phi du : Ngược lại âm giáp chu 珠. Sách Thuyết Văn ghi rằng: du là cái bụng phệ xuống mập, có mỡ. Lại gọi du cũng là cái bụng. Chữ viết từ bộ nhục.

煨糶 Hà cụ: Ngược lại âm cổ hà 古霞. Sách Tự Thư cho rằng: hà cũng giống như cụ vậy. Chữ đúng viết là ca, cũng viết là gia. Ngược lại âm dưới là câu phước. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: cụ giống như loài khỉ mà lại lớn hơn, lông của nó màu xanh đen, thường hay chụp nắm bắt người, nhìn liếc. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là con khỉ cái. Trong kinh viết da phù là chẳng phải.

尤贅 Vưu chuế: Ngược lại âm hữu lưu 有流. Quảng Nhã cho rằng: vưu là bị sưng lên, phù lên. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: là bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: bệnh bấu chữ viết từ bộ nhục thanh vưu, hoặc là viết vưu này cũng đồng. Ngược lại âm dưới là chi nhuế. Sách Bát Nhã ghi rằng: chuế cũng giống như chữ vưu. Bệnh bấu nhỏ gọi vưu, bệnh bấu lớn gọi là chuế. Trong kinh văn viết vưu suyễn là chẳng phải vậy.

玷缺 Điểm khuyết: Ngược lại âm đĩnh nghiệt 丁筭. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Điểm cũng giống như khuyết. Chữ viết từ bộ ngọc 璣

bộ chiêm. Ngược lại âm dưới là khuyển duyệt. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khuyết là thiếu là viên ngọc có tí vết. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ thùy viết thành chữ khuyết, cũng là văn thông dụng. Chữ viết từ bộ ngọc viết thành chữ khuyết, âm khuyết ngược lại là âm cổ huyết chẳng phải nghĩa đây dùng.

墜文 Trụy văn: Ngược lại âm trực lệ 直淚. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trụy là rơi xuống rớt xuống bùn nhơ. Trong kinh văn viết quật là chẳng phải vậy. (T408)

刺得 Thứ đắc : Ngược lại âm thư dự 舒預. Theo chữ thứ cũng giống như chữ ký. Nghĩa là hy vọng được. Trong kinh văn viết từ bộ ngôn viết thành chữ thứ. Ngược lại âm chi nặc chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

KINH ÚC-CA-LA VIỆT VẤN BỒ TÁT HẠNH

強項 Cường hạng: Ngược lại âm hồ giảng 胡講. Theo chữ hạng đó gọi là người ngang bướng, cứng cỏi khó mà quay đầu trở lại. Trong kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác nói rằng: loại người hạng cường là ngu si vậy. Kinh Đại Phẩm viết: là loại người Tăng thượng mạn. Nghĩa này cũng là một vậy.

主麀 Chủ lộc : Ngược lại âm chu nhũ 朱乳. Trong kinh Sơn Hải nói rằng: ở núi Hình phần có con thú này, giống như con hươu. Trịnh Tiễn chú giải rằng: loại thú này giống như nai mà lớn hơn nai, cái đuôi nó có thể là m chổi quét được.

郁迦 Úc-ca: đây dịch là uy đức.

譁 Trêu hoa: Nay viết điệu 啁 cũng đồng. Ngược lại âm trúc bao. Sách Bát Nhã giải thích rằng: trêu là lời bỡn cợt vui đùa, pha trò. Chữ hoa còn nghi nên viết chữ thoại. Ngược lại âm hồ khoái 胡快. Sách Bát Nhã ghi rằng: thoại 話 là lời nói hài hước, là m trò vui cười. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là lời nói hay.

牽拽 Khiên duệ: Ngược lại âm đạo kiên 遣肩. Quảng Nhã ghi rằng: khiên là dẫn dắt. Sách Thuyết Văn ghi rằng: dẫn đi tới phía trước. Chữ viết từ bộ miên đến bộ ngư, thanh huyền, giống như là dắt trâu bò, hươu đi vậy. Âm dưới lại viết duệ cũng đồng. Ngược lại âm dĩ thế. Tự Lâm cho rằng: duệ là kéo lôi vật nằm. Sách Bát Nhã ghi rằng: cùng nhau dẫn dắt lôi kéo, hoặc viết chữ duệ này âm miên, ngược lại âm quý

dinh.

財賄 Tài hối: Văn cổ viết hối này cũng đồng nghĩa, ngược lại âm hồ tội. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: hối cũng là tài. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: vàng ngọc gọi là hóa, vải vóc gọi là tài.

躑躅 Trịnh xúc: hoặc viết chữ trích này cũng đồng. Ngược lại âm trình diệc. Âm dưới hoặc viết chữ xúc này. Ngược lại âm trực lục. Tự Lâm cho rằng cái chân đứng dững dằng không chịu tiến tới. Quảng Nhã cho rằng: chân chừ, trừ trừ.

KINH HUYỀN SĨ NHÂN HIỀN

Huyền Ứng soạn

陀婆羅 Bạt-đà-bà-la : Trong kinh viết ba thể chữ bặt đều đồng nghĩa. Ngược lại âm bàn mạt. Đây dịch là hiền nhân, hoặc gọi là hiền hộ, hoặc là lân cận với bậc thánh.

普徽 Phổ huy: Ngược lại âm hổ quy. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: huy là tốt đẹp, sách Thượng Thư cho rằng: Vương Tư có huy hiệu là ngũ điển, cũng gọi là mỹ hiệu, huy hiệu đẹp.

瓶瑛 Bình Anh: Ngược lại âm ô canh. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Anh là cái bình có cổ dài, hoặc gọi là đả ngược lại âm cam, hoặc là viết anh này mà cũng viết chữ anh này đều đồng.

自隄 Tự vĩ: Sách toán văn viết chữ vĩ này cũng đồng. Ngược lại âm vu quỹ. Theo Tả Truyện cho rằng: phạm năm điều sai lầm. Đỗ Dư chú giải rằng: vĩ là đúng phải.

KINH QUYẾT ĐỊNH TỶ NI

Huệ Lâm soạn

友陀婆羅 Bạt-đà-bà-la: Tên của vị Bồ tát. Đời Đường gọi là Bồ tát tên Hiền Hộ.

Nam-mô Hiện Vô Ngu Phật. Đây là danh hiệu Phật chuẩn Phạn âm. Bổn hợp là chưa xem xét lại, bổn dịch viết đây là tên riêng không có tương đương.

一搏 Nhất bác: Ngược lại âm đoạn loan. Sách Bát Nhã cho rằng:

dùng tay nắm vật khiến cho không vượt ra. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh chuyên. Kinh văn viết sửy là chẳng phải.

逮無 Đãi vô: Ngược lại âm đồ đãi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đãi là đến kịp. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ xước thanh đãi, âm đãi là âm đệ.

矛塑 Mâu sóc: Ngược lại âm mạc hậu. Âm dưới là song tróc. Quảng Nhã cho rằng: cũng là chữ mâu là một loại binh khí thời xưa có cán dài mũi nhọn, gọi là cây mâu hoặc là cây giáo. Chữ viết bộ mâu thanh tiêu.

捲誘 Quyển dụ: Ngược lại âm diên viên. Ngược lại âm dưới là dĩ hữu. Trịnh Chú chú giải sách Lễ Ký rằng: dụ là dẫn dắt. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: dạy dỗ. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư và sách Nhĩ Nhã rằng: trải qua. Sách Thuyết Văn hoặc viết dụ.

HẬU DỊCH TAM THẬP NGŨ PHẬT DANH SÁM HỐI

Huệ Lâm soạn.

懺悔:Sám hối Ngược lại âm trên là sách hãm. Theo sách Tập Huấn cho rằng: tự bày ra lỗi của mình. Sách Vận Anh cho rằng: tự bày ra là hối lỗi. Chữ viết từ bộ tâm sám thanh tĩnh. Văn thường hay dùng viết từ bộ tiết viết thành chữ sám này là chẳng phải, âm sám, ngược lại âm tinh liêm. Từ hai bộ như đến bộ cứu đến bộ qua.

Bất không kiến như lai 不空見如來: Xưa chú giải rằng: hiện vô ngu Phật là sai lầm.

遊戲 Du hý: Ngược lại âm hy hy 希義. Theo sách Tập Huấn giải thích rằng: nhân nhả dạo chơi. Sách Thuyết Văn cho rằng: biến khắp trong ba quân. Chữ viết từ bộ thanh hý. Âm hy ngược lại âm hứa nghi.

卑栗蹉 Ty lật tha: Ngược lại âm thượng hà 倉何. Tiếng Phạn gọi là người tà kiến không tin chánh pháp. Xưa dịch là đi lệ xa, cũng không đúng tương đương sai lược.

補羯娑 Bô-yết-sa: Tiếng Phạn cũng gọi là người là m nghiệt ác.

一搏 Nhất bác: Ngược lại âm đoạn lạc 段樂. Sách Tập Huấn ghi rằng: bác là đẩy tới dùng tay đánh. Khiến người ta phải chịu. Chữ viết từ bộ thủ thanh truyền, hoặc là viết đoàn cũng là thông dụng.

KINH PHÁT GIÁC ĐỊNH TÂM*Huệ Lâm soạn.***QUYỂN THƯỢNG**

談話 Đàm thoại: Ngược lại âm đàm cam 言甘. Cố Dã Vương giải thích rằng: đàm là bàn luận. Quảng Nhã cho rằng: bốn cột, chọc gheo. Ngược lại âm dưới là hồ khoái. Sách Bác ghi rằng: thoại nói lời hài hước vui cười. Sách Thuyết Văn cho rằng lời nói hay. Sách Tự Thư ghi rằng: viết từ bộ thoại này. Trụ văn viết chữ hội cũng đồng nghĩa.

捫淚 Môn lệ: Ngược lại âm mạc bôn 莫奔. Theo Thanh Loại cho rằng: môn là sờ mó. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: môn là nắm giữ. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh môn.

迭相 Diệt tương: Ngược lại âm điền kết 田結. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: diệt là nhiều lần, càng thêm. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: thay đổi, thay phiên nhau.

毀咎 Hủy tử: Ngược lại âm huy ủy 暉委. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hư hoại. Sách Khảo Thanh viết hủy này. Ngược lại âm dưới là tư thử. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: tử đó là lấy lời nói hủy nhục người. Sách Thuyết Văn cho rằng: mắng nhiếc quyển trước và sau, không nói ra đó đều viết chữ tử này, đều đồng nghĩa.

嬉戲 Hy hý: Ngược lại âm hỷ kỳ. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: hy hý là cười đùa. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là vui. Sách Thuyết Văn viết chữ nô nghĩa là trêu đùa. Ngược lại âm dưới là hy nghĩa. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: hý là là m trò hài hước. Sách Thuyết Văn giải thích là nhân nhả vui chơi, chữ viết từ bộ qua thanh hý. Âm lý ngược lại âm hứa nghi.

犀牛 Tê ngư: Ngược lại âm tẩy kê. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tê giống như con trâu nước, đầu giống con heo, bụng to, chân nhỏ, chân có ba ngón màu sắc đen, có hai sừng, một sừng ở đỉnh đầu, một sừng ở nơi mũi, gọi là ăn thịt. Tê giác con không thích bùn đất mà lại thích ăn loại cỏ gai. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngư đến bộ vĩ.

KINH PHÁT GIÁC ĐỊNH TÂM**QUYỂN HẠ**

莖稈 Hành căn: Ngược lại âm hộ canh 戶耕, âm dưới là cổ can. Tả

Truyện viết chữ căn này. Nghĩa là thân nhánh của cây lúa.

創炮 Sang pháo: Ngược lại âm sở sương 楚霜. Nay vẫn thông dụng viết chữ sang, sách Thuyết Văn viết sanh này. Văn cổ viết sang này, văn cổ viết sang. Ngược lại âm dưới bổ nhi. Sách Thuyết Văn ghi rằng: pháo là trên mặt nóng nhiệt mọc mọc nộm, cũng gọi là nốt phỏng trên da. Chữ viết từ bộ bì thành bao, hoặc viết pháo. Nay kinh vẫn viết pháo này là chẳng phải.

籠罩 Lung tráo: Ngược lại âm lô hồng 盧紅. Sách Trang Tử cho rằng: lung là cái lồng chim. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc thanh long. Ngược lại âm dưới là trào giáo. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trúc là cái nơm bắt cá, gọi khác là sát.

Chữ viết từ bộ võng thanh trác.

財購 Tài cấu: Ngược lại âm cổ hầu 古候. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cấu là mua chuộc đem về, từ bộ bối thanh cấu. Cấu cũng là âm cổ hầu.

KINH TU-MA-ĐỀ NỮ

Huệ Lâm soạn.

信擣 Tín đảo: Ngược lại âm tây kế 西計. Ngược lại âm dưới là đao lão. Khảo Thanh cho rằng đảo là đập giả, đâm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: dùng tay mà đẩy ra, chữ viết từ bộ thủ thanh đảo, hoặc viết đảo. Cổ vẫn viết xuân đảo.

奕妙 Nhuyễn diệu: Ngược lại âm nhi sung 而? viết đúng là nhuyễn, hoặc viết nhuyễn. Trong kinh vẫn viết từ bộ thạch viết nhuyễn này là chẳng phải.

諛諂 Du siễm: Ngược lại âm dương chu 羊朱. Sách Trang Tử cho rằng: không chọn lựa phải quấy mà nói gọi là du. Ngược lại âm dưới là sủu nhiễm. Nói lời nịnh hót trái với lẽ phải gọi là siễm. Hà Hưu chú giải Công Dương truyện rằng: siễm là nịnh hót nói tăng bốc lên. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cũng là nịnh hót nói hòa theo. Kinh vẫn viết siễm này cũng thông dụng thường hay dùng.

KINH TU-MA-ĐỀ BỒ-TÁT*Huệ Lâm soạn***QUYỂN 1**

羅閱祇 La-duyệt-kỳ: âm trên là duyệt, tiếng Phạn.

優迦 Ưu-ca: Tiếng Phạn, tên của vị trưởng giả cũng gọi là Úc-già.

多陀竭 Đa-đà-kiệt: Tiếng Phạn gọi là chất phác thô kệch không bóng loáng. Chánh Phạn âm gọi là Đát-tha-nghiệt-đa 怛他藥多. Đời Đường dịch là Như Lai.

拘文花 Câu văn hoa: Cũng gọi là câu-mâu-đa 拘牟那. Xưa cũng gọi là câu vật đầu hoa, tiếng Phạn.

滿朶 Mãn cúc: Ngược lại âm cung lục 弓六. Theo Khảo Thanh cho rằng: cúc là giữ lấy. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cong ngón tay lại bẻ lấy vật, bưng lấy vật. Xưa viết là cửa, nay thông dụng viết là cúc. Kinh văn viết chữ cúc này.

埤助 Bì trợ: Ngược lại âm ty di 婢彌. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: bì tăng thêm dày. Lại gọi là có ích. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: bù thêm vào, lại cũng gọi là hỗ trợ, giúp sức. Sách Thuyết Văn cho rằng: tăng thêm vào. Chữ viết từ bộ thổ thanh bi. Kinh văn viết bì này cũng thông dụng.

KINH TU-MA-ĐỀ BỒ-TÁT**QUYỂN 2**

缺減 Khuyết giảm: Ngược lại âm khuyến duyệt 犬悅. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khuyết là tổn giảm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ phữu đến bộ quyết, thanh tĩnh hoặc viết từ bộ thù viết khuyết, khuyết này cũng thông dụng. Ngược lại âm dưới là giáp trảm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: giảm là tổn thất hao hụt, chữ viết từ bộ thủy thanh hành.

掬致 Oanh trí: Ngược lại âm hô hoàng 呼泓 dựa theo chữ giải thích thì chữ oanh cũng giống như chữ quảng, rộng lớn, tiếng nổ âm âm.

探識 Thám thức: Ngược lại âm tha cam 他甘. Sách Thuyết Văn ghi rằng: thám là chữ thăm dò, lấy ý thăm dò người khác, chữ viết từ bộ thủ.

別時 Biệt thời: Ngược lại âm bỉ liệt 彼列. Kinh văn viết từ bộ thảo viết thành chữ biệt là chẳng phải vậy.

漚和 Âu hòa: Ngược lại âm ô hậu 烏候. Âm dưới là hòa 和, tiếng Phạn, tên của vị Bồ tát.

KINH A-XÀ QUÁN VƯƠNG NỮ THUẬT ĐẠT BỒ-TÁT

Huệ Lâm soạn.

五旬 Ngũ tuần: Hoặc là nói là huyền đi ngược nước. Chữ tuần đó Đường Huyền Trang nói ngũ tức là năm thần thông.

因堤 Nhân Đề : Ngược lại âm đình lê 丁. Tiếng Phạn, tên của vị Bồ tát.

澧越 Lễ việt: Ngược lại âm lự để 力底. Trong kinh hoặc nói li việt, đều đồng một nghĩa.

干蔗 Can giá: Trong kinh hoặc viết can gián cũng đồng.

Ngược

lại âm dưới là chi dạ văn thông dụng thường hay dùng. Ở Kinh Châu có cây can gián, hoặc nói là cam giá 甘蔗 đều đồng một vật là loại cây mía. Trong kinh văn viết từ bộ xước viết thành chữ giá này là chẳng phải vậy.

蠱狐 Cổ cô: Ngược lại âm trên là dư giả 餘者, cũng viết chữ dã. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Dã cô là con yêu thú, cũng gọi là quỷ, có chỗ nhận rằng có đức, trong thân sắc của nó hòa nhau nhỏ trước lớn sau. Sau khi chết thì đầu nó đứt lìa ra gọi là thú dã can.

KINH ĐẮC VÔ CẤU NỮ (KINH LY CẤU THÍ NỮ)

Huệ Lâm soạn.

遞共 Đệ cộng: Ngược lại âm đề lễ 提禮. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đệ là đưa đi. Quách Phác cho rằng: dễ dàng tiện lợi. Theo Khảo Thanh cho rằng: thay thế, chuyển. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ xước đến bộ đệ. Kinh văn viết đệ này văn thường hay dùng là sai lầm. Ngược lại âm đồ tư.

符佉 Phù ngôa: Ngược lại âm đồ cổ 徒古. Sách Bát Nhã cho rằng: ngôa là cái bình. Bì Thương giải thích rằng: là cái bình lớn. Sách Thuyết

Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ ngõa thanh thổ, âm vĩ ngược lại âm đề lễ.

解奏 Giải tấu: Ngược lại âm cổ mại 古賣. Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: giải là tháo gỡ trừ bỏ đi. Quảng Nhã cho rằng: giải tán. Sách Thuyết Văn cho rằng: phán ra, chữ viết từ bộ giác đến bộ đao, đến bộ ngư. Ngược lại âm là tắc hậu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tấu là tiến vào. Lại nữa văn trên theo chữ giải tấu đó là đi dã ngoại cúng tế thần

鹿埶 Lộc chuyên: Ngược lại âm dưới là hạng nhuyển 舡奕. Sách Thuyết Văn cho rằng: bấp chân, hoặc viết là uyên phi, ngược lại âm phì vị.

從輿 Tòng dư : Ngược lại âm dư như 余絮. Quảng Nhã cho rằng: dư là nhắc lên đưa lên. Sách Bát Nhã cho rằng: khiên kiệu bằng cây đòn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xa thanh dư. Trong kinh văn viết cũ, cũng là thông dụng.

危脆 Nguy thúy: Ngược lại âm thất tuế 七歲. Quảng Nhã cho rằng: thúy là yếu mềm, yếu gầy. Sách Thuyết Văn cho rằng: ít mềm mại, giòn dễ gãy. Chữ viết từ bộ nhục đến bộ sắc, tuyết. Trong kinh văn viết chữ thúy này là văn thường hay dùng.

一瓢 Nhất biêu: Ngược lại âm tỳ diêu 毘遙. Sách Phương Ngôn cho rằng: biêu là tên của cái bầu đựng nước. Theo Khảo Thanh cho rằng: biêu là trái bầu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ qua thanh biêu.

KINH ƯU ĐIỀN VƯƠNG

Huyền Ứng soạn.

皮韜 Bì thao: Ngược lại âm thổ lao 吐勞. Theo Tả Truyện cho rằng: lấy cái vui mà làm lo buồn. Đỗ Dự cho rằng: thao là cất chứa. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cái bao kiếm.

避從 Ty tùng: Ngược lại âm tỳ xích 脾尺. Hàn Thi truyện cho rằng: hoặc là viết tích 辟. Bốn phương đều tránh khỏi, trừ bỏ đi, cũng gọi là đi theo.

不計 Bất kế: Ngược lại âm cư nghệ 居詣, gọi là tính toán. Sách Quốc ngữ cho rằng: tính mưu kế thành mà sau đó mới hành động. Giã Quỷ cho rằng: mưu kế. Trong kinh văn viết hệ là chẳng phải thể.

侏侏 Côn thuận: Lại viết cô thuận này hai chữ tượng hình cũng

đồng. Ngược lại âm hồ bốn, ngược lại âm đồ tổn. Gọi là loại không thông. Văn thông dụng cho rằng: lớn mà không có hình dáng gọi là côn thuận.

在其 Trì kỳ: Ngược lại âm trừ mai 除致. Theo chữ trì là mong muốn cho việc được nhanh chóng. Chữ trì cũng giống như chữ vọng, là hy vọng mong chờ. Kinh văn viết ấu trĩ, nghĩa là non nớt trẻ con, chữ trĩ là chẳng phải.

鳩毒 Trật độc: Ngược lại âm trừ cấm 除禁. Trong kinh Sơn Hải ghi rằng: phạm người nữ cũng có chất độc giết người giống như loại chim này vậy, loại chim trậ này lông nó rất độc, phần nhiều trên núi. Quách Phác cho rằng: giống chim trậ lớn như con diều hâu, lông đỏ, mỏ dài, cổ cũng dài, thường hay ăn loài rắn, lông của nó mà ngâm với rượu tức là uống vào chấm dứt cuộc đời liền (tức là chết liền).

仆僵 Phó cương: Ngược lại âm bồ lạc 菴勒. Ngược lại âm dưới là cư lương. Sách Thuyết Văn ghi rằng: phó là đốn ngã, cũng gọi là che phía trước tức là té ngã ngựa phía trước, cũng gọi là vấp chân té ngã ngựa.

身冒 Thân mạo: Ngược lại âm mao báo 毛報 nghĩa là che đậy, thô sơ. Theo chữ mong cũng giống chữ hạ, là nhận chịu ơn huệ. Sách Hán Thư cho rằng: nghe thấu trên Thượng Đế.

KINH VĂN THÙ SỬ LỢI SỞ THUYẾT BÁT TỰ NGHÌ PHẬT CẢNH GIỚI QUYỂN THƯỢNG

Huệ Lâm soạn.

貪瞋癡 Tham sân si Ngược lại âm xương trần. Sách Khảo Thanh cho rằng: sân là nổi giận. Sách Thuyết Văn cho rằng: trướng con mắt nhìn oán hận. chữ hình thanh. Ngược lại âm dưới là sĩ tri. Sách Khảo Thanh cho rằng: không có trí huệ, chữ viết từ bộ tật.

酸鹹 Toan hàm: Ngược lại âm trên là tô 蘇端. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ toan cũng giống chữ thố: nghĩa là một giấm chua, mà cũng chỉ sự ghen tuông. Ngược lại âm dưới là hãm giam. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hàm là khổ. Quách Phác chú giải rằng: khổ tức đại hàm là nước mặn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lỗ.

粗淺 Thô thiển: Ngược lại âm thương hồ 倉胡, chữ viết là thô.

Ngược lại âm dưới là thất tiến 七剪.

射師 Xạ sư: Ngược lại âm thực dạ 食夜. Sách Thuyết Văn ghi rằng: xạ là cây cung nổ phát ra từ nơi thân, mà trong đó đi rất xa. Chữ viết bộ thân, đến bộ thốn. Chữ thốn đó là pháp độ, cũng là từ nơi tay người, hoặc là viết từ bộ thỉ viết thành chữ thỉ này cũng thông dụng.

特鍾 Đặc chung: Ngược lại âm đường lặc 唐勒. Ngược lại âm dưới là chúc long 燭龍. Trong kinh nói rằng: đặc chung là thương xót nhớ nghĩ sâu xa.

窓讎 Oán thù: Ngược lại âm ư viên 於袁. Sách Khảo Thanh giải thích rằng: oán cừu với nhau. Thiên Thương Hiệt giải thích: oán hận lâu đời, tội lỗi. Sách Thuyết Văn ghi rằng: oán trách, oán giận. Chữ viết từ bộ tâm thanh oán. Ngược lại âm dưới là thọ lưu. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: thù là ghét thù ghét căm giận Cố Dã Vương cho rằng: gọi là oán giận, không hài lòng, buồn giận, lại gọi là cừu thù. Sách Tập Huấn cho rằng: nên cởi mở lấy chánh pháp mà cởi mở khi oán thù gặp nhau. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh thù, âm thù đồng với âm trên.

控弦 Khống huyền: Ngược lại âm không cống 空貢. Mao Thi Truyện cho rằng: khống là dẫn ra, dẫn dây cung gọi là khống. Huyền là vươn dây cung lên để bắn. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh không.

巧捷 Xảo tiệp: Ngược lại âm tiêm nghiệp 潛業. Sách Giai Uyển Chu Tông cho rằng: tiệp là thắng hơn. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: là trí huệ khéo léo. Sách Bát Nhã giải thích rằng: là mau chóng. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ thủ đến bộ tiệp.

色泡 Phù phao: Ngược lại âm dưới là phổ bao 普包. Sách Khảo Thanh cho rằng: bọt nước nổi trên mặt nước.

彫 Diêu song: Ngược lại âm trên là đa nhiều 多堯. Ngược lại âm dưới là sở song 楚雙. Quảng Nhã cho rằng: song là cửa sổ. Sách Văn Thuyên cho rằng: đúng một bên cửa sổ gọi là dũ. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cửa sổ khoét trên vách tường, ở ngoài cửa gọi là song. Văn cổ viết song.

拴樞 Toàn lô: Ngược lại âm tạc loan 昨巒. Thiên Thương Hiệt giải thích: toàn là gom lại. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: gom tụ lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mộc, đến bộ tán. Ngược lại âm dưới là lộc phu 鹿夫. Sách Thuyết Văn ghi rằng: đòn kê nằm trên cây cột, theo kiến trúc nhà cổ, âm xuyên. Ngược lại âm khiên kiến 牽見.

疊拱 Điệp kỳ: Ngược lại âm đồ hiệp 徒協. Cố Dã Vương cho rằng:

chữ điệp cũng giống như chữ lụy 累, nghĩa là trói buộc. Tống Trung chú giải kinh Thái Huyền rằng: chứa nhóm. Thương Hiệt Thiên ghi rằng: trùng lập nhiều lần, nhiều tầng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ tinh 晶, đến bộ 宜 Dương Hùng giải thích rằng: người xưa định tội từ ba ngày, mới quyết định đem ra xử đoán tội nhân. Cho nên từ ba ngày vua mới đem ra hành quyết, lấy ba ngày là quá nhiều, cho nên sửa đổi lại là m ba bộ điền 田.

磊砢 Lỗi kha: Ngược lại âm lôi tội 雷罪. Ngược lại âm dưới là lặc khả 勒可. Sách Thuyết Văn ghi rằng: lỗi kha là rất nhiều đá.

柔奕 Nhu nhuyễn: Ngược lại âm nhi sung 而?. Kinh văn viết nhuyễn này cũng thông dụng văn thường hay dùng.

觸媯 Xúc nhiễu: Ngược lại âm xung chúc 衝燭. Âm dưới là nô điều 奴鳥. Sách Thuyết Văn ghi rằng: nhiễu là cùng nhau là m trò vui đùa giải trí, hoặc viết nhiễu là chọc ghẹo nhau.

KINH VĂN THÙ SỬ LỢI
SỞ THUYẾT BẤT TƯ NGHÌ PHẬT CẢNH GIỚI
QUYỂN HẠ

Kinh Phật Cảnh Giới – quyển hạ.

儔黨 Trù đảng: Ngược lại âm trực lưu 直留. Sách Vận Âm Tập lược cho rằng: trù là cô đơn. Quảng Nhã cho rằng: dựa, nương dựa theo. Ngược lại âm dưới là đương lãng 當朗. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: đảng loại. Trịnh Huyền chú giải sách Luận ngữ rằng: gần gũi thân thiết. Sách Thuyết Văn viết từ bộ hắc 黑, thanh thượng 尚.

瑕垢 Hà cấu: Ngược lại âm hạ da 夏加. Quảng Nhã cho rằng: hà là viên ngọc bị dơ uest. Ngược lại âm dưới là cổ hậu 古后.

淤泥 Ứ nê: Ngược lại âm ư cứ 於據. Cố Dã Vương cho rằng: nay trong nước có bùn là ứ淤. Sách Thuyết Văn cho rằng: cặn bả. Âm đoạn 澱, ngược lại âm điền luyện 田練.



NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH*Đại Đường phiên dịch kinh Sa môn – Huệ Lâm soạn.***QUYỂN 17**

- Kinh Âm Như Huyền Tam muội – hai quyển – Huệ Lâm soạn.
- Kinh Thiện Trụ Ý Thiên Tử – ba quyển – Huệ Lâm soạn.
- Kinh Thái Tử Loát Hộ – một quyển – Huệ Lâm soạn.
- Kinh Thái Tử Hòa Hư – một quyển – Huệ Lâm soạn.
- Kinh Đại thừa Hiền Thức – hai quyển – Huệ Lâm soạn.
- Kinh Huệ Thượng Bồ tát Vấn Đại Thiện Quyền – hai quyển – Huyền Ứng soạn.
- Kinh Đại thừa Phương Đẳng Chiếu Huệ – một quyển – Huệ Lâm soạn.
- Kinh Di Lạc Bồ tát Sở Vấn Bốn Nguyên – một quyển – Huệ Lâm soạn.
- Kinh Phật Di Nhật Ma Ni Bảo – một quyển – Huyền Ứng soạn.
- Kinh Thắng Man Sư Tử Hống Nhứt Thừa Đại Phương Tiện, Phương Quảng – một quyển – Huyền Ứng soạn.
- Kinh Tỳ-da-sa Vấn – hai quyển – Huyền Ứng soạn.
- Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập - ba mươi quyển - Huyền Ứng soạn
- Đại Tập Nhứt Tạng Phần – mười quyển – Huyền Ứng soạn.
- Đại Tập Nguyệt Tạng Phần – mười quyển – Huyền Ứng soạn.
- Bên phải mười lăm kinh trên – sáu mươi quyển.

KINH ÂM NHƯ HUYỀN TAM-MUỘI*Huệ Lâm soạn.***QUYỂN THƯỢNG**

德鎧 Đức Khải: Ngược lại âm khai đại 開代. Sách Khảo Thanh cho rằng: khải là mũ trụ dùng khi ra trận. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: dùng kim loại là m da che thân gọi là khải 鎧. Sách Thuyết Văn

ghi rằng: là áo giáp. Chữ viết từ bộ kim 金, đến bộ khái 愷, thanh tĩnh 省.

宴居 Yến cư: Ngược lại âm yên kiến 煙見. Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: yến 宴 là nhàn nhã. Sách Thuyết Văn cho rằng: yến là an, cũng gọi là tịnh. Chữ viết từ bộ mich, thanh yến. Kinh văn viết yến 燕 này, người xưa mượn âm dùng. Nghĩa cũng thông dụng.

愚戇 Ngu tráng: Ngược lại âm trác hàng 卓降. Sách Khảo Thanh cho rằng: tinh thần không sáng khoái. Sách Hoài Nam Tử cho rằng: theo Quán Trọng nhìn Bá Di thì gọi là tráng vậy, là tính thẳng thắn, cương trực nóng nảy. Sách Thuyết Văn ghi rằng: tráng là ngu muội. Chữ viết từ bộ tâm thanh tráng, âm tráng là âm công 貢.

悌抵 Đễ đột: Ngược lại âm trên là đình thể 丁禮. Sách Chiến Quốc sách ghi rằng: đễ 抵 là xúc chạm, va chạm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: điều hòa, đồng nhau. Chữ viết từ bộ ngư, thanh đễ 氏, âm đễ đồng với âm trên. Ngược lại âm dưới là đồ cốt. Quảng Nhã cho rằng: đột là xung đột với nhau. Theo sách văn Tự Dũ Thuyết cho rằng: chữ viết từ bộ thủ 手, thanh đột 突. Kinh văn viết đột này cũng thông dụng.

恭恪 Cung khác: Ngược lại âm Khang các 康各. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khác là cung kính, thành kính. Sách Thuyết Văn viết từ bộ khách đến bộ tâm viết thành chữ khác là chữ cổ, hoặc là viết khác. Xưa nay chữ viết đúng là tự bộ tâm 心, thanh các 各.

膽怕 Đạm phạ: Ngược lại âm trên là đàm cảm 談敢. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: đạm là yên tĩnh, điềm tĩnh. Quảng Nhã cho rằng: thần nhiên. Sách Thuyết Văn cho rằng: an nhiên, chữ viết từ bộ tâm, thanh đảm. Ngược lại âm dưới là phổ bá. Quảng Nhã cho rằng: phạ là an tịnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: không lo nghĩ. Chữ viết từ bộ thanh bạch. Kinh văn viết bá là chẳng phải vậy.

Ngu ai 愚駭: Ngược lại âm nhai giải 崖解. Chữ thượng thanh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: ai là không biết, Bì Thương cho rằng: là ngu ngốc. Sách Thuyết Văn cho rằng: con ngựa đi có sức mạnh lực lưỡng. Chữ viết bộ mã thanh ai. Âm ngật ngược lại âm thổ ngật.

千妊 Thiên khải: Ngược lại âm cải hài 改孩. Toán kinh nói rằng: mười vạn gọi là ức, mười ức gọi là triệu, mười triệu gọi là kinh, mười kinh khải; danh pháp số. Xưa nay chữ đúng cho rằng: con số lớn, chữ viết từ bộ nữ thanh khải. Kinh văn viết từ bộ thổ là dùng sai vậy.

汲引 Cấp dẫn: Ngược lại âm trên là kim cấp 金炭. Quảng Nhã cho rằng: cấp là lấy nước, mức nước. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ cấp

cũng giống như chữ dẫn. Nghĩa là dẫn nước, lấy nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh cấp.

以槌 Dĩ quá: Ngược lại âm trên là trắc qua 陟瓜. Sách Khảo

Thanh

cho rằng quá là đánh, gõ, dùng chày đánh nện. Theo Thanh Loại cho rằng: dùng chày đập. Xưa nay Chánh Tự ghi rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh quá. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trúc viết thành chữ quá là chữ cổ.

傀琦 Quỷ kỳ: Ngược lại âm trên là cổ huýnh 古迴. Sách Tập Huấn ghi rằng: là sức mạnh vĩ đại. Sách Giai Uyển Chu Tông cho rằng: đầy đủ. Chữ quỷ kỳ đó là viên ngọc đẹp. Sách Thuyết Văn ghi rằng: to lớn vĩ đại. Chữ viết từ bộ nhơn 人 đến bộ quỷ 鬼, thanh tỉnh 省. Trong kinh văn viết từ bộ ngọc viết thành chữ quỷ 瑰, là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy. Ngược lại âm dưới là kỳ 奇. Bì Thương cho rằng: quỷ là to lớn kỳ lạ tráng kiện, khôi ngô. Chánh Tự xưa nay viết từ bộ ngọc 玉 thanh kỳ 奇.

姿豔 Tư diễm: Ngược lại âm thị tư 姊私. Sách Tự Thư cho rằng: tư dáng vẻ, dung mạo. Thiên Thương Hiệt cho rằng: dung mạo xinh đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: thể cách dáng vẻ. Chữ viết từ bộ nữ thanh tư 次. Ngược lại âm dưới là quán chiêm 鹽瞻. Sách Văn Tự Tập lược cho rằng: diễm là nhan sắc đẹp. Sách Thuyết Văn cho rằng: tốt tươi, lâu dài. Chữ viết từ bộ hạp. Văn kinh viết từ bộ sắc viết thành chữ diễm này cũng là văn thường hay dùng. Âm hạp là âm hợp 合, từ bộ đại 大 đến bộ huyết 血.

兜術天 Đâu thuật thiên: đây là tiếng Phạn nói sai, lược. Chánh Phạn âm gọi là 睹史多天 Đổ-sử đa thiên. Đường Huyền Trang giải thích

rằng: Tri Túc Thiên vị vua trời này đã nhiều lần, nhất sanh bổ xứ là m Bồ tát.

馳騁 Trì sính: Ngược lại âm trực tri 直知. Ngược lại âm dưới là sắc đĩnh 郢. Cố Dã Vương cho rằng: trì là chạy. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chữ sính cũng giống như chữ trì. Quảng Nhã cho rằng: trì sính đều chạy mau. Sách Thuyết Văn đều viết từ bộ mã 馬, viết thành chữ trì 馳, thanh tỉnh 省, âm sính, ngược lại âm thất đĩnh 匹丁 thanh sính 粵.

疇匹 Trù thất: Ngược lại âm trực lưu 直留. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: trừ là các loại, các thứ. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: bốn người gọi là trừ, hai người gọi là thất, chữ viết từ bộ điền 田, thanh trừ 壽.

妍好 Xu hảo: Ngược lại âm trên là xương chu 昌朱. Mao Thi

Truyện cho rằng: xu 妍 là người con gái đẹp. Sách Phương Ngôn cho rằng: con khỉ mặt người. Giữa thời đại nước Ngụy, Yến gọi người con gái đẹp là xu 妍. Sách Thuyết Văn cũng đồng với sách Phương Ngôn, chữ viết từ bộ nữ 女 thanh chu 朱.

床榻 Sàng tháp: Ngược lại âm trên là trạng trang 狀莊. Ngược lại âm dưới là thổ hợp 吐合. Giải thích tên gọi là sàng 床, nghĩa là cái giường hẹp mà dài. Gọi là tháp 榻. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ mộc 木 thanh tháp, âm tháp đồng với âm trên.

棚閣 Bằng các: Ngược lại âm tự minh 白萌. Quảng Nhã cho rằng: bằng cũng giống như chữ các. Sách Thuyết Văn cho rằng: quán trọ, khách sạn.

蠲除 Quyên trừ: Ngược lại âm quyết huyền 決玄. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: quyên là sạch, thanh khiết. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: quyên cũng giống như là trừ, là tẩy trừ sạch sẽ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ xúc 蜀, thanh ích 益. Chữ hội ý bộ trùng ở trong, ích 益 đúng là chữ ích 益.

稽顙 Khể tâng: Ngược lại âm Khê lễ 溪禮. Mượn chữ dùng. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: khể là cái đầu, đầu sát tận đất, cúi đầu sát đất. Trịnh Tiễn chú giải sách Chu Lễ rằng: cúi đầu sát đất để mà lạy, lễ bái. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ 首, thanh mẫu vẫn cổ viết đúng thể là khể thủ. Trong kinh văn viết chữ khể, vốn là âm kê, theo tương truyền mượn dùng lâu ngày thành quen vậy. Ngược lại âm dưới là tâng lang. sách Phương Ngôn cho rằng: tâng là cái trán. Hà Hưu chú giải Công Dương Truyện rằng: chữ khể tâng nghĩa là đập đầu sát đất lễ bái.

老耄 Lão mạo: Ngược lại âm dưới là mạc báo 莫報. Theo Vận Anh Tập cho rằng: chữ mạo cũng giống như chữ lão. Đỗ Dự chú giải tả Truyện rằng: mạo là loạn. Sách Lễ Ký cho rằng: tám mươi tuổi chín mươi tuổi gọi là mạo. Trịnh Huyền chú giải rằng: mạo cũng giống như mê muội, hay quên. Cổ văn viết chữ mao. Sách Thuyết Văn viết từ bộ lão đến chữ cao thanh tĩnh. Nay văn thông dụng viết từ bộ lão.

女髡 Cao ly: Ngược lại âm trên là tạng cao 號高. Âm dưới là lực tri 力知. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hào là cái lông nhỏ dài mà nhọn bén rất cứng. Theo kinh Cửu Chương Toán nói rằng: phàm là trọng lượng để đo lường, đầu tiên là hốt 忽, mười hốt là ty, mười ty là hào, mười hào là ly. Hai chữ đều từ bộ mao. Chữ hình thanh.

KINH ÂM NHƯ HUYỄN TAM-MUỘI QUYỂN HẠ

悞 仄 Ấp: Ngược lại âm trên là thai lai. Ngược lại âm dưới là ngã cái. Sách Khảo Thanh cho rằng: thai ngại 侗礙 là ngu si. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: đần độn ngu ngốc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhờn thanh đài, chữ ngại từ bộ thạch thanh nghi. Kinh văn viết thái ngại đó là mượn âm để dùng.

損耗 Tồn hao: Ngược lại âm hồ áo 呼到 Thiên Thương Hiệt ghi rằng: hao là đồ vật bị bể chảy ra nên hao. Sách Vận Thuyên cho rằng: giảm bớt. Sách Thuyết Văn cho rằng: thuộc giống lúa dẻo. Chữ viết từ bộ hòa, thanh mao.

狂悖 Cuồng bội: Ngược lại âm khuông vương 劬王 Ngược lại âm dưới là bồ một. Cố Dã Vương cho rằng: cuồng là ngu si đần độn, một con người vạm vỡ lực lưỡng mà không biết luân lý. Khổng An Quốc chú giải sách Luận ngữ rằng: cuồng vọng, đối gạt, xúc chạm, va chạm. Trịnh Huyền chú giải Lễ Ký rằng: bội là phản nghịch. Quảng Nhã cho rằng: bội là loạn sách. Thuyết Văn viết từ bộ khuyển thanh vương. Chữ bội từ bộ tâm thanh bội, âm bội là âm bối.

所漂 Sở phiêu: Ngược lại âm thất diêu 匹遙 Cố Dã Vương cho rằng: chữ phiêu cũng giống như chữ lưu, nghĩa là trôi nổi trên mặt nước. Sách Thuyết Văn ghi rằng: phiêu cũng là nổi trên mặt nước. Chữ viết từ bộ thủy thanh phiêu. Kinh văn viết chữ phiêu này là sai. Âm phiêu ngược lại âm tất diêu.

弘雅 Hoảng nhã: Ngược lại âm trên là hồ hoảng 胡肱. Trịnh Tiển chú giải Mao Thi Truyện rằng: chữ hoảng cũng giống như chữ quảng. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hoảng cũng là to lớn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ cung, thanh tư âm tư ngược lại âm cổ hoảng.

霑汚 Triêm-ô: Ngược lại âm triếp liêm 輒廉. Sách không thể cho rằng thấm ướt. Quảng Nhã cho rằng: triêm là ngâm vào nước. Cố Dã Vương cho rằng: chữ triêm cũng giống như nhu nghĩa là thấm ướt. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ vũ, thanh triêm. Kinh văn viết triêm này cũng là văn thường hay dùng.

霍然 Hoắc nhiên: Ngược lại âm hoang quách 荒郭. Sách Khảo Thanh cho rằng: nhanh chóng. Cố Dã Vương cho rằng: bỗng nhiên vụt đến. Sách Thuyết Văn viết hoắc, hoắc là viết hoắc này. Kinh văn viết chữ hoắc này là chẳng phải.

矛戟 Mâu kích: Ngược lại âm mạc hậu 莫候. Ngược lại âm dưới

là kinh nghịch 京逆. Sách Thuyết Văn ghi rằng: mâu là loại cây giáo dài hai trượng, làm nơi phía trước kinh xa, hoặc viết cao là cây lau. Sách Phương Ngôn cho rằng: nay trong cây kích có mũi nhọn, gọi là cây hùng kích. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ mâu là tượng hình, của chữ kích, nghĩa từ cái cán của cây mâu, vót nhọn. Chữ viết từ bộ qua, âm cán, ngược lại âm cổ đản.

痛痒 Thống dưỡng: Ngược lại âm dưới là dương chưởng 羊掌. Quảng Nhã cho rằng: trên da rất ngứa. Sách Khảo Thanh cho rằng: hơi đau. Sách Lễ Ký viết chữ dưỡng này gọi là dưỡng là không có cảm giác là con bọ chết cắn lúc sáng sớm. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trên da có bệnh. Sách Thuyết Văn cho rằng: con bọ chết cắn ngứa. Chữ viết từ bộ trùng, thanh dưỡng.

班宣 Ban tuyên: Ngược lại âm trên là bát loan 八蠻. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ban bố trái khắp. Lại nói rằng kế tiếp Giã Quỷ chú giải sách Quốc ngữ rằng: ban cho tước vị. Sách Phương Ngôn cho rằng: xếp hàng. Sách Thuyết Văn cho rằng: phân định viên ngọc tốt, chữ viết từ bộ đao là phân ban, cùng với âm ngoan đồng.

煌煌 Hoàng hoàng: Ngược lại âm hoảng quang 晃光. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hoàng hoàng là sáng tỏ. Thiên Thương Hiệt cho rằng: ánh sáng. Sách Thuyết Văn cho rằng: ánh sáng chói lọi. Chữ viết từ bộ hỏa thanh hoàng.

亙然 Hằng nhiên: Ngược lại âm kha đặng 柯鄧. Sách Phương Ngôn

cho rằng: hằng là đến tột cùng. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hằng là biến khắp. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: dẫn dắt mau chóng, vượt qua thông suốt. Chữ viết từ bộ nhị đến bộ chu. Nay viết chữ hằng cũng là thông dụng thường hay dùng.

鮮薄 Tiên bạc: Ngược lại âm tiên tiển 仙剪. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: tiên là ít, hiếm có. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: cũng là hiếm thấy, ít có. Chữ viết từ bộ thậm. Chữ Chánh Thể là từ bộ thị đến bộ thiếu, viết thành chữ tiên, hoặc viết từ bộ ngư, đến bộ dương viết thành chữ tiên. Âm nghĩa đều đồng nhau. Ngược lại âm dưới là bàng bác. Thiên Thương Hiệt cho rằng: bạc là nhỏ. Giải thích tên gọi là vật thô sơ. Quảng Nhã cho rằng: xuyên suốt qua. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thảo, thanh bạc.

報償 Báo thường: Ngược lại âm thương lượng 商亮. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: chữ thường cũng giống như chữ báo. Quảng Nhã cho rằng: đáp lại, báo đáp. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trở lại, còn lại, hãy còn. Chữ viết từ bộ nhơn thanh thường.

搗香 Đảo hương: Ngược lại âm đao lão 刀老. Theo Thanh Loại cho rằng: đắp đất, nên đất cho cứng. Theo Khảo Thanh cho rằng: bỏ vào cối giã. Sách Thuyết Văn ghi rằng: tay nắm chày mà đập, nện. Chữ viết từ bộ thủ 手 thanh đảo 壽.

僥倖 Kiêu hãnh: Ngược lại âm trên là kiêu nhiều 皎堯. Ngược lại âm dưới là hành cảnh 行耿. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiêu là chẳng

phải phân mà cầu mong. Sách Lỗ Ký cho rằng: hy vọng. Sách Tế Ung Độc Đoạn cho rằng: ngăn ngừa thân ái yêu mến, thân đó gọi nắm giữ. Sách Lễ Ký Khổng Tử nói rằng: kẻ tiểu nhân là m việc mạo hiểm lấy sự kiêu ngạo làm nơi bảo thủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ tâm thanh kiêu âm kiêu là âm sai, hoặc viết từ bộ xước viết thành chữ kiêu. Trong kinh văn viết từ bộ nhơn viết thành chữ kiêu văn thường hay dùng là chẳng phải bốn chữ đúng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: chữ hãnh từ bộ nhơn thanh hãnh hoặc viết từ bộ nữ viết thành chữ hãnh, hoặc là viết hãnh này cũng thông dụng.

KINH THIÊN TRỤ Ý THIÊN TỬ

Huệ Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

皆樂 Giai Lạc: Ngược lại âm ngũ giáo 五教. Sách Khảo Thanh cho rằng: nguyện.

坑澗 Khanh giản: Ngược lại âm khách canh 客耕. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khanh 坑 là gò đất lớn, đất hoang. Trịnh Tiển chú giải sách Lễ Ký rằng: khanh là ao nước, hố sâu. Thiên Thương Hiệt cho rằng: vực sâu, cũng gọi là cái hầm. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thổ thanh khanh. Âm khanh là âm cang. Ngược lại âm dưới là gian án. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: khe nước nhỏ trên núi gọi là giản. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủy thanh gian.

Phụ cử: Ngược lại âm trên là đô hồi 都回. Ngược lại âm dưới là phù vụ. Theo sách Thanh Loại cho rằng: phụ là đồng đất nhỏ. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cũng là ụ đất nhỏ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đất cao bằng phẳng gọi là phụ. Quảng Nhã cho rằng: đồng đất không có đá gọi là phụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: đều là chữ tượng hình. Kinh văn viết chữ phụ này, lại cũng viết chữ phụ này đều là văn thông dụng thường hay dùng.

黠慧 Hiệt huệ: Ngược lại âm nhân bát 閑八. Sách Phương Ngôn cho rằng: chữ hiệt 黠 cũng giống như chữ huệ 慧. Sách Khảo Thanh cho rằng: lanh lợi, thông minh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hắc 黑 thanh kết 吉. Ngược lại âm dưới là huynh giai 熒桂.

輦輿 Liễn dư: Ngược lại âm trên là lực triển 力展. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: trong hậu cung của vua, vua ngồi xe kéo từ từ đi ra khỏi cung. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: xe kéo có người kéo gọi là liễn. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ phu đến bộ xa, chữ xa trong chữ phu dẫn trước. Âm phu là âm bán. Ngược lại âm dưới là dư dư. Theo Tả Truyện cho rằng: là việc gánh vác trách nhiệm của những kẻ sĩ và tôi thân đối với vua, cũng gọi là dư luận. Đỗ Dự chú giải rằng: dư là số đông, đám đông. Tô Lâm chú giải Hán Thư rằng: dư là cây đòn xe, khiên kiệu xe đi, ý nói dư là xe kéo. Sách Thuyết Văn chữ viết từ bộ xa đến bộ dư. Thanh âm dư là âm dư.

稱稱 Xưng xưng: Ngược lại âm trên là xỉ chứng 齒證. Ngược lại âm dưới là xỉ chứng. Chữ trên là khứ thanh, chữ dưới là bình thanh. Quảng Nhã cho rằng: xưng là đo lường cân lường. Sách Thuyết Văn cho rằng: cân nhắc, tuyển chọn quan lại ngày xưa. Chữ viết từ bộ hòa 禾 thanh xưng. Kinh văn viết bình 秤 là văn thường hay dùng.

擲杖處 Trịch trượng xứ: Ngược lại âm trên là trình kích 呈戟. Quảng Nhã cho rằng: là cứu giúp. Sách Thuyết Văn cho rằng: là ném, chữ viết từ bộ thủ 手 thanh trịch 鄭.

覺寤 Giác ngộ: Ngược lại âm trên là giác 角, âm dưới là ngũ 五, cổ 故. Sách Bát Nhã cho rằng: giác là biết. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: ngộ cũng là giác. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ngũ mà vẫn biết nói ra gọi ra gọi là ngộ. Sách Thuyết Văn viết ngộ thanh tĩnh, thanh ngộ. Trong kinh văn viết từ bộ huyệt viết thành chữ ngộ là chẳng phải vậy.

KINH THIỆN TRỤ Ý THIÊN TỬ QUYỂN TRUNG

柱杖 Trụ trượng: Ngược lại âm trên là chu lâu 誅縷. Sách Thuyết Văn cho rằng: là cây cột chống đỡ. Chữ viết từ bộ mộc thanh chủ. Sách Khảo Thanh cho rằng: chữ chủ là lấy một điểm là m âm cùng với âm trên đồng.

跳故 Khiêu cố: Ngược lại âm thích diêu 逖遙. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Khiêu là cái chân bước không kịp. Thiên Thương Hiệt cho rằng: chân bước thông suốt. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ túc thanh thanh khiêu.

恥媿 Sĩ quý: Ngược lại âm quĩ vị 鬼位. Đỗ Dự chú giải sách Tả Truyện rằng: quĩ là hổ thẹn, xấu hổ. Sách Bát Nhã cho rằng: chữ quý cũng giống như chữ sĩ là hổ thẹn. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh quĩ. Kinh văn viết từ bộ tâm, viết thành chữ quĩ này cũng thông dụng, hoặc là viết chữ quý này cũng viết chữ quĩ này cũng thông dụng; hoặc là viết chữ quĩ này cũng viết chữ quý đều chẳng phải.

娛樂 Ngô lạc: Ngược lại âm trên là ngộ câu 遇俱. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ngộ cũng là lạc. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nữ thanh ngô. Ngược lại âm dưới là ngũ giáo.

戲樂 Hý lạc: Ngược lại âm trên là hý ký 希寄. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hý là là m trò hài hước. Quách Phác chú giải rằng: gọi là làm trò đùa cợt, tiếng nói riu rít. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ qua thanh hý. Trong kinh văn viết từ hý viết thành chữ hý này là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là lạc hy, là âm hy.

嫉妒 Tật đố: Ngược lại âm trên là tân tất. Ngược lại âm dưới là đồ cố. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: hại người liền gọi là tật, hại sắc gọi là đố. Sách Thuyết Văn ghi rằng: chữ viết từ bộ nữ thanh hộ, âm hộ. Có từ bộ thạch đến bộ hậu đều là chẳng phải vậy.

不缺戒 Bất thuyết giới: Ngược lại âm khuyển duyệt 犬悅. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: khuyết là hao tổn. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ phũu thanh quyết. Trong kinh văn viết từ bộ thùy 垂 viết thành chữ khuyết 缺 cũng thông dụng.

羸劣 Luy liệt: Ngược lại âm trên là lực truy 力追. Giã Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: luy là bệnh gầy yếu. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: ốm yếu suy nhược. Sách Thuyết Văn ghi rằng: là mỗi mệt. Chữ viết từ bộ dương thanh luy âm luy ngược lại âm lực quả.

遞互 Đệ hồ: Ngược lại âm trên là đề lễ 提禮. Trịnh Huyền chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: đệ là thay phiên nhau. Sách Khảo Thanh cho rằng: thay thế. Sách Thuyết Văn cho rằng: chuyển đổi. Chữ viết từ bộ xước thành đệ, âm xước, ngược lại âm sữu lược, âm đệ ngược lại âm thiên y. trong kinh văn viết chữ đệ này cũng là văn thông dụng thường hay dùng chẳng phải.

無秉作 Vô bình tác: Ngược lại âm bình vĩnh 兵永. Mao Thi Truyện cho rằng: bình là nắm giữ, cũng là coi giữ. Giã Quỳ chú giải sách Quốc

ngữ rằng: giữ lấy thi hành, cầm bắt Quảng Nhã cho rằng: cầm nắm, trợ giúp, coi sóc lo liệu. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hữu đến bộ hòa. Chữ hội ý tuy nắm giữ một bông lúa gọi là bình.

KINH THIỆN TRỤ Ý THIÊN TỬ QUYỂN HẠ

糞埽 Phân tảo: Âm trên là phân vấn 分問. Sách Tập Huấn cho rằng: tảo trừ, quét dọn sạch sẽ, vật dơ uế dưới đất gọi phân. Sách Thuyết Văn ghi rằng: trừ bỏ. Chữ viết từ bộ cũng, nghĩa là hai tay đẩy ra dọn dẹp phân dơ gọi là phân. Hứa Thúc Trọng cho rằng: giống như hạt gạo mà chẳng phải hạt gạo vẫn cổ viết chữ thỉ. Hai chữ thập, âm tảo, âm thôi, ngược lại âm thổ lôi, âm khí ngược lại âm bán mạn, hoặc viết từ bộ thổ đến bộ khí viết chữ khí này là chữ cổ. Cũng viết chữ hoặc là viết phân. Kinh văn viết từ bộ dị, hoặc là viết từ bộ hắc viết thành chữ phân đều là chẳng phải. Ngược lại âm dưới là tảng đáo. Quảng Nhã cho rằng: tảo là quét dọn trừ bỏ. Chữ viết từ bộ thổ trừu thanh tĩnh, hoặc là viết từ bộ thủ viết thành chữ tảo cũng là chữ thượng thanh, âm trừu, ngược lại âm chu tửu.

抖擻 Đẩu tẩu: Ngược lại âm trên là đắc cửu 得. Âm dưới là tảng hậu 桑厚. Sách Khảo Thanh cho rằng: đẩu tẩu là người hăng hái phần chấn. Sách Thuyết Văn cho rằng: hất tung lên, rũ bụi trên chiếc áo. Chữ viết từ bộ thủ thanh đẩu. Âm Phạn gọi là đố-ba, hoặc gọi là đầu-đà. Đường Huyền Trang cho rằng: đẩu-tẩu là Sa môn Thích Tử hành hạnh viễn ly, ít muốn biết đủ, không tham, không chấp trước, không vướng mắc nơi thân thông trang sức, hành hạnh khổ kinh văn viết giản là chọn lựa là chẳng phải, chữ viết từ bộ thủ, chữ hình thanh.

檬钝 Mong độn: Ngược lại âm trên là mong khổng. Sách Khảo Thanh cho rằng: mong cũng như là người không có trí huệ, chữ viết từ bộ tâm thanh mong. Chữ mong từ bộ bội, đến bộ thỉ. Kinh văn viết mong hoặc là viết mong đều là văn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là đồ đốn. Như Thuần chú giải sách Sử Ký rằng: chữ thuần cũng giống như chữ ngoan. Độn là người không có sắc bén không có tư chất thông minh. Thiên Thương Hiệt cho rằng: độn tức là ngu si. Theo Thanh Loại cho rằng: độn là không có nhạy bén. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh độn, âm động ngược lại âm đồ hồn.

刀塊 Đao khối : Ngược lại âm khôì ngoại. Sách Khảo Thanh cho rằng: đồng đất, hoặc là viết khối này là chữ cổ, âm cũng đồng đất cao, âm bức là âm bị bức.

KINH THÁI TỬ LOÁT HỘ

Huyền Ứng soạn.

刷護 Loát hộ: Ngược lại âm huyền bát. Sách không thể cho rằng: loát ? là cao. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: loát là chà sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ đao loát thanh tĩnh. Âm loát đồng với âm trên, âm thuyên ngược lại âm loát quan.

羅閱 La duyệt: Ngược lại âm duyên tuyền.

頰頰 Hải giáp: Ngược lại âm dưới là kiêm diệp. Cố Dã Vương cho rằng: bên mặt dưới mắt trước lỗ tai tức là gò má. Sách Thuyết Văn viết từ bộ giáp thanh hiệt.

蟻飛 Nghị phi: Ngược lại âm trên là nghi ỷ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: lớn thì gọi là con phù du, nhỏ gọi là con kiến. Loại kiến này chẳng phải là một lại có nhiều tên gọi khác nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ trùng, thanh nghị, hoặc là viết khải này.

輦動 Nhuyễn động: Uyên duẩn : Kinh Sơn Hải cho rằng: ở trên núi nơi chỗ ẩm ướt loại côn trùng màu đỏ ở trên cây gọi tên là nhuyễn. Sách Trang Tử nói rằng: nhuyễn là loài côn trùng bò lúc nhúc. Sách Thuyết Văn cũng đồng với sách Trang Tử, chữ viết từ bộ trùng, thanh nhuyễn.

囉駝 La-đà: Ngược lại âm thang lạc. Âm dưới là đạ-hà. Tên là hồ súc. Nay gọi là lạc đà vậy. Kinh Sơn Hải nói rằng: hiệu là sơn đa lạc đà. Cố Dã Vương cho rằng: cái túi thịt của con lạc đà có thể cõng nặng mà đi rất xa. Quách Phác chú giải rằng: đi ba trăm dặm có thể biết chỗ có nước suối. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: ở đất Hồ có nuôi rất nhiều con lạc đà. Chữ viết đều từ bộ mã. Thác đà đều là thanh, chữ thác từ chữ thác nay tĩnh lược âm thác, ngược lại âm hồn khốn, âm thác là âm thác.

KINH THÁI TỬ HÒA HỮU*Huệ Lâm soạn.*

𦉰蓋 Tản cái: âm đình tăng. Cố Dã Vương giải thích rằng: tản tức là câu. Sách Hán Thư cho rằng: khi trời mưa lớn, cầm vươn ra mà che. Tản cái tức là cây dù che mưa. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mạch thanh tán. Ngược lại âm dưới là cai hại, sách Thuyết Văn cho rằng khổ chữ viết bộ thảo, thanh hạp, âm hạp là âm hợp. Chữ viết từ bộ đại đến bộ huyết. Kinh văn viết từ bộ dương viết thành chữ cái là văn thường hay dùng.

蝸飛 Quyên phi: âm trên là huyết duyên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: con bọ gậy, là loài ấu trùng bò lúc nhúc. Cũng là loài ấu trùng của giống bướm, ngài. Sách Thuyết Văn viết từ bộ trùng thanh quyên âm quyên, ngược lại âm nhất quyên.

諷誦 Phúng tụng: âm trên là phu phong. Âm dưới là từ dụng. Quyển trước trong kinh Bảo Tích đã giải thích đầy đủ rồi.

囉嚧 La lô: âm trên là lực qua. Ngược lại âm dưới là lực tru. Sách Thuyết Văn cho rằng: là tức là con lừa đực, con ngựa cái sinh ra. Lại gọi là giống như con ngựa mà tai nó dài hơn, hai chữ đều từ bộ mã đều là thanh luy lô.

**KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC
QUYỂN THƯỢNG***Huệ Lâm soạn.*

醒悟 Tỉnh ngộ: âm tinh đình. Sách Khảo Thanh cho rằng: hết say. Cố Dã Vương cho rằng: trừ bỏ cái say. Sách Quốc ngữ cho rằng: tỉnh mà vui mừng. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ đậu, thanh tỉnh. Ngược lại âm dưới là ngữ cố.

轟鬱 Oanh Uất: âm trên là hô manh. Sách Sử Ký cho rằng: tiếng nổ đoàn đoàn, âm âm, oanh oanh như ở số đông trong ba quân. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: tiếng nổ đoàn đoàn của đạn bắn ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng la hét của đám quân xa. Chữ viết từ ba bộ xa cũng viết oanh oanh hoành, ba chữ tượng thanh. Ngược lại âm dưới huy húc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng chữ uất cũng giống như chữ Hỷ. Quách Phác chú giải sách Phương Ngôn rằng: Đại tráng sĩ sức mạnh phi

thường. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây ở trong rừng mọc um tùm, chữ viết từ bộ lâm uất, thanh tĩnh.

鸛褥 Chiên nhục: âm chi nhiên. Ngược lại âm dưới là như chúc. Nghĩa là loại mền bằng lông len.

繪其 Tăng kỳ: âm trên là tình dang. Ngược lại âm dưới khứ ỷ. Bốn chữ trên đây vẫn trước đã giải thích rồi.

椅枕 Ý chẩm: âm trên là y hỷ. Ngược lại âm dưới là chương nhậm. Gọi là tư lự có màu sắc dùng là m cái gối chuyển mền, vật dùng là m cho người quý phái dựa hai bên phải và trái là cái gối dựa.

惟莫 Duy Mạc: Âm trên là vi, âm dưới là mạc, hai chữ đều từ bộ cân.

環欄 Hoán lan: âm trên là hoan quán. Ngược lại âm dưới là lạc thả. Hoán lan cũng giống như ánh sáng ngọn lửa rực rỡ chói lọi.

Anh sức: âm trên là y doanh. Sách Thuyết Văn viết anh này tức là người phụ nữ hiển lộ vật trang sức cho đẹp. Chữ viết từ hai bộ bối. Kinh văn viết từ bộ y viết thành chữ anh. Sách Tự Thư cho rằng không vò chữ này, chẳng phải chữ. Ngược lại âm dưới là thặng chúc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: sức đó là biểu lộ tình cảm. Sách Thuyết viết sức từ bộ cân thanh thức. Một gọi là tượng trưng cho trang nhã, đẹp của người phụ nữ. Kinh văn viết từ bộ thị viết thành chữ sức là chẳng phải. Âm loát, ngược lại âm sương quát, âm tượng là âm tượng.

衿襪 Huyền lệ : Âm trên là huyền quyên. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: huyền là cái áo màu đen. Sách Khảo Thanh cho rằng: huyền đẹp. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: cái áo dài để mặc cho xác chết gọi là huyền. Cái áo sợi dây buộc lại, chữ viết từ bộ y thanh huyền.

嫺婉 Nhàn uyển: Ngược lại âm uy viễn. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: uyển là theo. Chữ uyển cũng giống như là hâm mộ. Sách Thuyết Văn cho rằng: hòa thuận, nhịn nhường. Chữ viết từ bộ nữ thanh uyển.

間璣 Gian điền: Âm điền, hoặc là khứ thanh cũng thông dụng. Sách Giai Uyển Chu Tông cho rằng: đồ trang sức của phụ nữ hình hoa bằng kim loại, trên có khảm vàng. Sách Văn Tự Tập Lược cho rằng: đồ trang sức mạ vàng của phụ nữ để đội trên đầu. Sách Khảo Thanh cho rằng: lấy cái vòng báu để trang sức, chữ hình thanh.

飄颻 Diêu dương: Âm trên là diêu. Sách Khảo Thanh cho rằng: gió là m rung động vật, gió cuốn bay đi, vật lay động. Ngược lại âm dưới là dương. Sách Tập Huấn cho rằng: cũng là gió trốc lên, tung lên,

bay lên đều là chữ hình thanh. Âm phong là âm phù.

峒舶 Đông bạc: Ngược lại âm bàn mạt. Sách chữ cổ là không có chữ bạc này. Thời gần đây mới có xuất hiện. Thống Tự cho rằng: tên của loại nhạc cụ, giống như là cái bình có miệng nhỏ, đối với nhau mà đánh gõ. Sách Khảo Thanh cho rằng: giống như là cái điệp tử chồng chất lên nhiều miếng, trên lưng có mũi, lấy hai cái miệng mà đánh gõ ra tiếng, là sự hòa chúng đây mà là m nhạc vui. Chữ hình thanh, âm bạc đồng với âm trên.

躡囂 Thoan hiêu: Ngược lại âm trên là hương biểu. Trong kinh Đại Bát Nhã âm nghĩa quyển trước đã giải thích đầy đủ rồi. Cũng viết là huyền. Trong kinh vẫn viết từ bộ khẩu viết thành chữ huyền này là vẫn thường hay dùng. Ngược lại âm dưới là hương yêu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: hiêu là gậy ồn ào. Tiếng ồn chỗ đông người. Quảng Nhã cho rằng: hiêu hiêu là hình dung từ. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiếng phát ra từ loại nhạc cụ. Chữ viết từ bộ hiệt thanh khí âm khí là âm trang lập, vẫn cổ viết từ hai bộ khẩu, viết thành chữ hiêu.

鮮葩 Tiên ba: Ngược lại âm bạch ba. Sách Thuyết Văn cho rằng: ba là loại hoa của cây cỏ, hoặc viết là ba. Sách Hán Thư viết chữ ba này là tinh lược. Chữ hình thanh.

昭磧 Chiêu tích: Ngược lại âm chiến nhiệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: ánh sáng mặt trời làm sáng tỏ. Cũng viết chữ tích. Sách Thuyết Văn giải thích: sáng rõ ràng, nổi oan ức được là m rõ ràng, sáng tỏ. Chữ viết từ bộ nhựt thanh tích.

峻嶽 Tuấn trĩ: Ngược lại âm trên là điều tuấn. Khảo Thanh cho rằng: ở trên núi cao gọi là tuấn, viết đúng là chữ tuấn này, hoặc viết từ bộ nhơn. Ngược lại âm dưới là trĩ lý. Sách Khảo Thanh cho rằng: núi đứng riêng cao sừng sững. Sách Ngọc Thiên cho rằng: dừng chân lại núi phía trước, âm trừ là âm trừ.

樓櫓 Lô lô: Âm trên là lâu, âm dưới là lỗ. Theo chữ lâu đó vách tường thành trên cao gọi chiến lâu, là để ngăn chặn giặc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Lô đó là cây thuẫn lớn, nay gọi là chiến cách vậy, chữ hình thanh.

寶輅 Bảo lộ: âm lô cổ. Sách Sử Ký cho rằng: lộ là chiếc xe có người kéo. Sách Tự Thư cho rằng: có người đẩy. Sách Thuyết Văn cho rằng: là chiếc xe có cái linh ở phía trước có cây đòn khiên. Lộ cũng là loại xe quý báu. Âm thôi ngược lại âm sĩ lô.

剖淞 Phẫu tích: âm trên là phổ hệu. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: phẫu là mổ phá ra. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện

rằng: phân ở trong ra, phanh ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ đao thanh phẩu, âm phẩu, ngược lại âm khẩu luân. Ngược lại âm dưới là tinh diệc. Khổng Anh Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: tích cũng là phân ra. Sách Thuyết Văn cho rằng dùng cây đập phá ra, chữ hội ý hoặc là viết chữ tích này vẫn thông dụng thường hay dùng.

屣履 Tỹ Lý: Ngược lại âm trên là sư tử, âm dưới là lý. Văn trước
đã giải thích đầy đủ rồi.

視瞬 Thị thuận: Âm thuận.

竅穴 Khiếu huyết: Ngược lại âm khinh điệu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ ký rằng: khiếu là cái lỗ. Trịnh Tiển chú giải sách Chu Lễ rằng: Dương Khiếu có bảy, âm khiếu có hai. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ huyết, thanh âm khiếu là âm khiêu.

肩膊 Kiên bác: Ngược lại âm bổ mạc. Trịnh Huyền chú giải sách Nghi Lễ rằng: bộ xương, âm cách là âm cách tức là bộ xương đùi, cũng là xương cánh tay. Sách Thuyết Văn ghi rằng: ở giữa giáp xương vai. Chữ viết từ bộ cốt đến bộ bác, thanh tĩnh.

譔譔 Đàm hước: Ngược lại âm dưới là hư ngược. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đàm là nói chuyện tiếu vui cười pha trò hài hước. Quách Phác chú giải rằng: cùng nhau là m trò hài, khéo nói hài mà không có ác ý. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh hước.

饕餮 Sáp thuận : Ngược lại âm sở giáp. Ngược lại âm tợ sung. Cố Dã Vương cho rằng: mổ chim đang mổ thức ăn. Sách Sử ký cho rằng: mọt nhọt hút mủ ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: từ bộ khẩu thanh duẩn. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: sáp thuận hai chữ đều từ bộ khẩu thanh sáp duẩn.

作繭 Tác kiến: Ngược lại âm kiên hiển. Sách Khảo Thanh cho rằng: là cái kén của con tằm. Sách Lễ ký cho rằng: ở đời người phụ nữ bình thường nuôi tằm kéo kén dệt lụa nuôi chồng. Sách Thuyết Văn cho rằng: kéo tơ tằm dệt áo, chữ viết từ bộ mịch đến bộ trùng đến bộ miên âm miên là âm miên.

纏菓 Triền quả: Ngược lại âm qua khuyển. Cố Dã Vương cho rằng: chữ quả cũng giống như chữ bao. Sách Thuyết Văn cho rằng: gói lại quấn chặt, cột chặt chữ viết từ bộ y thanh quả.

或甜 Hoặc điềm: Ngược lại là âm thiểm điệm. Sách Gia Ngữ nói rằng: mổ ra mà ăn chất ngọc ngà như là mật ong. Quảng Nhã cho rằng: điềm là ngọt. Sách Thuyết Văn nói rằng: là ngon. Chữ viết từ bộ thiệt, thanh cam.

KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC QUYỂN HẠ

刪液 San dịch : Ngược lại âm trên là tô quán. Quảng Nhã, Thương Hiệt cho rằng: chất mỡ. Sách Tự Lâm cho rằng: cũng là mỡ. Xưa nay Chánh Tự viết từ bộ nhục san thanh tĩn.

堅唼 Kiên cánh: Ngược lại âm ngạch cánh. Sách Khảo Thanh cho rằng: kiên là bền chắc. Sách Giai Uyển Chu Tòng cho rằng: cánh là kiên cố lâu bền. Xưa nay Chánh Tự cho rằng chữ viết từ bộ cách thanh cánh.

及槭 Cập nhị: Ngược lại âm ni trí. Vương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nhị là có nhiều chất béo. Sách Thuyết Văn cho rằng là chất mỡ. Chữ viết từ bộ nhục, thanh nhị.

植之 Thực chi: Ngược lại là âm thừa chức. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: thực là đặt bày, sắp xếp. Sách Phương Ngôn cho rằng: trồng cây, dựng đứng thẳng. Lại sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ mộc thanh trực.

蚊蝻 Văn nhuế: Ngược lại âm trên là vật phân. Ngược lại âm dưới nhu nhuệ. Cổ Dã Vương cho rằng: là loài ấu trùng nói hay vào ở trong rượu. Sách Thuyết Văn cho rằng: nước Tần gọi là nhuế tức là con bọ mắc, muỗi kim. Lại nói rằng nó bay tới cắn chích người rồi bay đi. chữ viết từ bộ trùng văn. nhuế, đều là thanh nhuế đồng với âm trên.

捲擻 Quyển súc: Ngược lại âm trên là cự viên. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: quyển là sức cuộn cuốn tròn vật lại. Theo Hàn Thi Ngoại Truyện cho rằng: rút thanh kiếm lại, co rút lại. Sách Thuyết Văn viết từ bộ thủ thanh quyển. Ngược lại âm dưới là sở lục. Sách Thuyết Văn viết từ bộ mịch thanh súc.

寶璫 Bảo đàng: Ngược lại âm huân lang. Giải thích tên gọi là cái vòng châu ngọc đeo nơi tai gọi là đàng. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngọc thanh đàng.

炫煥 Huyễn hoán: Ngược lại âm trên là huyền quyên. Quảng Nhã cho rằng: huyền là sáng. Bi Thương cho rằng: ánh sáng chiếu. Sách Thuyết Văn cho rằng: huyền cũng giống như chữ hoán, nghĩa sáng rực rỡ, chữ viết từ bộ hỏa thanh huyền.

熔恫 Dung đồng: Ngược lại âm đồ dung. Sách Hán Thư cho rằng: khuôn đúc kim loại, giống như lò luyện kim là m cho nóng chảy ra, có chỗ cũng gọi là chú. Âm nghĩa gọi là đúc tiền. Sách Thuyết Văn viết từ bộ kim thanh dung.

掬中 Cúc trung: Ngược lại âm cung lục. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: trong tay bưng đầy đủ gọi là cúc. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: cúc là bưng trong tay. Sách Thuyết Văn cho rằng chữ viết từ bộ mễ thanh bao, âm bao là âm bao. Tự Thư cho rằng: chữ viết đúng là chữ cúc này. Kinh văn viết từ bộ thủ viết thành chữ cúc này cũng là văn thường hay dùng.

爆裂 bộc liệt: Ngược lại âm trên là bao nhi. Quảng Nhã cho rằng: chữ bộc cũng giống như chữ nhiệt. Sách Khảo Thanh cho rằng: thiêu đốt củi tre phát ra tiếng nổ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ hỏa thanh bộc. Ngược lại âm dưới là liên triết. Quảng Nhã cho rằng: liệt phân ra mức ra. Cố Dã Vương cho rằng: liệt cũng giống như chữ tích, nghĩa là phá ra. Sách Thuyết Văn viết từ bộ y thanh liệt, hoặc là viết chữ liệt. Kinh văn viết từ bộ lực viết thành chữ liệt là chữ lệ chữ lệ cũng giống như chữ cường, chữ này chẳng phải nghĩa của kinh.

斬截 Trảm tiết: Ngược lại âm tiền sức. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: là cắt, xén gọt bớt cho bằng đều nhau. Sách Thuyết Văn cho rằng: tiết là đoạn ra, chữ viết từ bộ qua thanh tước. Trong kinh văn viết từ bộ thổ, viết thành chữ tiết này là văn thường hay dùng.

齧脣 Khiết thân : Ngược lại âm nghiên kiết. Sách Lễ Ký cho rằng: không có xương để cắn. Sách Thuyết Văn ghi rằng: khiết là cắn. Chữ viết từ bộ xỉ thanh kiếp. Âm kiếp, ngược lại là âm khan kiết.

縑索 Quyển tác: Ngược lại âm quyên sung. Theo Thanh Loại cho rằng: quyển là giăng lưới bắt. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: giăng lưới bắt thỏ. Chữ viết từ thanh võng, hoặc là viết từ bộ mịch viết thành chữ quyển âm quyển, ngược lại âm nhuế duyên, cũng viết từ bộ khẩu.

貯而 Trữ nhi : Ngược lại là âm tru lữ. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: trữ là cái kho cất chứa đồ vật. Cố Dã Vương cho rằng: trữ là chỗ chứa rất nhiều đồ vật, đầy đủ. Sách Thuyết Văn cho rằng: trữ là cất chứa. Chữ viết từ bộ bối thanh trữ, âm là âm chữ.

韋廬 Vi lô : Ngược lại âm vi quỹ. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: cây lau gọi vi. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây lau lớn, chữ viết từ bộ thảo, thanh vĩ. Ngược lại âm dưới là lữ tru. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: lô là cái nhà. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nghiễm thanh lô.

KINH HUỆ THƯỢNG BỒ-TÁT VẤN ĐẠI THIỆN HUYỀN
Huyền Ứng soạn.
QUYỂN THƯỢNG

振于 Chấn vu: cổ văn viết hai chữ chấn tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm chữ dẫn. Sách Tiểu Nhĩ Thất ghi rằng: chấn là cứu giúp. Sách Thuyết Văn cho rằng: chấn là nâng lên, đưa lên, cũng gọi là đi lên, chữ viết từ bộ thủ.

蟾及 Thiềm cập: Theo Thanh Loại cho rằng hoặc là viết chữ thiềm này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm thời diệm. Theo Thanh Loại cho rằng: thiềm là trợ giúp. Sách Tự Thư cho rằng: thiềm là đầy đủ, gọi là chung quanh đều đầy đủ.

過關 Quá khuyết: Tam Thương cho rằng: cổ văn viết chữ khuyết này cũng đồng nghĩa ngược lại âm khổ huyệt. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Tất cả mọi việc đều xong xuôi kết thúc gọi là khuyết. Khuyết cũng gọi là dừng lại nghỉ ngơi. Kết cuộc sau dung.

雨濟 Vũ tế: âm tử nghệ. Văn thông dụng cho rằng: mưa đã tạnh, đã dứt gọi là tế. Nay người ở Nam dương gọi mưa dừng là tích.

殫盡 Đàn tận: âm đa an. Sách Thượng Thư cho rằng: cố hết sức lực. Văn Tổ chú giải rằng: đàn tận là hết sạch. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ ngạt, âm ngạt ngược lại âm ngũ cát.

Lụy tiết: âm lực truy. Ngược lại âm dưới là tức diệt. Lụy đó nghĩa là phiền lụy. Tiết nghĩa là câu thúc tội nhân lại, là lấy dây trói lại.

摧拉 Tồi lạp : hoặc là viết tồi cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm lực đáp. Quảng Nhã cho rằng: tồi là bỏ ra, phá ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: lạp là bại, thất bại, bẻ gãy.

蔭庇 Âm tí: Lại viết ngược, cũng đồng. Ngược lại âm ư cấm. Ngược lại âm dưới là tất lợi. Chữ âm nghĩa là che đậy cỏ. Tí là tự che đậy thêm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tự che đậy.

堪偕 Kham giai: Ngược lại âm cổ hài. Mao Thi Truyện cho rằng: cùng sống với con cho đến già. Mao Thi Truyện cũng cho rằng: đều cùng, sức mạnh đều nhau.

迄今 Hất kim: Ngược lại âm hư khất. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: hất là đến.

Tứ định: Âm định. Lại cũng là âm điện. Theo sách Thanh Loại cho rằng: là loại nổi đồng có chân gọi là đình không có chân gọi là đấng.

KINH HUỆ THƯỢNG BỒ-TÁT VẤN ĐẠI THIÊN HUYỀN QUYỂN HẠ

半粒 Bán lập: Âm lập. Văn thông dụng cho rằng: là loại ngũ cốc gọi là lập, đậu gọi là tạo, âm tạo. Ngược lại âm bức cấp, kinh văn viết tạo này là chẳng phải vậy.

KINH ĐẠI THỪA PHƯƠNG ĐẰNG CHIẾU HUỆ

Huệ Lâm soạn.

逮教 Đãi giáo: Ngược lại âm đường nại. Sách Khảo Thanh cho rằng: kịp đến trước. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: theo thói quen đến chỗ giàu sang mà hôi. Sách Thuyết Văn viết từ bộ xước, âm xước ngược lại âm sữu lược. Thanh đãi, âm đãi, ngược lại âm đại nội.

偷於 Du ư: Ngược lại âm dương chu. Theo Mao Thi Truyện cho rằng: du là vượt qua Quảng Nhã cho rằng: du là vượt qua sông lớn. Sách Thuyết Văn cũng cho rằng: vượt qua. Chữ viết từ bộ túc thanh du.

善權 Thiện quyền: Ngược lại âm viễn viên. Giã Quy chú giải sách Quốc ngữ rằng: nắm quyền bính trong tay, cũng gọi là bằng. Xưa nay Chánh Tự cho rằng: quyền là quả cân, chữ viết từ bộ thủ thanh quyền, âm quyền là âm hoàn.

KINH DI-LẶC BỒ-TÁT SỞ VẤN BỐN NGUYỆT

Huệ Lâm soạn.

牛齒 Ngưu xỉ : Ngược lại âm thủy chi. Sách Nhĩ Thất cho rằng: xỉ ngưu là nhai. Sách Thuyết Văn cho rằng: nhổ ra mà nhai lại. Chữ viết từ bộ xỉ thanh đài.

如嚙 Như hạc: Ngược lại âm hàn khác là loại mãnh điểu. Kinh Sơn Hải cho rằng: ở trên núi Thuy chư có rất nhiều chim hạc. Quách Phác chú giải rằng: giống như chim trĩ mà lớn hơn, lông màu xanh đều có lông sừng cứng. Tính thích đá nhau cho đến chết mới dừng, trên có lông đen. Sách Hán Thư cho rằng: âm nghĩa gọi là chim hạc. Có thể lấy lông đuôi của nó là m mũ đội cho các võ sĩ là m tượng trưng cho sức

mạnh. Sách Thuyết Văn viết từ bộ điều thanh hạc.

Tủy não: Ngược lại âm trên là tuy chủy. Sách Khảo Thanh cho rằng: chất mỡ trong xương. Xưa nay Chánh Tự hoặc là viết từ bộ cốt đến bộ tùy, thanh tĩnh.

Qua phốc: Ngược lại âm trên là trúc qua. Ngược lại âm dưới là khổ bốc. Quảng Nhã cho rằng: phốc là đánh. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thủ thanh phốc, âm phốc là âm bốc.

KINH PHẬT DI NHẬT MA NI BẢO

Huyền Ứng soạn.

傲覬 Kiêu ký: Lại viết chữ kiêu này. Sách Thuyết Văn lại viết chữ kiêu này đều đồng. Ngược lại là âm cổ nhiều. Nghĩa là nhiều là hy vọng khác đi, hy vọng hoàn tất, xong việc.

天晴 Thiên tình: Lại viết chữ tình sinh, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tậ doanh. Nghĩa là trời mưa đã tạnh. Trong kinh văn viết là chẳng phải thể chữ.

蟲虫 Đố trùng: Ngược lại âm đing cố. Sách Thuyết Văn cho rằng: con mọt trong gỗ đục khoét khúc gỗ, giống như con mọt trắng nó ăn xuyên qua các đồ vật của người phá cho hư hoại.

譚名 Hoa danh: Ngược lại âm hồ qua. Gọi là nói âm ỷ, lời nói huyền não, nói la hét là m ồn, âm nao, ngược lại âm nả giao.

遊 Du thi: Ngược lại là âm dĩ chu. Không lựa chọn phải quấy mà nói gọi là du. Ngược lại âm dưới là đại khả. Sách Toán Văn cho rằng: người ở Sung châu lấy sự lừa dối, dương dương tự đắc gọi là tha. Âm tha là âm thang hòa, cũng là trốn tránh.

Tích dịch: Ngược lại âm thất diệc. Trốn tránh nơi hẻo lánh. Cũng gọi là lạ hiếm thấy, quái lạ.

KINH MA DIỄN BẢO NGHIÊM

Huệ Lâm soạn.

調疑 Điều nghi: Ngược lại âm tinh hý. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nghi là khinh khi. Quảng Nhã cho rằng: điều nghi. Cố Dĩ Vương

cho rằng: là tiếng nói riu rít, lú lo. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh nghi, âm trừ là âm trắc giao.

絞人 Giảo nhưn: Ngược lại âm giao xảo. Sách Khảo Thanh cho

rằng: buộc cuộn tròn lại. Sách Sử Ký ghi rằng: lấy vải buộc mũ, dây tua mũ, sợi tơ để buộc xử giảo người. Sách Thuyết Văn cho rằng: sợi dây ngũ sắc, chữ viết từ bộ mạch thanh giao.

剌除 Thích trừ: Ngược lại âm đình lịch. Theo Thanh Loại cho rằng: thích là vất bỏ, cởi ra. Lại gọi là cạo tóc cạo bỏ râu tóc. Theo văn Tự Điển nói chữ viết từ bộ đao thanh dịch.

誼計 Nghị kế: Ngược lại âm nghi kỷ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: nghị là chế ra các việc thích nghi. Sách Ích Pháp cho rằng: điều con người không có mau chóng gọi là nghị. Sách Thuyết Văn viết từ bộ ngôn thanh nghi, hoặc là viết chữ nghi này, ý nghĩa cũng thông dụng.

KINH THẮNG MAN SƯ TỬ HỔNG NHẤT THỪA ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHƯƠNG QUẢNG

Huyền Ứng soạn.

尔炎 Nhĩ viêm: Chánh Tự viết là diêm. Ngược lại âm dĩ thiêm. Tiếng Phạn, đây dịch là sở tri, chỗ biết.

莫利 Mạc lợi: Ngược lại âm mạc bát. Theo sách Tây vực ghi.

Đây

dịch là nhân như thế nào, mà được quả báo như thế ấy.

阿歛阇 A-du-xà: Ngược lại âm qua chu. Đây dịch là không

thể

đánh nước kia.

KINH TỖ-DA-SA VẤN QUYỂN THƯỢNG

Huyền Ứng soạn.

訓狐 Huấn ha: Người ở Quảng tây gọi là huấn hầu. Ở Sơn đông gọi là huấn cô tức là con chim tu hú, cũng gọi là chim câu khách, ban ngày núp trong bụi rậm, ban đêm thì đi ăn, cho rằng giống chim quái lạ. Kinh văn viết tận hồ là chẳng thể vậy.

訃蠅 Can dâng: Ngược lại âm cổ hản. Ngược lại âm dưới là dữ chứng. Văn thông dụng cho rằng: trên mặt có nổi nốt đen gọi là can dâng, là điểm đen, Quảng Nhã cho rằng: mặt đen. Kinh văn viết can dâng này là chẳng phải.

KINH TỠ-DA-SA VẤN
QUYỂN HẠ

兇鷹 Hung ưng: Lại viết chữ ưng này cũng đồng. Ngược lại âm ư ngưng. Sách Thuyết Văn cho rằng là ngược, gọi xương phần trên của vú.

Ủy điều: Ngược lại âm ư nguy. Ngược lại âm dưới là ư ngôn. Loại dây leo có gai. Sách Thuyết Văn cho rằng: cây thuốc lá, mọc chằng chịt um tùm. Quảng Nhã cho rằng: rất tươi tốt.

耳矐 Nhĩ cự : Loại vòng ngọc đeo tai. Kinh văn viết hoàn, là tên của loại ngọc.

織長 Tiêm trưởng: Ngược lại âm tưởng liêm, nói tiêm tức là nhỏ bé mịn, rất nhỏ li ti gọi là tiêm. Kinh văn viết chữ tiêm. Ngược lại sở hàm tức liêm, hai âm. Sách Thuyết Văn cho rằng: tay cầm nắm giữ lấy, cầm một tay gọi là bả. Kinh văn viết chữ phì chữ này chẳng phải nghĩa đây dùng, cận tự vậy.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

(Ở đây chỉ có 29 quyển)

降注 Giáng chú: Ngược lại âm chi dụ. Sách Thuyết Văn cho rằng: chú là tươi, đất có nước mặn, có muối. Trong kinh văn viết từ bộ vũ viết thành chữ chú này là chẳng phải.

齷人 Yếm nhờn: Ngược lại âm ư nhiễm. Tên của loài quỉ. Tiếng Phạn gọi là ô tô mạn. Đây dịch là chữ yếm là uyển, cũng gọi là yếm miên, nghĩa là bên trong không may mắn tốt đẹp. Thiên Thương Hiệt cho rằng: tay đè ấn tâm của người hợp gọi là yếm. Chữ viết từ bộ

Hán âm Hán, ngược lại âm hồ cán. Thanh âm của người Sơn đông là ư diệp.

- Quyển 2, 3, trước không có âm.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẰNG ĐẠI TẬP QUYỂN 4

迦陵殢伽 Ca-lăng-tần-già: Trong kinh hoặc là viết Ca-lăng-tần-già; hoặc gọi là da-lan-già, hoặc gọi là yết-la-tần-ca, hoặc nói là tỳ-già. Đều là Phạn âm, chuyển đọc sai. Chữ ca-lăng đó là tốt, chữ tùy đó gọi là âm thanh hay, là con chim hót rất hay.

命命 Mạng mạng: Tiếng Phạn nói đó ba điều. Đây dịch là con chim mạng mạng.

Lương hữu: Ngược lại âm lực trưởng, gọi là lương tức thiện, mà lương cũng gọi là hiền. Ngược lại âm dưới là cổ văn viết là hữu hữu hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm vu cứu. Tâm Tự cho rằng hữu là trợ giúp.

Da-già-la-lương: Đây dịch là căn bản, cội gốc mùi hương, gọi là ma la bạt hương. Đây dịch cửu diệp hương, nhũu để hoa để. Ngược lại âm trực thi, đây dịch là hoa tương ứng.

- Quyển 5, trước không có âm.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẰNG ĐẠI TẬP QUYỂN 6

七卓 Thất trác: Ngược lại âm tri giác. Gọi là trác việt: là siêu việt, lỗi lạc, cao siêu. Giải thích tên gọi là nhắc cao lên tức là chân nhắc cao lên có chỗ cao siêu, lỗi lạc vậy.

庭燎 Đình liệu: Ngược lại âm đao điệu. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: liệu là cây nêu ở trước cửa, cũng gọi là cây đuốc, ở bên trong cổng gọi đình là sân. Cây nêu chỗ chiếu sáng, giống như là sáng rõ ràng. Trong kinh văn viết định liệu, hai chữ tượng hình, lại viết định đều chẳng phải vậy.

摩洩 Ma-di: Gọi đúng là ma-đát-ly-ca. Đây gọi là bốn mẫu, là giác bốn, cho nên lấy tên vậy thôi.

- Quyển 7, trước không có âm

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP
QUYỂN 8

不肖 Bất tiêu: Ngược lại âm tiên diệu. Sách tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: bất tiêu là không giống, gọi là không giống như trước gọi là bất tiêu, gọi là loại quá ác. Sách Thuyết Văn viết từ bộ nhục thanh tiểu.

Vỹ hoa: Ngược lại âm tử quỷ. Âm dưới là vi liệt. Sách Thuyết Văn cho rằng: vỹ là ánh sáng đỏ rực. Sách Phương Ngôn cho rằng: rất khô ráo. Kinh văn viết chữ vỹ hoa là chẳng phải thể chữ vậy. (T413).

耐磨 Nại-ma: Ngược lại âm nô đại, gọi là có thể kham nhận chịu. Cố Dã Vương cho rằng: nại giống như có thể. Thiên Thương Hiệt cho rằng: nại là nhẫn nhịn.

穿押 Xuyên áp: Ngược lại âm cổ giáp. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: áp là bổ thêm vào. Gọi là áp là đè xuống câu thúc, ép. Trong kinh viết giáp này là chẳng phải.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP
QUYỂN 9

援助 Viện trợ: Ngược lại âm vu quyển. Gọi là dựa vào sự cứu giúp. Nên nói là viện trợ nâng đỡ lên cứu giúp người thiếu thốn, khổ gập lúc khổ ngặt.

窯師 Diêu sư: Ngược lại âm dư chiêu. Sách Thuyết Văn cho rằng: diêu là lò gốm, nung đốt gạch ngói. Văn thông dụng cho rằng: lò gốm gọi là diêu.

- Quyển 10 không có âm giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP
QUYỂN 11

村同 Thôn đồng: Ngược lại âm đồ côn. Tự Thư cho rằng: chữ đồng cũng giống như chữ thốn. Quảng Nhã cho rằng: đồng là nơi tụ tập đông đảo. Ngược lại âm tường câu.

Ma-nạp: Hoặc gọi là ma-nạp-bà, hoặc gọi là ma-na-bà, hoặc gọi

là na-la-ma-na, đều là tiếng Phạn, chuyển đọc sai vậy. Đây dịch là Mâu thiếu tịnh hạnh, cũng gọi là người vậy.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẰNG ĐẠI TẬP QUYỂN 12

輻辘 Truy trừu : Ngược lại âm trực truy. Trong kinh hoặc là viết truy trì. Theo bốn tiếng Phạn gọi là tý-thác-truy-trĩ. Chữ trừu trĩ là dùng cái chày mà đánh, hoặc gọi là đàn, hoặc gọi là đồng. Đây người phiên dịch không đúng, giống như kia không có lấy đá mà ném vào chuông được, cho nên chữ trừu trĩ lẫn lộn với nhau, lấy làm sai vậy đã lâu rồi.

羅差 La-sai: hoặc nói là lạc-sa, là sai. Nên gọi lạc-xoa. Đây dịch là màu sắc, hoặc gọi là sắc trà.

Kêu-xà-da: đây dịch là trùng y, gọi là dùng bông tơ tầm hoang dã mà là m y đắp mặc, nên gọi là câu xá. Đây gọi tạng, gọi là chứa trong con tầm, trong cái kén. Đây tức là hoang dã, tầm hoang dã.

趨走 Xu-tẩu: Lại viết xu này cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm xúc du. Giải thích tên: đi mau gọi là xu, chạy nhanh gọi là tẩu.

園廁 Thanh xí: Ngược lại âm thất anh. Quảng Nhã cho rằng: thanh là cái chuồng heo, nhà xí (nhà vệ sinh) đều là tên riêng của nhà xí.

瓌異 Khôi dị: Lại viết chữ hai chữ khôi đều đồng nghĩa. Ngược lại là âm cổ huýnh. Nghĩa đẹp kỳ lạ gọi là. Quảng Nhã cho rằng: viên ngọc to lớn lạ lùng.

禦之 Ngự chi: văn cổ viết ngự, cũng đồng. Ngược lại âm ngư cử nghĩa là cản ngăn. Theo Tả Truyện: cũng gọi dừng lại ngăn lại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: ngăn cấm.

娑咩 Sa-mị: Ngược lại âm di nhĩ.

喽洺 Lôu minh: Ngược lại âm lạc khẩu. Ngược lại âm dưới là nô định.

婆娑 Bà-đề: Ngược lại âm đình lễ.

La-đề: Ngược lại âm tiên lễ.

婆緇 Bà-tri: Ngược lại âm trực tri.

- Quyển 13, 14, trước không có âm để giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP QUYỂN 15

劫波育 Kiếp ba dục : Hoặc nói kiếp bối đó là sai, nói cho đúng là ca-ba-la tên là cao xương, là loại lông len có thể lấy làm vải. Ở nước Kế Tân lấy phía Nam, lớn đó trở thành cây đại thọ, lấy phía Bắc hình trạng nhỏ, như là đất có cỏ có ngũ cốc, mỗi lấy ra như là cây liễu, cây bông, mà lấy tơ có thể dệt là m vải. Âm ngược lại âm nữ trần.

摠積 Lâu tích: Ngược lại âm lực cự, lâu là cong lại. Ngược lại âm dưới là bị mịch. Tích nghĩa là què chân không có thể đi được, chữ viết từ bộ chỉ.

跛蹇 Bả kiến: Lại viết bả, cũng đồng. Ngược lại âm bổ ngã. Ngược lại âm dưới là cư miễn. Sách Tự Tâm cho rằng: Bả kiến : là thọt chân đi không có ngay được.

攢面 Oa diện: Ngược lại âm nhất qua. Quảng Nhã cho rằng: oa là chỗ thấp trũng. Kinh văn viết, ngược lại âm nhất hồ chữ ô nghĩa là cái ao hồ, chẳng phải nghĩa đây dùng.

櫨榑 Lô bạc: Ngược lại âm lai đô. Ngược lại âm dưới là bình bích. Sách Thuyết Văn cho rằng: bạc lô là cây cột trụ trên xà nhà. Tam Thương cho rằng: cây cột trên xà nhà. Tam Thương cho rằng: cây cột vuông ở trên. Người ở Sơn đông, Giang nam đều gọi là cây đà ngang. Chỗ mộng bộ phận được đục để ráp vào lỗ, mộng tròn lỗ vuông, ý nói không ăn khớp với nhau. Âm nhuế ngược lại âm cổ hề.

貽懌 Di dịch: cổ văn viết di, cũng đồng. Ngược lại âm vực chi. Ngược lại âm dưới là dĩ ích. Sách Nhĩ Thất cho rằng: di dịch là vui vẻ, đẹp lòng. Trong kinh văn viết là tân dịch, chữ dịch đây chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

鑿領 Giám lĩnh : văn cổ viết giam cũng đồng. Ngược lại âm công sam. Sách Phương Ngôn cho rằng: giám sát, cũng gọi là xem duyệt xét. Kinh văn viết giám là chẳng phải nghĩa đây dùng.

腕轄 Quán hạt: Ngược lại âm cổ hoãn, dưới lại viết vũ hạt hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm hồ hạt. Sách Phương Ngôn ghi rằng: mở cánh cửa bên qua bên tây gọi là quán, cũng gọi là hạt, gọi là chốt đầu trụ xe, lấy chốt gài đầu trục xe. Kinh văn viết từ bộ trúc viết thành chữ quán là chẳng phải thể vậy.

鞞鞞 Thu dẫn: Lại viết thi trĩ, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm trực nhấn. Gọi là sợi dây cột mũi trâu.

旒幢 Lưu tràng: Sách Tự Thư viết chữ lưu này cũng đồng. Ngược

lại âm lữ chu. Gọi là loại cờ có cắm lông chim ở đầu cần, mà người đi xứ ngày xưa thường cầm theo để tỏ ý tôn kính. Cờ của vua có mười hai tua, cờ của các chư hầu có chín tua.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP
QUYỂN 16

樵季 Tiều quý: văn cổ viết chữ quý này cũng đồng. Ngược lại âm kỳ quý. Sách Tự Lâm cho rằng: quý là tim đập mạnh vì sợ hãi. Sách Thuyết Văn cho rằng: hơi thở không định.

蚩笑 Xi tiếu: Ngược lại âm xích chi. Sách Thiên Thương Hiệt cho rằng: khinh nhờn, xem thường. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ xi là chẳng phải thở.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP
QUYỂN 17

郁鳩 Úc-cưu: Ngược lại âm ư lục.

鳩鵲 Cưu-ly: Ngược lại âm lực tri.

臞期 Ủy-kỳ: Ngược lại âm ư phí.

曬婆 Sái-bà: Ngược lại âm lực tri.

- Quyển 18, 19, trước không có âm.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP
QUYỂN 20

唏滌 Hy địch: Ngược lại âm hồ kỷ.

唼梨 Lâu lê: Ngược lại âm lực khẩu. Kinh văn viết lâu là chẳng phải.

斫慄 Chúc thu: Ngược lại âm tửu do.

畢伽 Tất-già: Ngược lại âm tư thất. Kinh văn viết tất, là chẳng phải thể.

Đề thương: Ngược lại âm nhi dương.

Tát-đà: Ngược lại âm đồ đa. Kinh văn viết đà này là chẳng phải.

茂阡 Mậu-đà: Ngược lại âm thổ hồ. Trong kinh văn viết đà là chẳng phải.

遯奔 Độn bôn: Nay lại viết độn lộc, hai chữ tượng hình. Ngược lại âm đồ đốn. Độn nghĩa là chạy trốn. Quảng Nhã cho rằng: độn là trốn tránh lánh nạn.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP QUYỂN 21

刀戟 Dao kích: Ngược lại âm cự nghịch. Sách Tự Lâm cho rằng: kích là có cán dài sáu thước loại binh khí ngày xưa.

确蓋 Xác tận: Ngược lại âm khổ giác. Sách Mạnh Tử cho rằng: xác là cái tháp mỏng nổi trên đất. Nay cũng lấy đây là m thí dụ. Xác là bệnh ốm gầy. Ngược lại âm khổ giác. Văn thông dụng gọi là vật cứng chắc bền gọi là xác. Nay lấy đây đề chí nghĩa trên.

奎星 Khuê tinh: Ngược lại âm khẩu thôi.

婁星 Lôu tinh: Ngược lại âm lực hậu. 昂

星 Ngang tinh: Ngược lại âm vong bào.

Chủ tinh: Ngược lại âm tử di. Âm Ngô lại là túy duy. Âm Tần là tham tinh, là trên đầu có ba ngôi sao nhỏ.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP QUYỂN 22

嘻滌 Hy địch: Ngược lại âm hư cơ.

Cứu chu: Ngược lại âm trúc lưu.

婆柘 Bà thị: Ngược lại âm xương thị.

阡阡 Đà đà: Ngược lại âm thổ hồ.

淫婆 Dâm bà: Ngược lại âm dĩ châm. Trong kinh văn viết dâm, là chẳng phải vậy.

至醜 Chí Đam: Ngược lại âm hồ đam. Trong kinh văn hàm là chẳng phải.

比他 Tỷ tha: Ngược lại âm bì mỹ.

薛荔 Bệ lệ: Ngược lại âm bổ tế. Âm dưới là lực kế. Nói cho đúng là bệ lệ đa. Đây dịch là tổ phụ, hoặc nói là ngạ quỷ, là trong loài ngạ quỷ rất kém.

尼旃 Ni triệu: Ngược lại âm đồ đao (T414).

籃廁 Lam xí: Ngược lại âm ư lục.

醜男 Đà nam: Hoặc là viết hai chữ nam tượng hình cũng đồng nghĩa, ngược lại âm nữ hàm.

將那 Tướng na: Ngược lại âm sữu thượng. Trong kinh văn viết từ bộ khẩu viết thành chữ trưởng là chẳng phải vậy.

兵革 Binh cách: Ngược lại âm cổ hoạch. Việc trong quân lữ gọi là: binh cách cũng gọi là binh khí, có nhiều phức tạp lộn xộn, da dầy bao kiếm v.v...

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP QUYỂN 23

桌桌 Trác trác: Ngược lại âm trác giác.

兜仇 Đâu cừu: Ngược lại âm đô hậu. Ngược lại âm dưới cự ngư.

羅昇 La-di: Ngược lại âm thi tử.

薛扶 Bệ phù: Ngược lại âm thất duẩn.

Du nam: Ngược lại âm ư lục.

伽恨 Già hận: Ngược lại âm lực thượng.

𡗗 la: Ngược lại âm đình hề. Kinh văn viết cần là chẳng phải.

Diên thực: Ngược lại âm thi diên. Âm dưới là thời lực. Diên là đất mềm dùng đem hòa trộn trong nước. Thực là đất sét, chỉ vùng hoang vắng xa xôi, nơi là m đồ gốm.

- Quyển 24,25, trước không có âm giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP QUYỂN 26

手探 Thủ thám: Ngược lại âm tha hàm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: dung tay từ xa để lấy tin tức gọi là thám.

苓禋 Linh sính: Ngược lại âm lịnh đình. Âm dưới là thất đình, Tam Thương cho rằng: linh sính cũng như chữ liên hệ, nghĩa là cô độc không nơi nương tựa.

- Quyển 27, không có âm giải thích.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP
QUYỂN 28

貽襄 Di nương: Ngược lại âm việc chi, âm dưới là nhi dương.
Hãm khư: Ngược lại âm ư lục. Âm dưới là khương giá. Kinh văn viết từ bộ đậu viết thành chữ hãm này là chẳng phải.

榘磨 Ốt ma: Ngược lại âm nhất ngột.

勸比 Duệ tỷ: Ngược lại âm cự mục.

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI TẬP
QUYỂN 29

迦睇 Ca-đê: Ngược lại âm tha đê. Một âm nữa là đồ kế. Dựa theo chữ hé mắt mắt nhìn gọi là đê.

霖雨 Lâm vũ: Ngược lại âm lực kim, nghĩa là mưa dầm từ ba ngày sắp lên gọi là lâm.

係心 Hệ tâm: Văn cổ viết là hệ kế. Hai chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm khể nghệ. nghĩa là nối kết lại, buộc, bó lại, cột chặt lại.

KINH ĐẠI TẬP NHỨT TẠNG PHẦN*Huyền Ứng soạn.***QUYỂN 1**

僧伽藍 Tăng-già-lam: Xưa dịch là thôn. Đây gọi là sai. Nói đúng là Tăng-già-la-ma. Cũng gọi là chúng viên, nghĩa là nơi tăng chúng ở.

生挑 Sanh thiêu: Ngược lại âm tha nhiêu. Theo Thanh Loại cho rằng: thiêu là gánh, chọn lựa. Cũng gọi là dùng tay cầm nắm giữ lấy vật, âm quyết ngược lại âm ô huyết.

俱蘭吒花 Câu-lan-trá hoa: Hoặc nói là câu-lan-trà hoa. Đây dịch là hoa có màu sắc hồng.

KINH ĐẠI TẬP NHỨT TẠNG PHẦN**QUYỂN 2**

逋沙 Bô-sa: Ngược lại âm thị ngũ. Lại cũng viết bổ-câu-sa, hoặc nói là phú-lưu-sa đều sai. Nói cho đúng là phú-lô-sa. Đây gọi là Sĩ phu, hoặc nói là Đại phu. Trong kinh luận viết là bổ là sai vậy.

仉必 Tỹ-tất: Ngược lại âm thất thị. 羅

磨 La-ma: Ngược lại là âm ngô-khả.

羅迷 La-mê : Ngược lại âm ngô-hạ. 復

哆 Phục-đa: Ngược lại âm đô-ngã. 級

跋 Cáp-bả: Ngược lại âm tô-hợp. 娑谁

Sa-thùy: Ngược lại âm vu-cưu.

咽覲 Yên hiên: Ngược lại âm nhân hiên.

鉢多 Bát-đa: Ngược lại âm đồ-khả.

拔斤 Bát-cân: Ngược lại âm lực khả.

波昇 Ba-di: Ngược lại âm thị hề. 三

妈 Tam mụ: Ngược lại âm vong cổ.

産价 Chí giới: Ngược lại âm sĩ nhất, âm dưới là hồ giới.

惡期 Ác-kỳ: Ngược lại âm cư-khỉ.

摔俯 Tốt-chu: Ngược lại âm tảng một.

诘娄 Hồ-lâu: Ngược lại âm nhất vũ, âm dưới là lặc khẩu.

Y-la: Ngược lại âm lực-ca.

Hệ-tỳ: Ngược lại âm bình đệ.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 3

Yểm-câu: Ngược lại âm ô-cấm.

Si-đề: Ngược lại âm sung-chi.

Na-đề: Ngược lại âm tha-lệ.

Tần-bà-nhân: Theo kinh Phật bốn hành nói là tần-bà-la. Đây dịch là số dương thập thế.

Bồi-bi: Ngược lại âm bồ khẩu, bồ lai, hai âm.

A-nhẫn: Ngược lại âm nữ chấn.

Bệ-điệt: Ngược lại âm phò tất. Âm dưới là đồ kiết.

Gian quỹ: Ngược lại âm cư mỹ. Quảng Nhã cho rằng: quỹ là kẻ trộm. Theo Tả Truyện cho rằng: ở trong lấy gọi là gian, ở ngoài lấy gọi là quỹ.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 4

𧈧 𧈧 Lâu hàm: Lại viết lâu cũng đồng. Ngược lại âm lực hậu. Bì Thương cho rằng: lâu là xương đầu. Ngược lại âm dưới là hồ cảm. Sách Phương Ngôn cho rằng: hàm là xương gò má, xương hàm.

腥臊 Tinh tao: Lại viết chữ tinh cũng đồng. Ngược lại âm tiên đình. Dưới lại viết táo cũng đồng. Ngược lại là âm thừa lao, văn thông dung cho rằng: mùi tanh của cá gọi là tinh, mùi tanh của thú gọi là tao, âm giả là âm da. Tinh tao hai chữ đều từ bộ nhục. Trong kinh văn viết từ bộ nguyệt đó là người viết sách viết sai lầm.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 5

縲晰 Luy tích: văn cổ viết chữ dục cũng đồng. Ngược lại âm tài diệc. Sách Thuyết Văn ghi rằng: tích là gậy ốm cũng gọi là mỏng manh.

Dăng thư : Ngược lại âm thất dư. Tam Thương cho rằng: con ruồi

con nặng rút rĩa trong thịt gọi là thư tức là con giò. Trong văn kinh viết từ bộ trùng viết thành chữ thú. Ngược lại âm tử dư. Con giò, con nặng, con kiến, con rít. Lại viết chữ thư này lâu ngày thành ung. Hai chữ tượng hình đều chẳng phải nghĩa của kinh vậy.

得臠 Đắc hoặc: Ngược lại là âm hồ các. Dương Dật chú giải sách Sở Từ rằng: nấu canh có rau gọi là canh, không có rau gọi là hoặc tức là canh thịt.

蔔擠 Bặc tê: Ngược lại âm trên là bằng bắc. Ngược lại âm dưới là từ tây. Lại viết chữ tê này cũng đồng. Đây thuộc về loại nước tương, xì dầu, tương giấm, chỗ gọi là hòa với gia vị rất nhỏ gọi là tô, bao gồm các loại thực vật. Nay ở Trung Quốc đều gọi là tê là gi vị. Ở Giang nam nói tóm tắt là thực vật.

昔剽 Tích phiêu: Ngược lại là âm tường truyền lực thậm hai âm. Nói cho đúng là cây cột chống đỡ trong nhà gọi là đông cũng gọi là lương, là cây cột chính giữa nhà, hoặc nói là cực là cây đòn dông, đòn tay chính giữa nóc nhà.

稜住 Canh trụ: Ngược lại âm trên là lặc canh. Cũng là âm sĩ mạnh. Nay gọi là cây cột phụ, cây xuyên nhà. Trong kinh viết chữ trường là chẳng phải thể.

任振 Nhậm chấn: Ngược lại là âm thư lân. Người phụ nữ mang thai gọi là chấn. Sách Hán Thư Mạnh Khang cho rằng: âm chấn tức là thân. Nay phần nhiều lấy chữ chấn viết thành chữ thân cả hai chữ đều thông dụng.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 6

凍悒 Đống yết: Lại viết hai chữ yết tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm ư hiết. Gọi là bị thương nhiệt, phiền muộn mà chết.

石撈 Thạch liệu: Ngược lại âm lực điêu. Liêu là ném quăng. Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ sào, tương với chữ kích là đánh gỗ.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 7

刪刪 San san: Ngược lại là âm sở gian. Tên của Long vương. Dựa theo chữ và thanh loại cho rằng: san định.

拏中 Biện trung: Ngược lại âm, bổ định, ty biện hai âm. Quảng Nhã cho rằng: chuồng heo, nhà xí (nhà vệ sinh).

乳哺 Nhũ bộ: Ngược lại âm bồ lộ. Tự Lâm cho rằng: bộ là bú nhai thức ăn. Cũng gọi là nhai thức ăn trong miệng.

不憚 Bất đạn: Ngược lại âm đồ thả. Mao Thi Truyện cho rằng: lẽ nào dám phóng túng, nên chăm chú vào một chỗ, nên e dè cẩn thận gặp việc khó, cũng gọi là sợ sệt.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 8

Nhơn yểm: Ngược lại âm ô nghiệt. Nốt ruồi đen. Sách Thuyết Văn cho rằng: nốt đen bên trong.

翌軫 Dực chấn: Ngược lại âm di chức. Âm dưới là chi nhấn. Ở phương Bắc gọi là túc, tức là sao túc. Chữ vực cũng gọi là vực là cánh chim.

嗟訖 Ta kiết: Ngược lại tô kế, tăng nga hai âm. Đây là thiên hỏa, họ Ta-kiết-lợi-đa-tà-ni.

拓地 Thác địa: văn cổ viết can thác. Hai chữ tượng hình. Nay viết là thác cũng đồng. Ngược lại âm tha các, nghĩa là khai thác đất đai.

剛毅 Cương nghị: Ngược lại âm ngư ký. Sách Thuyết Văn cho rằng: nghị là có quyết định, cương quyết. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: là đích xác, hết lòng, quả quyết, gọi là nghị.

親暱 Thân nặc: Lại viết chữ nặc này, cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nữ lật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thân cận, gần gũi. Lại gọi là quá thân mật, thân mật cũng giống như thân cận nhiều lần.

秒綆 Sao cảnh: Văn cổ viết ngao, tiên, thủ, trâu bốn chữ tượng hình. Nay người dân chính xác thực là muốn hong khô dưới ánh nắng mặt trời, hoặc là ráng cho khô. Cổ văn viết chữ này cảm thấy rất kỳ lạ. Viết chữ yên này cũng đồng. Ngược lại âm sơ giáo. Sách Phương Ngôn cho rằng: rang nướng sào, dưới lửa là m cho khô. Âm luân, ngược lại

âm bì bức.

慎傲 Thận cảnh: Văn cổ viết chữ cảnh cảnh. Hai chữ tượng hình đều đồng. Ngược lại là âm cư ảnh. Gọi là răn bảo, trách phạt đối với người có lỗi, cũng gọi là canh phòng thận trọng. Quảng Nhã cho rằng: cảnh giác, không an.

嘲戲 Trào lý: Lại cũng viết là trù, cũng đồng nghĩa, Ngược lại âm trúc bao. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: trù là đùa cợt, chọc ghẹo, cùng nhau bốn cợt là m trò đùa vui.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 9

蜻飛 Quyên phi: Ngược lại âm ư toàn. Sách Tự Lâm cho rằng: loài côn trùng, bò lúc nhúc, hoặc là viết mân. Ngược lại là âm hô toàn, loài côn trùng biết bay.

桁械 Hành giới: Ngược lại âm hồ lang. Ngược lại âm dưới là hồ giới. Văn thông dụng cho rằng: câu thúc người có tội lại gọi là hành giới. Nghĩa là cột xuyên qua cây, cộng thêm chân vào gọi là cùm chân, cây cùm lớn gọi là hành.

他屮 Tha di: Âm thị. Ngược lại âm thị di. Dựa theo chữ sách Nhĩ Thất cho rằng: di là chỗ nương dựa.

謹謹 Cẩn cần: Ngược lại âm tích cốt. Quảng Nhã cho rằng: là chuyên cần, siêng năng Bì Thương cho rằng: là sức mạnh, gắng sức lực.

喫趕 Khiết cảm: Ngược lại âm khẩu tích, gọi là cắn thức ăn, nhai thức ăn mà ăn.

KINH ĐẠI TẬP NHỰT TẠNG PHẦN QUYỂN 10

壘身 Đàm thân: Theo Thanh Loại viết chữ hai chữ đàm, tượng hình. Giải thích chữ cổ, văn cổ viết chích hoán, cũng hai chữ tượng hình. Nay lại viết chữ đàm cũng đồng. Ngược lại âm tương liêm. Văn thông dụng giải thích rằng: lấy nước sôi nhỏ bỏ đi cái lông gọi là đàm. Kinh

văn viết hãm. Theo sách Thuyết Văn cho rằng các âm trên đầu là âm dư thiêm. Lại là âm dương chiêm, gọi là phóng hỏa đốt cháy, âm hãm là chẳng phải nghĩa trong kinh dùng vậy.

嗽於 Thấu ư: Lại viết thấu này đồng. Ngược lại âm sơn giác. Gọi là hầu huấn nghĩa là súc miệng, ho. Kinh văn viết từ bộ khẩu viết chữ thấu này là văn thường hay dùng.

刀𠄎 Dao trâm: Lại viết chữ khâm khâm hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tru kim gọi là cái chày đá đập sắt thép.

珞𠄎 Lạc khẩu: Ngược lại âm lực các. Gọi là người nấu nướng, giữ giặt các vật gọi là lạc.

Trong kinh văn viết lạc. Ngược lại âm thức chước là chẳng phải nghĩa của kinh dùng vậy.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN

Huyền Ứng soạn.

QUYỂN 1

La đề: Ngược lại âm ô lễ. Lại viết chữ hề, dựa theo chữ nghĩa Quảng Nhã cho rằng: ứng thanh.

Trường xúc: Sách Thuyết Văn cho rằng: viết chữ đường trụ là cây cột chống đỡ. Ngược lại âm trụ canh. Theo chữ tóm tắt viết chữ trường. Ngược lại âm trường canh, gọi trường va chạm, xúc chạm. Lại gọi là trong lòng lân lân cảm xúc, âm xúc ngược lại là âm nữ xung.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN

QUYỂN 2

Tề cổ: Nay ở trong Thanh Lạc có loại trống này. Mặt trống rất phẳng bằng, cho nên gọi là tề cổ.

劍鼓 Kiếm cổ: Ngược lại âm lực chiêm. Gọi là lấy ngói là m da bịt hai mặt trống, dùng cây gậy đánh, gõ. Trong kinh văn viết hợp, nghĩa là cái chậu lớn.

矛𠄎 Mâu toàn: Lại viết hai chữ mâu tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm mạc hậu. Sách Thuyết Văn ghi rằng: cây mâu dài hai trượng, là

m nơi binh xa quân lính đánh giặc. Ngược lại âm dưới là thất loạn. Quảng Nhã cho rằng: toàn gọi là cây thương kích nhỏ hơn cây mâu. Nay ở Giang nam lấy làm thối nước mài đá cho bén, người thợ dùng là m rên thép, âm diên là âm đặng, âm hề ngược lại là âm khẩu hề. Trong kinh văn viết hề này là chẳng phải thể vậy.

𠵹 𠵹 Tha nịnh: Ngược lại là âm thất dư. Gọi là thư nghĩa ghen ty. Ngược lại âm dưới là nô định. Gọi là nịnh hót nói lời mê hoặc không chân thật. Chữ viết từ bộ nữ đến bộ nhân. Sách Luận ngữ cho rằng: là người ác, gian nịnh, nghĩa đây tức là từ bộ nữ. Theo Tả Truyện cho rằng: là người cô quả cô đơn không có vợ, không thể là m việc cha, anh được, nghĩa đây tức là từ bộ nhơn.

𠵹 𠵹 Đẳng tộ: Ngược lại âm tổ cố. Tộ tức địa vị, phước lộc, cũng gọi là phúc là nh, điều may mắn tốt là nh.

𠵹 𠵹 Giáo hoạt: Ngược lại âm cổ ảo. Ngược lại âm dưới là hồ quát. Sách Phương Ngôn cho rằng: phàm là đứa trẻ nhỏ mà có nhiều nghịch ngợm. Gọi là giáo hoạt, hoạt cũng gọi là loạn. Tam Thương cho rằng: thông minh mà ác xấu ác.

𠵹 𠵹 Phật nhưng: Lại viết hai chữ nhưng tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm nhi lãng. Quảng Nhã cho rằng: nhưng là nhiều lớp. Là nguyên nhân là chính vì vậy.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 3

𠵹 𠵹 Trần ế: Cổ văn viết chữ ế này cũng đồng. Ngược lại âm ư kế. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: trời âm u mờ mịch, tối lờ mờ. Giải thích tên gọi là đó cũng gọi là bị ngăn che. Cũng gọi là không có sáng sửa sạch sẽ.

𠵹 𠵹 Oán thù: Ngược lại âm thị chu. Tam Thương cho rằng: tình cờ gặp nhau gọi là thù. Thù là đối địch với nhau. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: thù nhiều kiếp.

𠵹 𠵹 Đông thử: Trụ văn viết chữ đông cũng đồng. Ngược lại âm chi cung. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: đông cũng giống như thử nghĩa là con chuột. Sách Thuyết Văn cho rằng: tức là con văn báo, giống chuột. Kinh văn viết trung, âm chung, tên của loài côn trùng là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

訓狐 Huấn cô: Ngược lại âm dưới là hộ cô, tức là loài chim tu hú, tên khác nữa là con chim cú mèo. Binh văn viết huân hồ là chẳng phải thể vậy.

土梟 Thổ kiêu: Ngược lại âm cổ điều là con chim có tiếng kêu quái ác. Sách Thuyết Văn cho rằng: là loài chim bắt hiếu, vì giống chim này ăn thịt mẹ, nên gọi là bắt hiếu. Kinh văn viết thổ điều, hoặc là viết gốc điều là chẳng phải vậy.

痿茂 Ủy mậu: Ngược lại âm ư vị. Thiên Thương Hiệt ghi rằng: ửy là loài cây cỏ mọc sum xuê. Ủy cũng gọi mậu bị che kín rậm rạp.

期尅 Kỳ khắc: Ngược lại âm cự tắc. Âm dưới là khẩu lặc. Nói là lúc đương thời, tất nhiên vậy. Kinh văn viết là kỳ là chẳng phải.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 4

蕃息 Phiên tức: Ngược lại âm phụ viên. Phiên tức là ầm ướn sanh sôi nảy nở ra rất nhiều, tràn đầy tắc nghẽn. Nay ở Trung Quốc gọi là sanh nở không ngừng con đàn cháu đống. Ngược lại là âm thất vạn. Đồng thời sanh sôi nảy nở cũng viết chữ nhậm này.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 5

羅陞 La bệ: Ngược lại âm phổ nghệ.

Hệ cán: Ngược lại âm hồ kế, âm dưới là công danh.

海島 Hải đảo: Văn cổ viết đảo này cũng đồng. Ngược lại âm, đô đạo, đô giao hai âm. Sách Thuyết Văn ghi rằng: Ở trong biển mà có cái núi mọc lên có thể nương dựa dừng nghỉ gọi là đảo. Giải thích tên gọi là đảo, là người có thể chạy đến nơi này, cũng nói rằng nơi đảo có rất nhiều chim, nhân vật đến vui thú cùng với chim vậy.

迦利 Ca-lợi: Hoặc tên là Ca-lợi vương. Trong luận hoặc là viết già-lam-phù, nói cho đúng là yết-lợi-vương. Đây dịch là Hích Trách Vương (vua thích gây chiến tranh đánh nhau).

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 6

佉伽 Khư-già: Lại viết khát già, đều sai. Nói cho đúng là yết-già. Đây dịch là con bò lang lỗ, là con bò có nhiều đốm lông khác nhau. Âm yết. Ngược lại là âm khư yết.

裡訶 Lý ha: Lại viết chữ lý này cũng đồng. Ngược lại âm tức lý. Tên là Thiên đồng nữ, đồng nữ ở cõi trời.

疲灑 Bì lạc: Ngược lại là âm tân bì. Ngược lại âm dưới là phổ mạc là ao lớn lạc là tên của một con sông ở tỉnh Sơn đông Trung Quốc, cũng là tên của một con sông ở U châu Trung Quốc, tên của sông ở tỉnh Hà bắc điện. Âm điện là điện, nay thông dụng cũng gọi là tên của con sông vậy. Kinh văn viết bạc là ao hồ. Đây là mượn âm, chẳng phải thể.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 7

純淨 Thuần tịnh: Ngược lại âm thời quân gọi là chuyên nhất, không có khó khăn. Sách Phương Ngôn cho rằng: thuần là tốt đẹp, là rộng lớn. Kinh văn viết thuần này. Sách Thuyết Văn cho rằng: rót rượu. Lại viết thuần nông : là chất phác, hiền là nh thật thà. Nghĩa là chữ thuần này vẫn là một nghĩa.

尸托 Thi thác: Lại viết thác xà hai chữ tượng hình đồng. Ngược lại lạc giá tên là Càn-thát-bà. Ngược lại là âm việc chu vực cứu hai âm. đây gọi là tên của loài rồng.

瞞懼 Bãng cụ: Ngược lại âm mạc quang.

恠伽 Không già: Ngược lại âm, vong hội, hoặc hòa hai âm.

憇婆 Điềm bà: Ngược lại âm cứu nghiêm.

里河 Lý hà: Ngược lại âm tức lý.

黠罰 Y-càn: Ngược lại âm nhất hề.

謫罰 Trích phạt: Ngược lại âm đô cách. Văn thông dụng cho rằng: phạt tội gọi là trích. Lâm Tự cho rằng: tội lỗi đáng quở trách. Sách Thuyết Văn cho rằng: tội nhỏ gọi là phạt, phạt cũng gọi là chiết phục cho chữa bỏ vậy.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 8

婆速 Bà tốc : Ngược lại âm tạng hậu, tạng cốc, hai âm. Dựa theo chữ gọi là tưới nước cho cỏ cây mọc sanh tốt gọi là tốc.

蕾鼓 Lôi cổ : Ngược lại âm lực hồi. Sách Chu Lễ cho rằng: lôi cổ là loại trống để cúng tế thần. Trịnh Huyền cho rằng: lôi cổ có tám mặt trống vậy.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 9

闔辟 Hạp bệ: Ngược lại âm thị giám. Ngược lại âm dưới là bồ mê, tên của nước.

鱣善 Thiện thiện: Ngược lại âm thời chiến. Sách Hán Thư cho rằng: vốn tên nước là Lôu Xà. Bởi vì tương truyền rằng: ông vua nước này chém đầu con mình, về sau lại dựng nước lấy tên là thiện thiện. Lại lấy quốc hiệu là Ô Kỳ, gọi là nước Nam Dương rồi sau đó mở mang ra ngoài rất rộng lớn.

Di-la: Ngược lại âm Ô-hề. Tên của vua A-tu-la.

KINH ĐẠI TẬP NGUYỆT TẠNG PHẦN QUYỂN 10

Giá đạt: Ngược lại âm Lai hạt. Tên của nước. Dựa theo chữ sách Vận Tập cho rằng: tự đất, nói không đúng.

日莖 Nhật hồng: Ngược lại âm hồ công. Âm theo Giang đông là phùng. Sách Nhĩ Nhã âm nghĩa rằng: nổi lên hai đường màu sắc rất đẹp, gọi là hùng hùng gọi là hồng, đó là âm hùng hùng là điện chớp tên đời đông, tức là cầu vòng.

皮鷁 Bì nghịch: Ngược lại âm bì mỹ. Ngược lại âm dưới là sĩ cách. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: bì là hủy hoại nghịch là nứt ra. Quảng Nhã cho rằng: nghịch là phân ra. Sách Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ thổ đến nghịch, âm xích.